

MỤC LỤC

MÙA TRONG TIM	2
SÔNG OKKERVIL	24
HIỆN DIỆN TẠI ĐÂY LÀ VỢ CHỒNG MAPLE	37
NGÔI NHÀ SA THẠCH	52
THÚ HOANG	84
MẮT NAI GIỮA THÀNH PHỐ BẠC	93
NHỮNG KẺ ĐI SĂN TRONG TUYẾT	106

MƯA TRONG TIM

Khi cuộc diễn tập kết thúc, họ dừng lại bên rìa cánh đồng, viên trung sĩ huấn luyện nhìn qua thung lũng bằng phẳng về phía cánh rừng trên mỏm Peavine. Giữa những luồng ánh sáng lấp loá trên ngọn cây vào buổi chiều muộn, viên trung sĩ huấn luyện có thể nhìn thấy những mái nhà chóp nhọn ở phía bên kia, cách bảy dặm về phía Tây, nơi dân cư cư trú nhiều hơn.

Chán chường, viên trung sĩ chống báng súng vào bùn và quay ra bảo đội tân binh quay về doanh trại. Nhưng họ đã đi mà không nói gì với anh, anh đứng một lát nhìn họ quay trở về phía những dãy nhà ở khu đất công, vài người đã tháo súng ra khỏi vai, những người khác đeo súng bằng sợi dây da theo một mang vali.

Trên cánh đồng phía sau viên trung sĩ là những dấu vết mà anh và mười hai người đã tạo nên trong suốt một tiếng đồng hồ luyện tập. Anh quay lại, ngắm nghía những dấu vết ấy một lát và băn khoăn tự hỏi không biết mình có nói được là có bao nhiêu người đã dậm chân ở đó và số lượng ấy có đủ để đối đầu với sức mạnh của quân địch hay không. Rồi với một cái nhún vai, anh lại quay mặt về phía mỏm Peavine, nghĩ ngợi trong chốc lát về cái mỏm còn lại ấy ở vùng ngoại ô nơi vợ anh đã tìm thuê được mấy căn phòng có sẵn đồ đạc. Và nhìn mỏm đất đằng trước trải dài vô tận tới phía Bắc và phía Nam trong lúc anh đang để ý một chiếc xe buýt dài và xe điện đang chạy phía trước con đường anh trở về nhà tối nay. Đột nhiên anh khoác khẩu súng trường qua vai và bắt đầu quay về doanh trại của mình.

Lối đi gần nhất để đến doanh trại của các hạ sĩ là đi qua khu rải nhựa đường rộng lớn nơi tất cả đơn vị được quản lí. Khi viên trung sĩ băng qua khu rải nhựa, mỗi lần nâng bước chân lại đòi hỏi một sự cố gắng đặc biệt của anh. Kể từ kì nghỉ phép và cuộc du lịch tuần trăng mật lên vùng núi thì đây là đêm đầu tiên viên trung sĩ được cấp phép để đi thăm vợ. Khi tới cổng trước lối vào doanh trại, anh nấn ná bên bảng tin. Anh đứng vu vơ xem xét những thông tin được ghi ở đó. Nhưng cuối cùng anh đứng thẳng người, quay ra và nhanh nhẹn bước vào trong. Anh biết doanh trại đã đầy ắp người với những trò đùa cũ rích, thân thiện nhưng ác ý.

Khi hấp tấp bước xuống lối đi của doanh trại để lấy chiếc áo khoác bằng vải bông chéo màu xanh, anh đã để lộ sự vội vã của mình. Đầu tiên dường như không có ai để ý tới anh. Nhưng anh vẫn thủ thế vì chán ngấy những trò đùa mà chắc hẳn là không thể tránh được nhằm thẳng vào anh ngày hôm nay. Cuối cùng một hạ sĩ tóc màu đồng, người ngồi trên giường gần giường anh, đang sửa móng tay bằng một con dao, bắt đầu hát:

Vâng, nàng nhảy lên giường

Và nàng che đầu mình lại...

Một giọng khác từ bên lối đi vọng sang đáp lại lời hát này:

Và nàng thề là anh không thể tìm thấy nàng.

Rồi có những giọng khác, vài giọng giả giọng nữ cao, những giọng còn lại bắt chước hợp xướng nam trầm, từ tất cả mọi hướng của căn phòng dài hợp lại:

Nhưng nàng biết rất rõ

Rằng nàng dối như quỷ

Khi anh nhảy đến bên nàng.

Viên trung sĩ hơi đỏ mặt, giả bộ rất giận và bắt đầu cởi quần áo để đi tắm. Lặng lẽ, anh thầm nhắc mình khi xuống thị trấn thì nhớ phải mang theo quyển Lịch sử nội chiến to tướng vì nó đã quá hạn ở thư viện thành phố. Nàng sẽ trả nó cho anh vào ngày mai.

Trong phòng tắm, đầu tiên cánh lính cũng giả đồ không trông thấy anh. Họ đang nói về những kế hoạch của mình tối nay dưới thị trấn. Một viên trung sĩ cao và gầy gơ xương có mái tóc đen cứng đang nói: “Tôi đã có cuộc hẹn rất hay vào tối nay với một nữ quân nhân ở Vermont. Nhưng tất nhiên chúng tôi sẽ phải tiến hành vào lúc nửa đêm”.

Bây giờ tay hạ sĩ tóc màu đồng đã vào phòng tắm. Anh ta nhỏ hơn hầu hết các tay lính khác, và ngay dưới mái tóc màu đồng của anh là cặp mắt màu xanh xám sáng. Anh ta có cái bụng phệ đầy lông trông như một quả bóng. “Kế hoạch của tôi tối nay cũng khá hay”, anh ta nói với người lính cao đứng bên cạnh. “Nàng sống dưới phố với gia đình nên tôi cũng sẽ phải tiến hành sớm. Nhưng cả anh và tôi ngày mai cũng sẽ không bị kiệt sức đâu, Slim à!”

“Đúng”, tay lính cao gầy nhom nói, “có thể chúng ta lấy lại được cân bằng và xoay sở được như những gã khác, bởi vì đôi khi người ta sẽ không cảm thấy thích hành động”.

Nước ấm từ vòi hương sen đổ xuống ngực và lưng anh trung sĩ huấn luyện. Đã là năm thứ hai trong quân ngũ và giờ đây anh phát hiện ra bản thân mình vẫn tiếp tục ngạc nhiên về những tác dụng nho nhỏ mà chuỗi ngôn từ của cánh lính rót lên anh.

Đứng trên lối đi hẹp giữa giường mình và giường viên hạ sĩ tóc màu đồng, anh mặc bộ kaki sạch sẽ trước sự quan sát của những người lính ở trần đang ngồi uể oải trên hai chiếc giường.

“Khi lập gia đình”, viên trung sĩ tóc cứng nói. “Tôi sẽ cưới cho mình một nữ quân nhân mà tôi có thể đưa thẳng ra mặt trận với tôi”.

“Anh không nên làm điều đó”, tay hạ sĩ nói, “cô nàng có thể sẽ bị thương trong trận đánh”. Anh ta và viên trung sĩ gầy nhom, tóc cứng cười to thô lỗ và vui vẻ đến nỗi anh trung sĩ huấn luyện cũng phải cười theo, tuy hầu như không biết gì về những trò đùa mà họ đang làm. Nhưng những tay lính ở trần khác có vẻ ngoài bình thường hơn, nhận thấy trò đùa này không rõ ràng lắm và họ bắt đầu hỏi thẳng:

"Một ả quân nhân và một anh lính nước ngoài có thể cưới nhau được không nhỉ?"

"Nếu một cô quân nhân có thai thì chuyện gì sẽ xảy ra?"

"Khi tôi cưới vợ", anh lính đang duỗi thẳng lưng với đôi mắt nhắm nghiền và chiếc khăn tắm quấn quanh thắt lưng nói, "nàng sẽ là một cô bé dễ thương như vợ ngài trung sĩ đây".

Viên trung sĩ yên lặng nhìn anh ta.

"Nhưng ở nơi nào", Slim hỏi, "anh sẽ gặp được một cô gái như thế khi anh cứ giao du với cái đám bạn bè ấy?"

Tay lính đang nằm ngửa mở một mắt ra: "Nếu tôi là anh thì tôi sẽ không nói về bạn bè của mình. Tôi đã thấy anh và anh hạ sĩ này cùng mấy con búp bê của họ ở khúc queo Midway".

Mắt tay hạ sĩ quan sáng lên. Anh ta cười lớn và hét tướng. "Và hần đã hẹn tôi hai lần, Buck ạ".

"à", Buck nói, mắt vẫn nhắm nghiền, hai tay khoanh trên khuôn ngực trần, "khi tôi lấy vợ tôi sẽ không lấy cái loại đó đâu. Mà cũng không lấy mấy ả quân nhân của anh đâu, Slim ạ".

Slim nói: "Tổng nó ra khỏi cái dạ dày thôi của anh đi".

Một trong những tay lính có hình thức bình thường hơn, dường như để tự đánh thức mình khỏi giấc ngủ đã nói: "Đó là lý do tại sao anh thích họ, phải không, Slim? Anh thích họ bởi họ biết cách à?" Câu đùa của anh ta đủ để làm cho tất cả cười phá lên. Họ cùng nhìn về phía Slim. Thậm chí cả tay lính đang nằm cũng mở một mắt ra nhìn anh ta. Còn Slim, đang lau mái tóc đen cũng bù xù bằng một chiếc khăn tắm màu trắng thì cau nhàu: "ít ra thì tôi cũng không làm hư bọn trẻ miện còn hơi sữa như ai đó".

Anh lính cởi trần tên Buck đang vươn người trên chiếc giường nhỏ mở mắt ra và liếc nhìn về hướng Slim. Lát sau anh ta nhắm mắt lại trầm tư rồi đột nhiên lại mở ra. Anh ta ngồi dậy, dùng đưa chân trên sàn. "Chà, đêm nọ tôi đã gặp một nàng lẻ đôi", anh ta nói. "Nàng đang uống bia một mình ở quán cà phê Conner, tôi đến và ngồi vào phía bên phải nàng, như thế này này". Anh ta

vỗ nhẹ tay lên chiếc chăn màu vàng lục, trong khi nói, anh ta không nhìn ai. Đúng hơn là gương mặt anh ta quay về phía ô cửa sổ ở cuối giường, và với quai hàm bạnh nhô ra, đôi mắt tròn nhỏ đang liếc nhìn, anh ta nhìn chăm chú vào những tia nắng. "Nàng là một người kì quặc và sẽ không nói với tôi bất kỳ chuyện gì chừng nào mà tôi còn ngồi đó. Khi tôi chuẩn bị biến thì nàng nói không được dễ nghe cho lắm; "Này anh lính, chuột đã nói với mèo cái gì?" tôi bảo tôi không biết, nàng nói, "Con mèo này đang giết tôi". Bây giờ tất cả những người lính khác bắt đầu cười lớn và kêu lên ê ê. Nhưng Buck thậm chí không mỉm cười. Anh ta tiếp tục nhìn vào ánh nắng và nói bằng giọng đều đều như trước. "Nên tôi bảo, "vậy thì đi" và cầm tay cô ả kéo mạnh. Nhưng các bạn biết đấy, cô ả là một người kỳ quặc. Cô ta không bao giờ nói nhiều mà chỉ thỉnh thoảng nói một câu đùa tục tĩu. Cô ta không có kiểu rên rỉ nho nhỏ mà tiến tới đều đều và biết xoay xở. Nhưng tôi ghét phải nghe đàn bà nói tục".

Tay hạ sĩ quan bụng phệ nháy mắt viên trung sĩ huấn luyện và nói: "Nghe hấn nói kìa. Hấn bảo sẽ cưới một cô gái dễ thương như vợ anh, nhưng tôi cuộc là anh không xoay xở với cô ả của anh ở quán cà phê Conner hoặc trên sân trượt băng chứ".

Buck giật cái khăn tắm ra khỏi người, kéo nó lại lấy đà và nhanh nhẹn như chớp quật vào cái bụng phệ nhỏ đầy lông của tay hạ sĩ. Viên trung sĩ huấn luyện cười to với mấy tay còn lại và nhìn một lúc vệt trắng chiếc khăn vạch trên bụng mà lẽ ra vẫn còn đỏ vì nước nóng.

Bây giờ viên trung sĩ huấn luyện đã mặc đồ. Anh chải mái tóc hung hung trước cái gương tay hình vuông mà anh ta đã treo trên ngưỡng cửa sổ. Hình ảnh của chính anh gợi anh nhớ về nàng, người chắc hẳn đang đợi anh ở phía bên kia. Nàng với giọng nói miền Nam nhẹ nhàng và đôi tay nhỏ bé cứ luôn nắm lấy chiếc khăn mùi xoa. Đó là cái mà chính gương mặt anh trong chiếc gương nhỏ xíu mang lại cho tâm hồn anh. Thật là không thực tế với anh về những người lính kia và những cơ thể đầy lông của họ, lối ăn nói và tính cách thô lỗ của họ. Thật là tạm bợ. Thật khác với cuộc sống của anh, với cuộc sống của chính anh và nàng.

Anh mở cái tủ thấp bằng kim loại của mình và lấy ra cuốn sách lịch sử mà anh đang đọc đến trận đánh từng xảy ra trên chính nơi doanh trại đóng quân và dọc theo mạn đường anh sẽ đi xe buýt tối nay. Anh với lấy chiếc mũ nước ngoài bằng vải kaki; treo phía bên phải, đội lên đầu và lẩn đi, cố tránh sự chú ý của những người lính đang tụ tập ở đó. Bây giờ tất cả bọn họ đều yên lặng để nghe Slim nói: “Tôi nợ tôi và Pat McKenzie vớ được một ả điểm bé nhỏ kháu khỉnh, ả bị cầm và điếc. Nhưng cuối cùng khi tôi và ả tiến tới để làm chuyện ấy thì ả phát ra những âm thanh khủng khiếp nhất mà ta từng nghe thấy”.

Kẹp quyển sách trong nách, viên trung sĩ huấn luyện băng xuống dưới lối đi giữa những dãy giường, quan sát chỗ này một người lính ở trần đang nhặt đôi tất bẩn lên, chỗ kia một người lính khác đang đánh bóng đôi giày chiến lợi phẩm hay người khác đang thắt chiếc càvạt bằng vải kaki với sự cẩn thận quá kỹ càng. Nhưng ý nghĩ của viên trung sĩ huấn luyện vẫn hướng về nàng với những lọn tóc quăn màu nâu rủ xuống cổ áo trắng của chiếc váy mùa hè. Anh có thể vượt qua đám lính khi đi qua họ như những người bạn tốt mà chỉ cần nói. “Tạm biệt, Smoky Joe”, kẻ dường như luôn nghỉ ngơi thậm chí trước cả lúc mặt trời lặn, và “Tạm biệt, Happy Jack”, kẻ đang cau có nhìn anh. Tất cả bọn họ là những gã tốt bụng nhưng dễ nổi nóng, Smoky Joe, Happy Jack, Slim, Buck và tay tóc màu đồng. Nhưng một người trong bọn họ đã gọi anh khi anh đi ra cửa: “Tôi sẽ không mang theo quyển sách đâu. Anh nghĩ thế nào mà anh lại cầm một quyển sách vào tối nay?” Và những tiếng cười xuyên qua cửa sổ mở rộng phía sau anh, vọng ra ngoài trên khu rải nhựa.

Chiếc xe buýt xô đẩy anh vào những người công nhân thường đi từ các trại nhỏ và công nhân nhà máy xay, những người đã trèo lên xe ngay từ điểm dừng đầu tiên cùng với cặp lồng đựng bữa tối. Anh cảm thấy bấp đui béo mồm của những người đàn bà trung niên đang cọ vào những vùng nhạy cảm trên cơ thể anh, và họ - không biết được những cảm giác thâm kín như thế - nghiêng về phía người khác và trao đổi những câu chuyện về các ông chủ bất lương của mình. Một trong những người đàn bà nói rằng chỉ suýt

nữa là bà ta đã ngừng làm việc vào tuần này. Đàn ông, hầu như cũng ở tuổi trung niên, mặc quần yếm công nhân và áo sơ mi trần, dường như không nhận thấy gì cả ngoài chuyến xe buýt ngoại ô này đi đến một nơi nào đó qua Lake Road, Pidgeon Street, Jackson Boulevard và ở một điểm giao nào đó như vậy họ phải sẵn sàng giật dây báo hiệu và bước xuống. “Ngày đang ngày càng ngắn hơn”, một người trong bọn họ nói.

Viên trung sĩ xuống xe ở đường John Ross và chuyển sang tuyến Mc Flarland Gap. Hành khách trên xe lần này không đông như chuyến đầu tiên. Đàn ông mặc quần áo lao động bằng vải lanh và vải kẻ sọc, đàn bà mang ví, mặc những bộ quần áo được may ở những tiệm may nhỏ và đội mũ rơm rẻ tiền. Những người đó túm tụm lại với nhau mà không nói chuyện gì cả. Thậm chí họ dường như biết người khác đang thì thầm. Viên trung sĩ đứng trên lối đi nhưng thỉnh thoảng lại cúi người và nhìn qua cửa sổ ra những ngôi nhà gỗ một tầng xinh xắn và những khu nhà ở rộng rãi dọc theo hai bên đường. Một ngày nào đó anh sẽ có một ngôi nhà như thế cho riêng mình. Nhà của cha mẹ anh là một ngôi nhà như vậy, có hành lang chắn bên cạnh và mái nhà lợp ngói. Anh như có thể nghe cha mình đang nói: “Cái gọi là ngôi nhà chỉ khi nó có mái lợp”. Nhưng có phải những thứ đó dường như đã trở nên tầm thường và quá trói buộc đối với anh? Có phải trước khi anh nhập ngũ cái đó đã không quan trọng khi tâm trí anh bị giới hạn với cuộc sống ngoại ô thượng lưu dường như không thể chịu đựng nổi bởi sự hạn chế và tù hãm của nó? Thậm chí còn bởi vì sự tù hãm đối với một đoàn người như những người ở đây trên chuyến xe buýt với anh? Vậy nhưng giờ đây khi thỉnh thoảng anh nằm thao thức và cô đơn trong bóng đêm ở doanh trại tối đen dài dằng dặc giữa những người lính ba hoa và vô tư hay khi anh bị huých gối hoặc thúc bằng khuỷu tay bởi sự lo lắng và những bàn tay mệt mỏi vát vả trên xe buýt, anh đều ước ao mong đợi một tình bạn ấm áp mà anh sẽ tìm thấy với nàng và những người hàng xóm điềm điềm của họ trong ngôi nhà có mái lợp xinh xắn.

Xe buýt chạy rầm rầm xóc nảy lên xềnh xệch đến vài dặm về phía sườn dốc ở đầu đường nơi mà rõ ràng là nó cố leo lên bằng số

một. ở tuyến xe buýt cuối cùng anh bước xuống bên đường và đợi xe điện. Một ít hành khách trên chiếc xe đó cũng bước xuống và toả đi khắp các ngả của vùng lân cận, biến mất vào trong các ô cửa những ngôi nhà gỗ một tầng bằng gạch hay những căn nhà hai tầng ốp ván xây ở trên đỉnh và sườn dốc của mỏm đất giữa những cây thường xanh, sồi, gỗ thích và những cây sơn dai. Đây sẽ là một vùng tốt để định cư. Quang cảnh thật đáng để mơ ước - dù ở bất cứ góc độ nào khi ta chọn để ngắm nhìn.

Nhưng khi viên trung sĩ vừa mới kiếm được chỗ đứng trong bãi cỏ để đợi xe điện, thực ra thì đang khế dựa vào, bức tường thấp tiếp giáp với bãi cỏ dốc, thì anh thấy hình dáng một người phụ nữ đang đứng dưới bóng râm của cây mận xoan nhỏ mọc bên cạnh bức tường.

Người phụ nữ đến từ phía sau cái cây và đứng bên bức tường. Cô đứng cách viên trung sĩ ba, bốn bước chân. Anh nhìn cô một cách vô tư, nhưng sự xấu xí của cô ngay từ cái nhìn đầu tiên đã khiến anh muốn quay mặt đi về phía đường chân trời của thành phố trong thung lũng. Bộ ngực lép kẹp và nói chung là cả cơ thể gầy ốm của cô được che phủ bởi bộ váy bằng vải bông kẻ trông xoàng xĩnh dài chạm đến hai đầu gối xương xẩu. Cô đi đôi giày hướng đạo sinh màu nâu đế phẳng. Đôi bít tất dài đến mắt cá chân màu trắng càng làm nổi bật hai ống chân rắn chắc đầy lông của cô. Cô đội chiếc mũ nỉ sẫm màu kéo sụp gần xuống cặp mắt nâu. Tóc cô thẳng đuột và sẫm hơn màu nâu nhưng chưa đủ để gọi là màu đen, nó được cắt có chủ ý thành một đường thẳng hoàn toàn không mềm mại, bện ở hai bên má và cuộn lên một đoạn mỏng nhất ở ngay đuôi tóc.

Trong hai tay đặt ở phía trước, người đàn bà cầm một bó to hoa đậu Hà Lan tươi màu trắng và xanh nhạt. Tuy vậy, cô cầm chúng cứ như thể đó là một bó rau mù tạt. Hoặc có lẽ cô cầm chúng giống một cậu bé cầm hoa hơn, có vẻ then thùng khi bị bắt gặp đang giữ một thứ gì đó quá mảnh mai. Đôi mắt cô không dừng lại ở bó hoa. Đúng hơn là mắt cô liếc nhìn bồn chồn khắp nơi trên con đường. Cuối cùng cô quay bộ mặt dài nhợt nhạt và hỏi viên sĩ

quan với một nụ cười gượng gạo để lộ ra đôi lợi rộng và hàm răng nhỏ: “Đây có phải là nơi xe điện dừng không?”

“Tôi nghĩ thế”, anh nói. Rồi anh quay nhìn về phía thành phố.

“Tôi thấy dấu hiệu màu vàng đánh trên cột, nhưng tôi không chắc lắm”, cô đeo đẳng. Anh phải quay nhìn lại cô, và khi anh làm thế, cô nói: “Bộ quân phục đó không nóng lắm sao?”

“Ồ vâng”, anh đáp. Anh không muốn nói nữa. Nhưng cuối cùng một ý tưởng về vận may của chính mình và lòng tốt bẩm sinh đã thôi thúc anh lại nói: “Đôi khi tôi thay nó hai hay ba lần một ngày”.

“Tôi đã chắc khi nói là nó nóng”.

Sau một lúc yên lặng viên trung sĩ nhận xét: “ở đây thời tiết rất nóng”.

“Vào mùa hè đây là nơi nóng khủng khiếp”, cô nói. “Nhưng ở đây luôn luôn kinh khủng theo một cách nào đó. Anh là người vùng nào?”

Anh lại không muốn nói nữa. “Tôi ở West Tennessee”.

“Vùng nào?” Cô gằn như gặng hỏi.

“Memphis. ở đó nóng khủng khiếp”.

“Tôi từng biết ai đó ở đấy”.

“Memphis cũng nóng khủng khiếp vào mùa hè”.

“Vâng”, cô nói, hít một hơi dài, “anh đã chọn một nơi nóng khủng khiếp để đến. Tôi không bị phiền hà quá mức vì thời tiết nóng. Đây chỉ là một nơi kinh khủng. Tôi đã sống tại đây cả cuộc đời và tôi căm thù nó”.

Viên trung sĩ đi bộ lên đường và ngả người về phía trước để nhìn xe. Rồi anh quay trở lại chỗ bức tường vì cảm thấy cô sẽ nghĩ anh là kẻ hợm hĩnh. Không thể nghĩ ra chuyện gì khác, anh nhìn những bông hoa và nói: “Chúng rất dễ thương”.

“à, nếu anh thích”, cô nói, “anh thích chúng hơn tôi rất nhiều. Tôi ghét hoa. Mới hôm nọ tôi nói với mẹ rằng nếu con ốm và phải đi bệnh viện thì đừng mang bất kì bông hoa nào đến cho con cả. Tôi không muốn chúng chút nào. Tôi không thích chúng”.

“Tại sao, những bông hoa đó dễ thương đấy chứ”, anh nói. Anh cảm thấy có một nguyên nhân nào đó khiến anh phải bảo vệ cho giá trị của chúng. “Tôi thích tất cả các loài hoa. Nhất là những bông hoa mọc ở West Tennessee”.

“Nếu anh thích chúng, anh thích chúng hơn tôi thích. Mới hôm nọ tôi nói với giáo viên Trường dòng của tôi rằng nếu tôi chết thì sẽ tiết kiệm được rất nhiều tiền cho bà ấy bởi vì tôi không muốn bất cứ ai gửi một bông hoa nào đến cả. Tôi ghét chúng. Mà không chỉ có thế. Tôi ghét tất cả các loài hoa”.

“Tôi nghĩ chúng dễ thương đấy chứ”, anh nhấn mạnh. “Cô hái chúng dưới thung lũng phải không?”

“Chúng mọc tràn lan trên cánh đồng và tôi hái chúng vì không có việc gì để làm cả. Đây”, cô nói và ấn bó hoa vào tay anh, “anh hãy cầm lấy. Tôi ghét chúng”.

“Không, không, tôi không nghĩ tới việc lấy hoa của cô. Nay, cô hãy cầm lại chúng đi”.

“Tôi không muốn. Tôi sẽ ném chúng đi ngay”.

“Tại sao? - Tôi không thể giữ hoa của cô”.

“Anh cứ giữ lấy, tôi sẽ không lấy lại chúng đâu. Chúng sẽ chỉ nằm đó và tàn đi nếu anh vứt lên tường”.

“Tôi cảm thấy thật tệ khi nhận hoa. Cô hẳn phải rất vất vả mới hái được chúng”.

“Chúng chỉ mọc hoang ở ven cánh đồng, còn các quý bà nói rằng họ hái nó trong vườn nhà mình. Tôi không thích hoa. Tôi đã chiếu cố đến nó, và anh có thể làm điều ấy với tôi một lần”.

“Không phải là tôi thích hơn”, anh nói, cảm thấy mình khiếm nhã. “Tôi nghĩ rằng mình thích chăm sóc hoa, tôi đã từng làm

vườn một thời gian”. Anh nghiêng người về phía trước, lắng nghe âm thanh của chiếc xe điện.

Một hai phút trôi qua mà cả hai người không nói gì. Cô đổi từ chân nọ sang chân kia và hình như đang nói chuyện một mình. Liếc mắt nhìn anh thấy môi cô lập bập. Cuối cùng cô nói lớn: “Một số người cư xử như thể họ đang chiếu cố bạn vì trả bạn một đôla một ngày”.

“Không có nhiều những lần như thế đâu”, anh nhận xét.

“Việc đó hoàn toàn giống như tôi nói với một người nào đó hôm nọ, nếu ông không vui lòng trả một đôla rưỡi một ngày thì chắc sẽ không có bất kì ai làm việc tốt cho ông cả. Nhưng tôi làm việc như thế mà chỉ nhận có một đôla. Còn nửa đôla nữa ở ngay đây này”. Cô giữ nửa đôla giữa ngón cái và ngón trỏ. “Nhưng tuần trước tôi đã phải đóng hết tiền bảo hiểm cho năm tới. Tôi để dành tiền thay vì mua những thứ tôi thực sự cần. Anh không thể thấy điều đó ở nhiều cô gái đâu”.

“Chắc thế”.

“Chẳng mấy cô làm việc đó”.

“Tôi không biết nhiều về chuyện ấy”.

“Không thưa ông”, cô nói, bật tanh tách mấy ngón tay ở bàn tay phải, “bọn con gái ở đây thật kinh khủng. Tôi ghét cái cách họ cư xử với cánh lính ở khu kinh doanh. Họ tới những quán nháy rẻ tiền và uống bia. Tôi không lãng phí tiền của bất cứ ai để uống bia cả. Tôi tiết kiệm tiền của mình thay vì mua những thứ có lẽ tôi thực sự cần”.

Viên trung sĩ bước ra giữa đường và nghe ngóng tiếng xe. Khi anh quay lại bức tường, một người đàn ông và một người đàn bà da đen phóng qua trên chiếc ô tô mui kín lớn màu xanh. Người phụ nữ đang đứng bên bức tường quan sát xe ô tô đi lên đường ray xe điện và xuống đồi. “Không có người da đen nào trong thị trấn này nhận làm việc nhà mà lấy ít hơn hai đôla rưỡi một ngày, trong khi đó họ chỉ trả cho người da trắng chúng tôi một đôla”.

“Tại sao họ lại trả cho những người da đen nhiều hơn?”

“Bởi vì người ta có thể điều khiển họ”, cô nói nhanh. “Hoàn toàn bởi vì người ta có thể sai khiến họ. Hôm nọ tôi nói với một người nào đó: “Bà không thể sai khiến tôi như một người da đen được, không thể làm thế với tôi được bà ạ”.

“Tôi tán thành điều đó”. Bây giờ anh bắt đầu đi đi lại lại trước mặt cô, nghe ngóng và tìm kiếm xe điện, thỉnh thoảng lại nâng bó hoa lên mũi ngửi. Cô tiếp tục tựa vào tường, đứng bất động với khuôn mặt kém hài hước quay về phía xe điện báo nơi đang treo sáu, bảy cuộn báo buộc thành cặp bởi những sợi dây dài bản thiêu. “Làm thế nào mà người ta đếm được những tờ báo mà họ mang tới đó?” cô hỏi.

“Mấy đứa trẻ hàng xóm hoặc trẻ bán báo làm việc đó, tôi đoán thế!”

“Vâng. Thế đấy. Bọn trẻ con nhà giàu hoàn toàn xấu xa như bất kì kẻ nào”.

“à, trẻ bán báo có thể làm việc đó bất cứ khi nào người ta để báo lại. Khi còn bé tôi cũng đã tự mình làm việc đó”.

“Vâng”, cô nói bằng giọng mũi. “Nhưng bọn trẻ chỉ làm tôi lo lắng. Và tôi cũng chẳng thích việc trở thành trẻ con lắm”.

Viên trung sĩ nhìn dọc theo một trong những đường ray vẫn còn loé sáng một chút trong ánh chiều muộn và nhớ lại những phút giây hạnh phúc khi đi bộ dọc theo đường ray lúc còn là một đứa trẻ. Đột nhiên anh hy vọng đứa con đầu lòng của mình sẽ là con trai.

“Tôi sẽ kể cho anh một chuyện, anh lính ạ”, người phụ nữ đứng cạnh anh nói: “Tôi không phí tiền vào việc mua son môi và một loạt những thứ quần áo ngớ ngẩn khác. Tôi không tô đầy son hay quần ngược tóc lên đỉnh đầu rồi đi thơ thẩn trong khu kinh doanh để cánh lính nhìn tôi đâu. Anh không tìm thấy nhiều cô gái như vậy ở cái nơi tồi tệ này, đúng không?”.

“Tôi chắc là không nhiều”. Viên trung sĩ cảm thấy xấu hổ.

“Tốt hơn là anh phải cẩn thận vì anh sắp làm rơi mấy bông hoa xấu xí kia. Tôi không biết anh muốn gì với chúng nữa”.

“Sao, chúng dễ thương thế mà”, anh nói cứ như thể trước đó anh chưa nói câu ấy.

Bây giờ chiếc xe mui kín màu xanh lại tiến lên ngọn đồi và bình thản lăn bánh trên đường xe ô tô. Trong xe chỉ còn người da đen và ông ta đang lái khá nhanh.

"Làm thế nào mà một người da đen như thế mà lại có một chiếc xe như vậy nhỉ!"

“Có thể ông ta chỉ chở vài người sống quanh đây thôi”.

“Vâng. Thế đấy. Thế đấy. Bọn da đen có thể xoay xở được bất cứ chuyện gì. Tôi cho là anh đã nghe nói về việc chúng tấn công cô gái da trắng ấy dưới kia”.

“Vâng... Vâng”.

“Người ta nên giết hết bọn chúng hoặc tổng chúng về châu Phi”.

“Tôi nghĩ, đó thực sự là cả một vấn đề đấy”.

“Tôi không quan tâm tới việc không có một người đàn ông da đen hay da trắng nào không bao giờ nhìn tôi nếu tôi tô đầy son hay quần ngược tóc lên và đi loanh quanh mà không đội mũ hay không”.

Viên trung sĩ nghiêng người về phía trước, nghén cổ.

“Tôi sẽ kể với anh hôm nọ chuyện gì xảy ra với tôi ở khu kinh doanh”, cô dai dẳng. “Tôi đang đứng nhìn vào tủ kính bày hàng trên phố Broad thì một tay lính đến bên tôi, tôi sẽ kể cho anh hẳn nói gì. Hẳn nói hẳn có một phòng trong khách sạn, hẳn hỏi tôi có muốn đến đó với hẳn không và sau đó đến một nơi nào đó để ăn và hẳn sẽ đưa cho tôi một ít tiền”.

“Tôi biết”, viên trung sĩ nói. “Bây giờ trong thị trấn có một đám cực kì thô lỗ”.

“Nhưng tôi nói ngay với hẳn: "Không, cảm ơn. Nếu tôi không thể kiếm tiền một cách lương thiện thì tôi cũng không muốn nó", tôi đã nói với hẳn như thế. Tôi bảo: "Có một cô gái ở góc đằng kia khu Main đang cần ông đấy. Hãy xuống dưới đó!”.

Viên trung sĩ đứng nhìn xuống con đường, lắc đầu.

“Anh biết đấy, hắn xấp sát vào tôi, bảo tôi là hắn có một phòng trong khách sạn và chúng tôi có thể đến đó làm điều mình muốn và rồi đi kiếm cái gì đó để ăn và hơn nữa hắn sẽ trả cho tôi một ít tiền. Và tôi nói ngay với hắn, "không, cảm ơn. Có một cô gái ở góc đằng kia khu Main đang cần ông đấy. Hãy xuống dưới đó. Rồi tôi đi khỏi khu phố ấy một đoạn, sau đó quay lại nơi tôi đã xem lũ quần áo ngớ ngẩn ấy thì một người đàn ông mặc áo sơmi xanh đứng đó từ đầu nói rằng tay lính đó đã quay lại tìm tôi”.

Viên trung sĩ vươn cánh tay trái để lộ ra chiếc đồng hồ đeo tay. Rồi anh gập khuỷu tay nhìn đồng hồ.

"Ồ, anh phải đợi một chút nữa", cô nói.

“Chúng thường chạy thế nào?”

“Tôi không biết”, cô nói không hào hứng, “chỉ biết là khá thường xuyên. Anh biết đấy, tôi bảo hắn, nếu tôi không thể kiếm tiền lương thiện thì tôi cũng không muốn chuyện ấy. Người ta không thể nói chuyện đó với nhiều cô đâu”. Bất cứ khi nào sự chú ý của anh có vẻ lơ là, giọng nói của cô lại trở nên lớn hơn.

“Đúng, người ta không thể”, anh đồng ý.

“Tôi tiết kiệm tiền của mình. Anh lính ạ, tôi đã để dành được hai trăm linh bảy đôla trong ngân hàng, hơn nữa tôi còn trả hết tiền bảo hiểm cho năm sau rồi”. Trong mấy phút dường như cô không nói gì. Rồi cô hỏi: “Cha mẹ anh sống ở đâu?”

“Ở West Tennessee”.

“Anh sống ở đâu? Ngoài doanh trại chứ?” Bây giờ cô hầu như không để cho anh có thời gian trả lời câu hỏi của cô.

“À, có vài đêm tôi sống ngoài doanh trại”.

“Vài đêm? Những đêm ấy anh ở đâu?” Cô cười nhảu nhở.

“Tôi đã cưới vợ và sống với vợ tôi. Tôi vừa mới cưới được một thời gian nhưng chúng tôi có mấy căn phòng trên con đường này”.

"Ồ, hoá ra anh là một người đã có vợ à? Cô ấy quê ở đâu? Tôi hy vọng là không phải ở đây".

"Cô ấy ở Memphis. Cô ấy vừa mới ra trường".

Người phụ nữ cau có, đỏ bừng mặt rồi lại cười nhả nhỏ để lộ ra đôi lợi rộng. "Tôi khuyên anh hãy mang cho cô ấy bó hoa. Anh sẽ không phải mua gì cho cô ấy nữa".

"Tôi mong cô lấy lại vài bông".

Người phụ nữ không trả lời anh một lúc lâu. Cuối cùng, khi anh hầu như đã quên điều mình nói, thì cô nói mà không có dấu hiệu của nụ cười toe toét: "Tôi không muốn chúng. Cái vẻ của chúng làm tôi phát ốm".

Sau cùng xe điện cũng đến.

Xe chạy một đoạn ngắn thì đến chỗ của viên trung sĩ. Xe dừng lại đối diện ngay trước căn nhà trắng hai tầng. Viên trung sĩ xuống xe và đứng bên kia đường cho tới khi chiếc xe điện dài màu vàng rầm rầm chạy đi. Chiếc xe như thể một bức rèm ồn ào, xấu xí cuối cùng cũng đã được kéo ra. Anh thấy gương mặt nàng qua ô cửa sổ tầng trên của căn nhà màu trắng với vòm nhà cầu kỳ nhô lên thậm chí còn cao hơn cả ống khói cao bằng gạch với những phần trang trí bằng gỗ kì quái làm giống như ren, cái hành lang nhỏ xíu và mái hiên đua. Anh thấy nàng qua ô cửa sổ duy nhất của tầng hai nơi có thể nhìn thấy rõ giữa những cây lá kép trồng trong sân.

Ngôi nhà này cổ hơn hầu hết các ngôi nhà khác ở vùng ngoại ô lân cận dọc theo mạn này, một hàng rào dây thép cũ bao quanh sân. Anh dừng lại một lát để mở chốt chiếc cổng sắt, ở đó anh nhìn thẳng lên sắc mặt tươi cười trên ô cửa sổ để ngỏ. Nàng nói với anh bằng giọng thậm chí còn dịu dàng hơn anh đã nhớ.

Bây giờ anh đã đi qua hành lang phía trước phòng bà chủ và trèo lên các bậc cầu thang cuốn trước khi tới phòng mình, chiếc chuông kiểu cũ đã kêu leng keng khi anh mở cánh cửa trước. Nghe tiếng kêu leng keng này, giọng bà chủ già vọng lên từ một nơi nào

đó phía sau ngôi nhà: “Ai đấy?” Nhưng anh không trả lời. Anh vội vã đi lên bậc tam cấp và cuối cùng cũng vào đến phòng vợ mình.

Họ ngồi trên đi văng, đầu gối chạm vào nhau, tay trong tay.

Đúng là giọng nàng dịu dàng hơn, dáng điệu của nàng thậm chí còn đẹp hơn là anh tưởng. Anh kể với nàng điều mà anh đã được nghe ngay trong từng giây phút một của hai tiếng đồng hồ vừa qua, đồng thời anh nhận ra những gì mình đang nói là sự thật, điều mà trong tất cả những cuộc đối thoại và những hành động khác trí tưởng tượng của anh sẽ liên tục đưa ra nhiều tình huống.

Nàng liếc nhìn bó hoa đậu ngọt nằm cạnh chiếc mũ của anh trên bàn và nói rằng khi nàng nhìn thấy anh trên lối cổng vào cùng với bó hoa, nàng cảm thấy rằng có lẽ trong suốt thời gian họ xa nhau thậm chí nàng cũng không nghĩ anh lịch sự và dễ thương đến thế. Nhưng nàng đã pháp phủng trong tim cho tới lúc đứng bên cửa sổ rằng nàng đã cường điệu những đức tính đó của anh.

Viên trung sĩ đã không nói cho nàng biết làm thế nào mà anh có được bó hoa. Anh biết việc xảy ra với người đàn bà làm thuê công việc dọn dẹp trong nhà sẽ làm thất vọng tâm hồn trong trắng của nàng khi nó đã thuộc về anh. Và trong khi anh đang nghĩ về sự hiểu biết và đồng cảm phức tạp giữa họ thì anh nghe thấy nàng nói: “Em biết anh đã mệt. Có thể anh không mệt như vậy vì đi lính cho dù phải quan hệ với nhiều loại người khác nhau suốt cả ngày. Sáng nay em đã đi cửa hàng một mình và về nhà bằng xe buýt, em nghĩ về sự mệt mỏi buồn chán mà anh sẽ gặp trên suốt quãng đường dài về nhà tối nay khi xe buýt lại đông nghẹt”. Anh cúi người tới trước hôn nàng, ôm nàng cho tới khi thấy nàng đang mỉm cười. Anh buông nàng ra, nàng cười to, đứng lên đi và nói rằng nàng đã chuẩn bị bữa tối và nàng phải cấm mấy bông đậu ngọt vào lọ.

Trong khi nàng đang tất bật vì dọn dẹp căn bếp nhỏ thì anh quan sát căn phòng khách tranh tối tranh sáng, nó vẫn là căn phòng lạ lẫm đối với anh, không có ánh sáng của đèn bàn hay đèn trần, anh đi thò thẩn trong phòng ngủ, căn phòng rộng nhất có

một cửa sổ chớp kiểu cũ nhìn ra thung lũng. Anh dừng lại bên cửa sổ và nâng bản lề. Anh bị choáng ngợp bởi quang cảnh tráng lệ của những ngọn núi nhô lên từ phía bên kia thành phố. Và ở đó, anh chứng kiến những giây phút cuối cùng của hoàng hôn - màu cam chói và màu đỏ gạch - phía bên kia dãy núi xanh lam.

Họ ngồi ăn ở một cái bàn nhỏ mà nàng đã kéo từ bức tường trong phòng khách. “Anh phải làm thế nào để xứng đáng với một người vợ nấu ăn ngon như thế này đây?” anh nói và mỉm cười khi bữa ăn kết thúc. Họ chất đồng chén đĩa chưa rửa vào chậu rửa bát, vì nàng đã quàng tay quanh cổ anh, thì thầm: “Tại sao em lại phải lãng phí một ít thời gian khi có anh ở đây giữa những ngày cô đơn và bất tận này”.

Họ ngồi trong phòng khách đọc to những lá thư đã nhận được suốt mấy ngày qua. Họ nói chuyện một lát trong lúc nàng khâu đường viền chiếc khăn trải bàn. Họ nói về những người bạn của họ ở nhà. Nàng cho anh xem vài món quà cưới nhận muộn. Và họ tiếp tục nói họ thật may mắn vì tìm được căn phòng khá tiện nghi như thế này. ở mạn này, hầu như trời lạnh hàng đêm.

Sau đó anh lấy bút viết thư cho cha mình. Anh đọc to lá thư cho nàng nghe.

Rồi sau đó thì trời mưa. Cả hai vội vàng hạ các cánh cửa sổ xuống. Rồi họ ngồi nghe mưa đập mạnh, bắn toé nước vào kính cửa sổ khi gió thổi.

Lúc cả hai mặc đồ ngủ thì trời đã ngừng mưa. Anh ngồi trên chiếc ghế để chân cạnh giường đọc quyển sách lịch sử to nặng và sẫm màu. Một lần anh đọc to một câu mà anh nghĩ là gây ấn tượng: “Tôi chưa bao giờ thấy quân Liên bang nằm chết dày đặc đến thế trên mặt đất phía trước bức tường thấp ở Fredericksburg”. Đây là một ông tướng người miền Nam viết về trận đánh đã diễn ra dọc theo đỉnh mạn này.

“Một câu nghe thật buồn”, nàng nói. Nàng đang lướt lược chải dài theo mái tóc.

Sau cùng anh đặt quyển sách xuống nhưng vẫn ngồi trên ghế đầu để đánh bóng đôi giày lính đế thấp của mình. Nàng ngồi bên bàn trang điểm, nhìn vào hình ảnh phản chiếu của anh trong tấm gương trước mặt và nói: “Trời đã ngừng mưa”.

“Trời đã ngừng mưa một lúc lâu trước đây rồi”, anh nói. Và anh nhìn lên chăm chú, vì dường như có một sự tiếc nuối nào đó trong giọng nàng.

“Em lấy làm tiếc vì trời đã tạnh”, nàng nói, đáp lại cái nhìn chăm chăm của anh.

“Em nên vui mới phải”, anh nói. “Ngày mai anh sẽ phải huấn luyện trong cả đồng bùn”.

“Tất nhiên là em mừng”, nàng nói. “Nhưng có phải trời mưa dường như làm cho chúng ta thậm chí còn gần nhau hơn ở đây không”.

Viên trung sĩ đứng lên. Căn phòng rất yên tĩnh và kín đáo. Thậm chí không có cả âm thanh của đồng hồ. Một ngọn đèn đang toả sáng trên bàn trang điểm của nàng, qua ô cửa sổ mở anh có thể thấy chiếc đèn vẫn sáng trong phòng khách. Chiếc bàn đó là một phần trong những đồ đạc bình thường của căn phòng. Nhưng nó là món đồ mà họ có thể chọn cho mình. Anh đi ra cửa và đứng một lúc xem xét kết quả mà nàng đã đạt được bằng việc sắp xếp đồ đạc trên bàn. Trên mặt chiếc bàn bát giác sẫm màu là một chiếc đèn trắng chân hình cái bình. ánh sáng từ chiếc đèn toả ra làm nổi bật hình dáng của đế bình với toàn thể hình của một chiếc bình pha lê tựa trên những chồi non của dây trường xuân nằm lẫn với cây dừa cạn hiện ra trong sự hoang vu độc đáo của chúng. Và một chiếc gạt tàn bằng pha lê hình vuông phản chiếu lại những ánh sáng kì lạ của nó được đặt ở góc chéo với chiếc đĩa tròn nhỏ bằng bạc.

Anh đến phòng khách để tắt đèn. Nhưng khi bàn tay đặt trên công tắc, anh ngập ngừng bởi vì sự sắp xếp từng đồ vật ấy thật hài hoà.

Ngay khi điện tắt anh quay trở lại phòng ngủ luôn. Và giờ đây anh lại ngập ngừng trong khung cửa, vì khi anh tiến vào phòng ngủ, mắt anh dừng nơi bình hoa đậu ngọt mà nàng đã cắm. Lọ hoa đặt trên mặt tủ gương cao và anh đã không trông thấy nó trước đây. Không hiểu tại sao ở trên đó những bông hoa trông giống hoa giả đến lạ lùng, không giống những bông hoa đậu ngọt thật mà anh đã thấy trong đôi tay thô nhám của người phụ nữ chiều nay. Trong khi anh đang nhìn chằm chằm như thế anh cảm thấy ánh mắt của vợ đang chiếu vào anh. Thế nhưng không quay lại phía nàng, anh đến bên cửa sổ, vì anh hoàn toàn lo lắng về ấn tượng mà anh vừa tiếp nhận và anh đã có một ước ao lạ lùng là chịu đựng ấn tượng đó đủ lâu để kiểm tra nó. Anh tiếp tục nghĩ về đôi bàn tay của người phụ nữ đó.

Bây giờ anh nâng chốt và mở rộng ô cửa sổ lớn trong phòng, chân trần anh đứng đó trên tấm thảm nhỏ có móc nhìn ra ngoài rặng núi tối sẫm, những đường nét, những quầng sáng ở thành phố phía dưới. Anh nghe thấy nàng tắt hai chiếc đèn nhỏ ở bàn trang điểm. Anh biết đã làm nàng bối rối khi để nàng thấy anh đột nhiên bồn chồn và điều đó như thể anh cố nhét những cảnh tượng của cả ngày vào trong khoảnh khắc. Có phải thật sự những bông hoa nhợt nhạt kia gây ấn tượng với anh đến thế? Hoặc có lẽ nó là chiếc đồng hồ cảnh báo anh vài phút trước và sự thực là sau vài tiếng nữa ở đây với nàng anh lại phải tiếp tục một cuộc đời khác nơi chiếc xe điện màu vàng đã đưa anh đi với nó chiều nay? Anh như nghe được giọng nói của các chàng trai trong doanh trại và hình dáng người đàn bà bên bức tường đá dưới cây mận xoan.

Bây giờ anh có thể nghe thấy vợ mình dời chỗ để tắt bóng điện trên đầu. Có một tiếng tách. Căn phòng trở nên tối om, cảnh vật bên ngoài dường như sáng hơn. Trên sườn dốc của mỏm đất trải dài xuống phía sau ngôi nhà có thể trông thấy được những ngọn cây sẫm màu. Và lại thấy giọng nói của các chàng trai trong doanh trại. Tính thô lỗ của họ, sự cứng rắn của họ, thậm chí cả tính hèn hạ của họ - những phẩm chất đó dường như đã ăn sâu vào trong trái tim mỗi người đàn ông đó - tiếp tục lướt qua như

những vật thể xuyên qua tâm trí anh - và sự cay đắng của người đàn bà đứng đợi bên đường xe điện đè nặng lên anh.

Trong bóng tối vợ anh đã đến bên anh và luồn cánh tay nàng quanh hông anh. Anh vòng tay ôm chặt lấy nàng. Nàng gọi tên anh. Rồi nàng nói: “Những giờ phút chúng ta bên nhau như thế này lại quá xa cách và ít ỏi đến nỗi đôi lúc dường như chúng không thực trong anh mỗi khi anh đi xa”. Anh nhận ra nàng cũng cảm thấy những dáng vẻ tách biệt khủng khiếp của mọi vật. Trong sự ám áp của tình bạn của nàng, anh cảm thấy sự trái ngược bất ngờ với cuộc chiến đấu lạnh lùng mà anh có thể tham dự trên chiến trường mà giờ đây đã xa vời và gần như khó hiểu.

Bây giờ đôi mắt viên trung sĩ đã trở nên khá quen với bóng tối ở cả bên trong lẫn bên ngoài ngôi nhà khiến anh có thể nhìn qua những ngọn cây trên triền dốc của mỏm đất. Anh hình dung ở đó những hàng lính Liên bang tiếp nối đã từng bị ném vào chiến trường để giành lại miền này bằng mọi giá. Sở chỉ huy của tướng Liên bang cách đây không quá hai dãy nhà. Nếu anh và nàng sống vào thời đó thì anh đã hiểu rõ Nghiệp Lớn của cuộc chiến ấy. Và cuộc chiến này sẽ không khó hiểu. Anh sẽ đứng đây giành lại từ quân địch từng mảnh đất mà anh sở hữu, giành lại ngôi nhà mà ở đó nàng đã đợi anh.

Nhưng đến đây viên trung sĩ ngừng lại và mỉm cười một mình. Anh đã thăm vãn viên trung sĩ mà anh vừa tưởng tượng trong đội ngũ Liên bang không đáng gì tới anh. Anh so sánh viên trung sĩ Liên bang với viên trung sĩ trên cánh đồng chiều nay, người đã đứng bối rối mất một lúc về dấu vết mà mười hai tân binh để lại. Viên trung sĩ đó là tôi, anh tuyệt vọng nhủ thầm, nhưng không phải buổi sáng tháng Chạp năm 62 ấy khi những người lính Liên bang chết nằm chất chồng trên mặt đất. Anh cúi xuống hôn lên trán vợ, bế nàng trong tay và đưa đến giường. Đó chỉ là một bình hoa, anh thăm bình luận đầy hoa mỹ với chính mình khi vợ quàng tay ôm cổ anh khít hơn. Ba nhánh từ một cây đậu ngọt hái trong vườn bà chủ. Khi anh nhẹ nhàng đặt nàng xuống giường, nàng hỏi: “Tại sao anh nhìn lạ lùng vào bình hoa

như thế? Chúng làm cho anh nghĩ ngợi điều gì đó khá lâu bên cửa sổ phải không?”

Mất một lúc viên trung sĩ lại bị khuấy động bởi sự nhận thức và hiểu biết của vợ. Anh sẽ nói hết với nàng mọi chuyện trong lòng. Thật là may mắn lớn vì có một người vợ có thể hiểu anh, ở bên anh, hiểu được mọi điều trong trái tim và tâm hồn anh. Nhưng khi anh nằm trong bóng tối cố để nhìn ra đường nét gương mặt nhìn nghiêng của vợ in lên ánh sáng tối mờ của cửa sổ, thì có tiếng âm âm của xe điện phá tan bầu không khí đã được nước mưa gột sạch ở bên ngoài. Và thậm chí trước khi anh có thể nói ra những ý nghĩ mà mình đang nghĩ, thì tất cả những điều ấy dường như đã không còn quan trọng nữa. Tiếng ồn xe điện, tiếng âm âm không đều đặn và tiếng kêu lanh lảnh bất định đã một lần mang lại cho anh nhiều hơn tất cả mọi việc tình cờ xảy ra trong ngày. Anh và vợ anh đã ở đây bên nhau, nhưng đột nhiên anh lại bị bối rối tuyệt vọng bởi cảm giác mới lạ này. Bây giờ xe điện đã đi xa khỏi tầm nghe: của anh, và anh có thể hình dung ra nó đang tỏa luồng ánh sáng khuếch tán ra khắp các tán cây cối và những viên sỏi trắng giữa đường ray. Anh đã bị bỏ lại với cảm giác không có khoảnh khắc nào trong cuộc đời của anh mà lại có tí quan hệ nào với người khác. Việc ấy như thể anh đang sống hàng nghìn cuộc đời. Và niềm hạnh phúc, tính vẹn toàn của cuộc hôn nhân của anh có thể không thành vấn đề nữa.

Sự bốc đồng, hầu như không hiện hữu trong việc anh đang làm, anh ngồi lên bên kia giường. "Thực sự anh không nghĩ về những bông hoa," anh nói. "Anh cho là anh đang nghĩ về những thứ thật dễ thương mà em đã sắp xếp trên bàn trong phòng khách".

"Ồ", nàng nói, và bởi vì mỗi từ anh cho là rõ ràng đã khiến anh cảm thấy anh đánh giá thấp tầm quan trọng những ấn tượng của anh tối nay và sự gần gũi của chính họ. Trong bóng tối anh đi đến chỗ chiếc ghế xích đu nhỏ đang treo bộ quần áo của anh và lấy ra một điều thuốc từ túi áo sơ mi. Anh châm thuốc và ngồi trên mép ghế, mặt hướng về ô cửa sổ mở, anh ngồi hút thuốc lặng lẽ cho tới khi mưa đột nhiên lại bắt đầu rơi. Khi nghe những âm thanh

đầu tiên của mưa, anh đứng lên. Anh đi nhanh đến cửa sổ và dụi tắt điều thuốc trên bậu cửa gần tấm lưới thép. Mẫu cuối cùng của điều thuốc rơi qua mắt lưới. Mưa rào rào giữa tán lá. Anh vội vàng quay lại trong bóng tối và trườn vào giường, ôm chặt vợ trong cánh tay.

“Trời lại bắt đầu mưa”, nàng nói.

"Ừ", viên trung sĩ nói. “Bây giờ như thế lại tốt hơn nhiều”.

Đào Thu Hằng dịch

Tachiana Tolstaia
(Nga)

SÔNG OKKERVIL

Khi dấu hiệu Hoàng đạo chuyển sang Thiên át, ấy là lúc trời đã tối hẳn và toàn những gió cùng mưa. Thành phố ướt sượt, lã chã nước, mượn gió quất vào ô kính cửa sổ đơn độc, không rèm che, không có gì bảo vệ, lòng sục gỏi fomat mềm giầu giữa hai lớp cửa sổ¹. Lúc đó thành phố dường như hiện thân cho ý đồ tàn bạo của Piot Đại Đế, là sự trả thù của vị Sa hoàng - thợ mộc mắt lồi, miệng rộng, răng to, tay cầm chiếc búa đóng tàu đang đuổi theo những thần dân hốt hoảng chạy trong đêm đen khủng khiếp. Những con sông chạy tới biển, thấy biển gầm gào nhe răng đe dọa, vội lùi trở lại, kiên trì vặn vẹo bật những nắp cống bằng gang, rồi rất nhanh, luồn những tấm lưng lạnh giá vào tầng hầm nhà bảo tàng, liếm vào những bộ sưu tập dễ vỡ bám đầy cát ướt, những chiếc mặt nạ phù thủy làm từ lông gà trống, những lưới kiếm cong vùng biển, những chiếc áo choàng dính hạt cườm, những bước chân của các nhân viên cầu kính vì bị đánh thức vào lúc nửa đêm.

Vào những ngày như thế, từ trong cơn mưa, từ khoảng tối âm đạm, từ những cơn gió quất cửa kính, hiện lên khuôn mặt trắng trắng màu bã sữa của sự cô đơn, Simeonov đặc biệt cảm thấy mũi của mình to hơn, đầu hơi nhiều hơn, đặc biệt nhận thấy tuổi tác chưa già của mình ở gương mặt phía trên và đôi bí tất rẻ tiền ở xa phía dưới, nơi ranh giới của sự tồn tại. Ông đặt ấm nước pha trà, lấy tay áo lau bụi trên mặt bàn, dọn dẹp những cuốn sách có kẹp những que đẹp đánh dấu màu trắng để lấy chỗ đặt chiếc

¹ Vào mùa đông khoảng trống giữa hai lớp cửa kính cửa sổ được người Nga sử dụng như ngăn lạnh đựng thực phẩm.

máy hát. Ông chọn một cuốn sách đủ độ dày kê vào chỗ chân đế máy hát bị khập khiễng, và lòng tràn đầy cảm giác khoan khoái, ông lôi Vera Vaxilievna ra khỏi chiếc phong bì cũ nát đầy vệt ố vàng - chiếc đĩa hát cũ kĩ, mẻ ở rìa, nhưng những đường tròn nhẵn mịn thẳng hoặc mới có chỗ bị xước và ở mỗi mặt đĩa là một bản tình ca.

- Không, không phải anh là người/ em/ yêu/ say đắm! - Vera Vaxilievna lượn nhanh dưới mũi kim máy hát, nảy lên, phát ra những tiếng rin rít, lạo xạo; những tiếng động đó và những đường lượn vòng tròn lẫn vào nhau trong cái phễu màu đen, được phóng to lên qua chiếc kèn máy hát. Đắc thắng trước Simeonov, từ trong chiếc hoa loa kèn to tướng ấy, một giọng hát thánh thiện, trầm đục, sẫm màu, thoát đầu là những vòng xoáy, bụi bặm, càng về sau càng nở ra như bị áp lực của nước, thoát lên từ khoảng không sâu thẳm, biến hình đổi dạng, hừng hực bốc lên từng đám lửa, - psơ-psơ-psơ, psơ-psơ-psơ - parus¹ - giọng hát giống như cánh bướm căng gió, mỗi lúc một vang to, vượt qua những vết xước trên đĩa không kìm được phát ra những tiếng psơ-psơ - những đám lửa bắn tung lên làm sáng rõ làn nước đêm đen - mỗi lúc một mạnh hơn, trải đôi cánh, tăng tốc độ, uyển chuyển bay đi, bỏ lại dòng nước menh mang sinh ra nó, bỏ lại trên bờ Simeonov đang ngẩng cái đầu trần hói của mình dõi theo giọng hát đang lớn dần, toả sáng nửa bầu trời, phát ra lời hiệu triệu chiến thắng, - không, không phải ông là người Vera Vaxilievna đã yêu say đắm, nhưng mà dù sao, thực ra, nàng chỉ yêu có mỗi mình ông, và ông cũng vậy. Ks-s-s-s-s-s.

Simeonov cẩn thận nhắc Vera Vaxilievna đã im bật ra khỏi máy hát, lật mặt chiếc đĩa hát bằng hai lòng bàn tay trần trọng duỗi thẳng, nhìn vào những dòng chữ trên chỗ giấy dán phía trong mặt đĩa: Ôi, nàng ở đâu, Vera Vaxilievna? Những mảnh xương trắng của nàng hiện chôn nơi đâu? Và, xoay lưng nàng lại, đặt chiếc kim đĩa hát lên, ông nheo mắt nhìn ánh phản quang màu

¹ Parus - cánh bướm (tiếng Nga). ở đây Tolstaia dùng thủ pháp lấy âm.

đen của chiếc đĩa đang chao đảo, một lần nữa lại chìm đắm, lại nghe về những bông cúc đại đoá tàn úa từ lâu trong vườn, sss, nơi ông đã gặp nàng, và một lần nữa như sinh ra từ dòng nước lũ, rũ khỏi bụi bặm, khỏi những vòng đời và năm tháng, Vera Vaxilievna phát ra những tiếng lách tách rồi hiển hiện như nữ thủy thần ẻo lả, không u bấp, cái dáng ẻo lả của đàn bà đầu thế kỉ - ôi, trái lê ngọt ngào, cây đàn ghi ta, chai sâm banh thon thon!

Nhưng ấm nước đã sôi và Simeonov lôi từ trong ngăn lạnh giữa hai lớp cửa sổ gói fomat mềm, mấy miếng thịt hun khói, đặt đĩa hát nghe lại từ đầu và thưởng thức bữa tiệc độc thân trên tờ báo trải rộng, khoan khoái, sung sướng bởi hôm nay Tamara không truy nã ông, không quấy rầy cuộc gặp gỡ quý báu giữa ông và Vera Vaxilievna.

Ông thấy dễ chịu trong nỗi cô đơn của mình, trong căn hộ nhỏ bé, một mình với Vera Vaxilievna, và cửa ra vào khoá chặt không để Tamara lọt vào, còn nước trà thì đặc, ngọt ngào, cuốn sách dịch từ một thứ tiếng nước ngoài hiếm gặp cũng đã gần xong, - tiền sẽ có, và Simeonov sẽ mua của một gã buôn đồ cổ bằng một giá cắt cổ một chiếc đĩa hiếm, nơi Vera Vaxilievna hát về nỗi đau khổ vì mùa xuân không phải dành cho nàng, - một bản tình ca của của đàn ông, tình ca của nỗi cô đơn, và Vera Vaxilievna phi hình thể sẽ hát cho Simeonov, hoà cùng ông vào một giọng buồn bã, xúc động. Ôi nỗi cô đơn khoan khoái! Nỗi cô đơn ăn thẳng từ chảo, đánh bữa tối bằng mấy miếng chả thịt nguội băm nhỏ đóng sẵn trong hộp, trà pha thẳng vào cốc - thì làm sao nào? Sự yên tĩnh và tự do! Còn gia đình ấy à, thể nào cũng đập những cánh cửa tủ âm âm, nhất thiết phải đặt những tách uống trà lên đĩa, nắm bắt tâm hồn bằng dao và đĩa, - tóm lấy hai cạnh sườn nó, chụp cái nắp ấm nước lên làm cho nó ngạt thở, quăng khăn trải bàn lên đầu nó, còn tâm hồn tự do thì lọt ra khỏi những tua viền bằng lanh, luồn qua cái lỗ nhỏ hẹp của cái vòng đựng giấy ăn và - hấp! Có mà trời tìm! Nó đã ở chốn ấy, trong cái vòng ma lực đen ngòm đầy những ánh lửa, mỗi lúc một rõ nét bởi giọng hát của Vera Vaxilievna, nó chạy theo Vera Vaxilievna, bám theo váy và cái quạt của nàng, từ trong phòng khiêu vũ bước ra ngoài ban công mùa hè hình bán nguyệt

trên khu vườn đầy những bông cúc ngát hương. Thật ra mùi hoa cúc có màu trắng, khô và đắng - đó là mùi của mùa thu, cái mùi báo hiệu mùa thu, báo hiệu những cuộc chia li, sự lãng quên, nhưng tình yêu vẫn cứ sống trong trái tim đau yếu của ta, - đó là thứ mùi bệnh hoạn, mùi của sự rửa nát, của nỗi buồn, em hiện ở đâu, Vera Vaxilievna, ở Paris hay ở Thượng Hải, và loại mưa nào - mưa Paris màu xanh, mưa Thượng Hải màu vàng - đang rắc lên nắm mộ của em, và loại đất nào đang làm ướt những mảnh xương trắng của em? Không, tôi không phải người em yêu say đắm! (Em hãy kể tôi nghe, tất nhiên là tôi rồi, Vera Vaxilievna!)

Cạnh cửa sổ căn hộ Simeonov, tàu điện đã từng qua lại, đã có lúc nào đó chúng leng keng tiếng chuông, chao đảo những cái cần điện, - vậy mà Simeonov vẫn có cảm giác phía đó, trên trần nhà, có những con ngựa đang ỉn náu, dường như những chiếc xe điện từ thời cụ kị được mang lên gác xép; sau đó tiếng chuông cũng tắt lặng, chỉ còn nghe thấy tiếng bánh xe nghiêng trên đường ray vọng lại mỗi khi tới chỗ rẽ, và cuối cùng, những toa tàu sơn đỏ cạnh sườn với những chiếc ghế dài bằng gỗ cũng mất đi, thay vào là những toa tàu tròn tròn, không ồn ào, kêu lạch cạch khi đỗ ở những bến đợi, và có thể thả người xuống chiếc ghế đệm mềm mà đi tới chôn xa xôi xanh thẳm, tới bến đỗ cuối cùng mang một cái tên hấp dẫn “Sông Okkervil”.

Nhưng Simeonov chưa bao giờ tới đó cả. Nơi cùng trời cuối đất là chỗ mà ông chẳng có việc gì để làm, nhưng vẫn đề đâu phải chỗ đó; không nhìn thấy, không biết được con sông xa xôi, gần như không phải là sông Leningrad, có thể tưởng tượng thế nào cũng được: thí dụ tưởng tượng làn nước dùng đục màu lá cây nhạt với ông mặt trời màu xanh dùng đục bơi trong đó, những cây liễu ánh bạc, cây bạch dương cong cong khẽ rũ những cành mềm, những ngôi nhà gạch hai tầng nhỏ xinh mái ngói, những cây cầu gỗ cong cong - một thế giới tĩnh lặng, chậm rãi như trong mơ; còn trên thực tế chắc chỗ đó có những nhà kho, những bức tường rào, một nhà máy vớ vẩn còn cỗi nào đó đang thải ra những chất độc hại màu xà cừ, từ những đống rác thải bốc lên mùi khói thối của những thứ rửa nát, và còn những thứ gì đó vô hi vọng, quê kệch, tệ hại.

Không, không cần phải tuyệt vọng thế, hãy đi tới sông Okkervil, tốt nhất nên trồng ở nơi đó những cây liễu tóc dài, dựng những ngôi nhà có nóc tròn, đưa tới đó đám cư dân không hấp tấp, có thể, đám người đó đội những chiếc mũ của Đức, đi những đôi tất kẻ sọc, miệng ngậm những tàu thuốc bằng sứ, hoặc tốt hơn cả là kẻ đá hai bên bờ sông, bơm đầy nước sạch vào đó, bắc những cây cầu qua sông với những cái tháp và những dây xích, với những tay vịn cong cong bằng đá hoa cương, hai bên bờ sông xây những ngôi nhà cao tầng màu xám, dưới cổng là những tấm lưới bằng gang, còn trên cổng trang trí bằng lưới thép hình vẩy cá, còn từ những ban công bao chắn song sắt có thể ngắm nhìn những bông sen cạn, đưa Vera Vaxilievna tới sống ở đó, cứ để nàng đi trên con đường lát đá vuông, tay mang găng dài, chân đi đôi giày mũi tù có đế tròn tròn như quả táo, đầu đội chiếc mũ nhỏ có rèm che, dưới mưa phùn của những buổi sáng Peterburg, và những lúc như thế sương mù thường có màu xanh.

Sương mù màu xanh! Sương mù bao phủ, Vera Vaxilievna đi qua làn sương mù, gõ gót giày xuống nền đường lát đá được xây bằng trí tưởng tượng của Simeonov, và đây cũng là ranh giới cuối cùng của cái phong kịch, đạo diễn đã hết vật liệu. Ông đã kiệt sức, mệt mỏi. Ông cho các diễn viên nghỉ, xóa những ban công với những cây sen cạn, để lại cho những người cần dùng những tấm lưới sắt trang trí hình vẩy cá, vớt xuống nước những thanh vịn đá hoa cương, đút túi quần áo những cây cầu với những cái tháp, - những chiếc túi căng phồng, những sợi xích rơi ra, treo lủng lẳng, như sợi xích đồng hồ của ông nội, và chỉ có sông Okkervil là vẫn chảy, lúc thu hẹp, lúc nở rộng, không thể nào nắm bắt được khuôn hình ổn định của nó.

Simeonov ăn format mềm, dịch những cuốn sách chán ngắt, chiều tối thỉnh thoảng dẫn đàn bà về nhà để sáng hôm sau thất vọng tiễn họ đi - họ, chứ không phải em! - khoá mình trong nhà để trốn Tamara, cái cô Tamara cùng với những đồ giặt rửa, khoai tây rán, những chậu hoa đặt trên bậu cửa sổ, luôn chủ tâm bỏ quên những đồ dùng ở nhà Simeonov, khi thì cái cặp tóc, lúc chiếc mũ xoa, để đến khuya muộn chúng trở thành những thứ cần gấp,

không thể thiếu được và vì chúng cô phải đi xuyên qua thành phố, - Simeonov tắt điện, nín thở đứng nép vào trụ tường ngoài hành lang nghe tiếng đập cửa của cô, và rất nhiều lần ông đã phải đầu hàng. Những khi đó ông ăn bữa tối với thức ăn nóng sốt, uống nước chè đặc trong chiếc cốc màu xanh hoa vàng, còn Tamara tất nhiên là không thể về nhà - muộn mất rồi, chuyến tàu điện cuối cùng vừa đi khỏi. Và ông, lại càng không thể tới được con sông Okkervil đầy sương mù. Tamara rũ gối, còn Vera Vaxilievna quay lưng lại, không thềm nghe những lời phân trần của ông, bỏ đi về phía bờ sông khuya khoắt, chao đảo trên đôi gót giày tròn như hai quả táo.

Trời mang đậm vị thu, Simeonov mua được của một gã bán đồ cổ một chiếc đĩa hát to, nặng, đã bị vỡ một góc. Họ mặc cả khá lâu, cãi nhau về tí vết của chiếc đĩa, cuối cùng thì ông cũng mua được chiếc đĩa với giá rất cao. Tại sao vậy? à là bởi vì người ta đã quên hẳn Vera Vaxilievna, trên đài không còn thấy giọng hát của bà, trên mặt báo đã từ lâu không còn thấy cái tên ngắn gọn, mềm mại của bà. Bây giờ chỉ có những người kì quặc tinh tế, những kẻ chuộng mới, những người hâm mộ là còn sẵn lòng quảng tiền ra vì một ca sĩ đã hết thời, sẵn lòng những đĩa hát của bà, sang băng casset giọng hát trầm, ấm, rục rở, tựa một loại vang đỏ đắt tiền của bà.

- à mà bà già đang còn sống đấy, - gã buôn đồ cổ nói, - bà ấy ở đâu đó trong thành phố Leningrad này, nghe nói, sống nghèo và tệ hại lắm. Thì bà ấy nổi lên cũng chỉ được một dạo, sau đó bị mất kim cương, chồng, con và hai ông nhân tình, cuối cùng mất cả giọng. Đúng là cảnh ngộ như vậy đó, và chỉ tới ngoài ba mươi tuổi bà ấy mới kịp thu xếp những mất mát của mình, cũng từ dạo đó thôi không hát nữa, nhưng vẫn còn sống.

Ra thế, Simeonov nghĩ ngợi. Tim ông trĩu nặng. Trên đường về nhà, qua cầu, qua mấy khu vườn, qua đường tàu điện, ông vẫn còn nghĩ: ra thế... Và sau khi khoá chặt cửa, pha trà, ông đặt chiếc đĩa quý hiếm vừa mua lên máy hát, và nhìn ra ngoài cửa sổ về phía đám mây đen nặng nề nhuốm những màu sắc sặc sỡ, đang vươn về phía hoàng hôn, như mọi khi, ông lại dựng lên một đoạn

đường ven sông, lại bắc cầu, nhưng những cái tháp trên cầu lần này trông thật nặng nề, còn những dây xích bằng gang không sao nâng lên nổi, còn gió thì làm gợn những lọn sóng, vẽ lên những nếp nhăn và làm xao động mặt nước bạc của sông Okkervil, còn Vera Vaxilievna thì vấp nhiều hơn trên đôi gót giày hoàn toàn không thuận tiện mà Simeonov đã tưởng tượng ra, vịn đôi tay, nghiêng mái đầu nhỏ nhắn chải mượt xuống đôi vai xuôi nhỏ, - im lặng, mặt trắng cứ im lặng chiếu sáng, và những suy tư về số phận tràn ngập bóng trắng, - nhưng mà trắng không đứng yên một chỗ, như bánh xà phòng trơn tuột khỏi lòng bàn tay, lặn qua những đám mây mù rách bươm của sông Okkervil, - trên con sông Okkervil bao giờ cũng có một cái gì đó đe dọa rơi xuống từ trời, - còn trí tưởng tượng trong sáng, được thuần dưỡng của chúng ta mới bối rối làm sao khi hơi thở và mùi vị của cuộc sống thấm vào cái thế giới đầy sương mù lạnh lẽo của nó!

Nhìn về những con sông hoang hôn, nơi bắt đầu thượng nguồn Okkervil đã dần ngả sang màu xanh lục độc hại, bắt đầu bị ô nhiễm bởi hơi thở sống của bà già. Simeonov lắng nghe cuộc cãi cọ giữa hai con quỷ: một con nhất quyết đòi vứt bà già ra khỏi đầu, khoá cửa cho thật chặt, thỉnh thoảng chỉ mở cho Tamara vào, sống như trước đây, yêu đương chừng mực, đau khổ chừng mực, vào những lúc cô đơn nghe theo âm điệu thuần khiết phát ra từ ống kèn ánh bạc, vang trên con sông hư ảo đầy sương mù. Con quỷ khác - một chàng trai rồ dại cùng với cái ý thức u sầu bởi luôn phải dịch những cuốn sách tẻ hại - đòi phải đi, phải chạy, phải tìm cho được Vera Vaxilievna - một bà già mù dử, nghèo khó, khốn khổ, dúm dỏ, héo hon, - tìm kiếm, ghé sát vào đôi tai nghễnh ngãng của bà mà kêu lên qua năm tháng, qua gian truân sóng gió, rằng bà - chỉ có bà - duy nhất, là người ông đắm say, rằng tình yêu giờ đây vẫn đang sống trong trái tim bệnh tật của ông, rằng bà, một nữ thủy thần tuyệt diệu, cất giọng ca từ đáy nước sâu thẳm, làm căng cánh buồm, lướt trên làn nước đêm lung linh ánh lửa, lao vút lên không trung che lấp nửa bầu trời, tàn phá ông và nâng đỡ ông - ông, Simeonov, một hiệp sĩ trung thành, - và giọng ca bạc của bà và những tiếng lạo xạo như thể những hạt đậu văng ra khắp phía

của những chuyến tàu điện đã đề lên những cuốn sách, những miếng fomat mềm, những con đường ướt đầm nước mưa, những tiếng chim kêu, những Tamara, những cốc chén, những người đàn bà không nhớ nổi tên, những năm tháng trôi qua và toàn bộ kiếp phù du của thế giới này. Và bà già, ngạc nhiên sửng sốt, nhìn ông nước mắt rưng rưng: Sao? Anh biết tôi à? Không thể thế được? Trời ơi! Chẳng lẽ những bài hát của tôi lại cần cho một ai đó? Làm sao tôi lại có thể nghĩ ra được! Và bà lúng túng không biết mời Simeonov ngồi vào đâu, còn ông, khẽ nâng khuỷu tay bà, hôn vào bàn tay không còn trắng trẻo, mà chỉ chút những đốm đồi mồi già nua, dẫn bà tới chiếc ghế bành, chăm chú nhìn vào khuôn mặt già nua, tàn úa của bà. Âu yếm nhìn lên đường ngôi rẽ mái tóc bạc trắng mỏng manh của bà, ông sẽ nghĩ: Ôi, chúng ta đã đi qua thế giới này! (“Phù, không cần phải vậy”, - con quỷ bên trong nhãn mặt, nhưng Simeonov vẫn cứ thiên về những cái điều cần phải xảy ra).

Ông cảm thấy buồn buồn, thậm chí còn hơi tự ái nữa, khi chỉ phải trả có năm đồng xu ở quầy chỉ dẫn ông đã tìm được địa chỉ của bà; vậy mà tim đã đập gấp lên: không phải Okkervil? Tất nhiên là không phải. Và cũng không phải vùng ven sông. Ông mua ở chợ một bó cúc với những bông nhỏ màu vàng buộc trong bao ni lông. Những bông cúc đã nở từ lâu. Và trong cửa hiệu ông đã chọn một cái bánh ngọt. Cô bán hàng mở nắp hộp, giở chiếc bánh cho ông xem: “Được chứ?” - Nhưng Simeonov không chú ý, ông vội né người sang một bên, bởi vì ông nhìn thấy, hay cảm thấy, phía ngoài cửa sổ cửa hàng, Tamara đang đi tới lời ông về căn hộ ẩm áp. Chỉ khi ngồi vào tàu điện ông mới giở chiếc bánh ra xem. Không làm sao. Một chiếc bánh ngọt trộn hoa quả. Một chiếc bánh sang trọng. Dưới tấm màng thạch màu vàng trong suốt như kính ở từng góc bánh các thứ quả đang ngủ yên: chỗ thì là những lát táo, chỗ là những lát đào đất tiền hơn, chỗ này nửa sân kem sữa chết cứng trong một vùng đông giá vĩnh viễn, chỗ kia - cái góc nghịch ngợm, đàn bà, có ba quả anh đào đỏ chót. Tàu điện lắc mạnh, chiếc bánh ngọt rung mình, và Simeonov nhìn thấy trên mặt lớp thạch màu vàng nhẵn bóng như gương, hần rõ một dấu vân tay to tướng,

không hiểu là của đầu bếp, hay của cô bán hàng. Không sao, bà già mắt kém, chắc không nhìn thấy. Còn mình lập tức phải cắt bánh ngay. (“Quay về đi, - con quỷ hộ mệnh buồn bã lắc đầu, - chạy đi, thoát thân đi!”). Simeonov buộc lại chiếc bánh như có thể và bắt đầu ngắm hoàng hôn. Okkervil rì rào như tiếng con suối nhỏ, va vào hai bờ đá hoa cương, bờ sông vụn ra như bờ cát, bờ dần xuống dưới sông.

Ông đứng một lúc bên cổng nhà Vera Vaxilievna, chuyên đâm quả từ tay nọ sang tay kia. Phía trên cánh sắt cổng dẫn vào khu chung cư có tấm lưới trang trí hình vẩy cá. Đằng sau cánh cổng là cái sân khủng khiếp. Con mèo gặm gừ. Thì ông cũng đã mừng tượng như thế. Nữ nghệ sĩ vĩ đại cần phải sống trong một cái sân như vậy. Lối cửa sau dẫn lên nhà, những xô đựng rác, thanh vịn cầu thang hẹp bằng gang, không sạch sẽ. Tim đập mạnh. Tất cả đã héo tàn từ lâu. Trong trái tim đau yếu của ta.

Ông bấm chuông. (“Thằng ngu”, - con quỷ bên trong nhỏ nước miếng, bỏ đi). Cửa phòng mở toang hát ra những tiếng ồn ào, những tiếng hát và tiếng cười, và ngay lập tức ông nhìn thấy thấp thoáng bóng Vera Vaxilievna, trắng toát, to lớn, hồng hào, lông mày đen rậm, thấp thoáng ở đằng ấy, cạnh chiếc bàn được bày biện, trong vàng sáng, trên những đồng đồ ăn thức nhắm mà mùi vị bay ra tới tận cửa, trên chiếc bánh ngọt to tướng phủ socola có con thỏ cũng bằng socola chạy phía trên, đang cười hả hả, cười nghiêng ngả, - thấp thoáng, và đã bị số phận vĩnh viễn cướp đi. Mười lăm con người xung quanh bàn cùng cười hô hô, nhìn vào miệng bà: hôm nay là ngày sinh nhật của bà, Vera Vaxilievna đang kể chuyện tiểu lâm và cười tương ngọt thở. Bà kể chuyện tiểu lâm từ lúc Simeonov đang leo lên cầu thang, bà cùng mười lăm người ấy đã phản bội ông lúc ông đang còn lúng túng đứng ngoài cổng, chuyền chiếc bánh ngọt có vết vân tay từ tay nọ sang tay kia, từ lúc ông còn ngồi trên tàu điện, từ lúc ông nhốt mình trong phòng và lau sạch bụi trên bàn lấy chỗ cho giọng hát bạc của bà, từ khi, lần đầu tiên mở bao giấy úa vàng, rách nát, lôi ra chiếc đĩa màu đen, nặng, phản chiếu con đường nhỏ tràn ngập ánh trắng, từ lúc chưa có một Simeonov nào trên đời, mà chỉ có gió lay

động ngọn cỏ và trên mặt đất ngự trị sự tĩnh lặng. Bà ta, người đàn bà tệ hại ấy, đã không đợi ông nơi ban công có chấn song sắt, dõi mắt về phía xa, ngắm nhìn làn nước trong như kính của sông Okkervil, mà bà ta lại ha hả cười trên cái bàn đầy những bát đĩa, trên những đĩa nộm, những quả dưa chuột, cá và những chai rượu, lại còn uống ngang nhiên như thế, lại còn xoay trở thân hình phì nộn của mình ngang nhiên như thế. Bà ta đã chôn cất ông. Hay là ông đã chôn cất Vera Vaxilievna? Bây giờ để hiểu được thì đã muộn mất rồi.

- Thêm một người nữa! - Một người nào đó vừa cười vừa hét toáng lên. Ngay sau đó tên người này được gọi ra - Poseluiev¹. - Tôi được phạt rồi!

Và người ta lấy chiếc bánh ngọt cùng bó hoa từ tay Simeonov, ấn ông ngồi vào bàn, bắt ông uống mừng sức khoẻ của Vera Vaxilievna, cái sức khoẻ bà chẳng dùng vào việc gì, Simeonov bực bội nghĩ thầm. Ông ngồi và cười một cách máy móc, đầu gật gật, cắm chiếc đĩa vào quả dưa chuột muối, và như mọi người, nhìn lên Vera Vaxilievna, nghe những chuyện tiểu lâm của bà - cuộc sống của ông bị nghiền nát, bị xẻ làm đôi; bản thân ông, một thằng ngốc, bây giờ không cứu vãn được bất kì điều gì, kể cả chạy trốn; nàng trinh nữ thần thoại đã bị đám đàn ông sơn cước bắt cóc², mà cô ta lại sẵn sàng để người ta bắt cóc, chẳng thèm đếm xỉa đến chàng hoàng tử tuyệt vời, buồn buồn, hơi hói một chút mà số phận đã hứa dành cho, chẳng muốn nghe thấy tiếng bước chân của chàng trong tiếng mưa rơi và tiếng gió rít của đêm thu sau lần kính cửa sổ, không muốn thiếp ngủ cả trăm năm bởi con thoi khung cửi đâm vào³, mà lại vây xung quanh mình những con người hữu hạn, trần tục, ăn ăn uống uống, để cạnh mình cái gã Poseluiev kinh tởm kia, cái gã đặc biệt xứng với với cái tên của mình, - và thế là Simeonov giẫm nát những ngôi nhà xám cao tầng trên sông Okkervil, phá những cây cầu cùng với những cái tháp,

¹ Poselui - cái hôn (tiếng Nga - ND).

² Tục lệ bắt cóc cô dâu ở một số vùng miền núi các nước (ND).

³ Tác giả mượn mô típ của truyện Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn (ND).

dứt tung những dây xích, đổ rác xuống dòng nước bạc long lanh. Nhưng sông Okkervil lại khai phá cho mình dòng chảy mới, còn những ngôi nhà lại bướng bỉnh mọc lên từ đổ nát, và trên cây cầu không thể phá, chiếc xe song mã có hai con ngựa tía kéo vẫn nhong nhong chạy.

- Anh có thuốc không? - Poseluiev hỏi. - Tôi bỏ quên ở nhà.

Và hần dốc tuột một nửa bao thuốc lá của Simeonov.

- Anh là ai vậy? Người hâm mộ? Tốt rồi. Anh có căn hộ riêng không? Nhà tắm có không? Gut¹. Là vì ở đây chỉ có nhà tắm công cộng. Anh để bà ấy tắm ở nhà anh nhé. Bà ấy thích tắm tấp. Chúng tôi thường tụ tập vào mừng một đầu tháng để nghe băng ghi âm. Anh có những đĩa gì của bà ấy? Có Viên ngọc lục bảo không? Tiếc quá. Tôi tìm đĩa này đã bao nhiêu năm rồi, toàn không gặp may. Không tìm đâu ra. Những đĩa của anh có nhiều bản, không thú. Anh hãy tìm Ngọc lục bảo. Anh có mỗi nào có thể mua được giò hun khói không? Không, bà ấy ăn có hại, ấy là để... cho tôi. Anh không mua được những bông hoa to hơn à? Xem kìa, những bông hoa hồng tôi mang tới mới to làm sao, bằng nắm tay chứ chẳng bốn. - Poseluiev chìa nắm tay lông lá tận mặt Simeonov.

- Thế anh có phải nhà báo không? Không à. Giá mà có được chương trình nho nhỏ về bà ấy thì tốt quá. Verunchik² của chúng ta vẫn cố chạy đấy. ừ mà mặt mũi, người ngợm nom thế, chứ giọng của bà ấy đến nay vẫn còn quyến rũ lắm. Cho tôi xin địa chỉ của anh. - Đôi tay to tướng của hần ấn Simeonov xuống ghế, - Ngồi đây. Ngồi đây, không cần phải tiễn tôi.

Nói rồi Poseluiev bỏ ra về, không quên mang theo chiếc bánh ngọt của Simeonov có vết vân tay trên bề mặt.

Những người lạ thoáng chốc đã tản ra bờ sông Okkervil đầy sương mù mang theo cái mùi cũ kĩ của tất cả đồ đạc trong căn hộ

¹ Good - tiếng Anh.

² Tên Vera Vaxilievna gọi một cách thân mật.

của họ: mùi của nồi niêu soong chảo và của đệm giường, của những xô chậu và của con mèo hung. Trên bờ sông lát đá hoa cương không còn chỗ để chen vào, và ở đó họ đã ca bài ca hàng ngày, quét rác rưởi trên con đường mà Simeonov đã lát đá, sinh con đẻ cái, nhân giống, tới thăm viếng nhau, và bà già to béo lông mày đen chen lán, đánh mất cả cái bóng nhợt nhạt có bờ vai xuôi của mình, giẫm cả lên chiếc mũ có mạng che, loạng choạng từ bên nọ sang bên kia trên đôi gót giày tròn trũng trực, cũ kĩ của mình. Vera Vaxilievna kêu qua bàn ăn: “Chuyển cho tôi đĩa nấm!”. Simeonov chuyển chiếc đĩa và bà ta bắt đầu ăn nấm.

Ông nhìn thấy chiếc mũi to của bà động đập và dưới mũi là hàng ria. Ông nhìn cái cách bà đưa đôi mắt to đen với hai cái túi thịt già nua chảy xệ phía dưới nhìn vào mặt khách khứa, từ người nọ sang người kia. Bỗng nhiên ai đó bật máy hát và giọng ca bạc của bà lẩy hơi, bay lượn - không sao, không sao, - Simeonov nghĩ. Ngay bây giờ mình sẽ về nhà, không sao. Vera Vaxilievna đã chết, đã chết từ lâu rồi. Nàng đã bị người đàn bà to béo này giết chết, và đáng ra mình đã làm được cỗ cúng cho nàng, nhưng Poseluiev đã lấy mất chiếc bánh ngọt của mình, không sao, vẫn còn bó hoa cúc này, mình sẽ đặt lên mộ nàng, những bông hoa cúc đau yếu, héo tàn, rất hợp, mình kính viếng hương hồn người quá cố, thôi, có thể đứng dậy về được rồi.

Trước cửa căn hộ của Simeonov thấp thoáng bóng Tamara - Tamara thân thuộc - cô túm lấy ông, lôi ông vào phòng, tắm rửa, thay quần áo cho ông và cho ông ăn những thức ăn nóng. Ông hứa sẽ cưới cô, nhưng tới gần sáng, Vera Vaxilievna bước vào giấc mơ, nhỏ vào mặt ông, gán cho ông mọi thứ xấu xa rồi bỏ đi theo con đường bờ sông ướt át trong đêm, lác lư trên đôi gót giày màu đen tượng tượng.

Ngay từ sáng Poseluiev đã bấm chuông và gọi cửa âm ỉ. Hắn tới để xem xét buồng tắm, chuẩn bị cho buổi chiều. Tới chiều hắn dẫn Vera Vaxilievna tới nhà Simeonov để tắm giặt. Hắn hút thuốc của ông, tán công vào bánh mì kẹp thịt của ông, miệng nói: “Ờ, ờ... Verunchik quả là một người đàn bà mạnh mẽ! Vào thời của mình không biết bao nhiêu đàn ông đã bị bà mê hoặc, - trời đất!”

Còn Simeonov bất chấp ý muốn, lắng nghe những tiếng động phát ra khi thân hình đồ sộ của Vera Vaxilievna bước vào bồn tắm, tiếng ì oạp, lép nhép khi cạnh sườn đầy mỡ của bà cọ vào thành bồn tắm, giống như tiếng nước chảy xuống cống, tiếng bàn chân trần bước trên sàn, và cuối cùng là tiếng động của cái móc cửa bị bật lên, Vera Vaxilievna mặc áo choàng tắm, mặt mũi xông hơi đỏ rực: “Chà, thật khoan khoái”. Poseluiev vội pha trà, còn Simeonov, chân chừ một chút, mỉm cười, vào buồng tắm dọn dẹp, rửa sạch lớp ghét màu xám bám vào thành bồn tắm, moi những sợi tóc bạc vương vào lỗ thoát nước. Poseluiev mở máy hát, giọng hát tuyệt vời, cao dần lên, giọng hát chứa đầy giông tố, dậy lên từ đáy vực sâu thẳm, giang rộng đôi cánh, bay lượn bên trên mặt đất, trên cái cơ thể được xông hơi của Verunchik đang uống trà trong chiếc tách có đĩa đựng, trên người đàn ông có tên Simeonov suốt đời nhẫn nại vâng lời, trên cái cô Tamara nồng nhiệt, nội trợ, trên tất cả mọi thứ, những thứ mà nếu có muốn, cũng không thể giúp gì được, trên buổi hoàng hôn đang tới dần, trên cơn mưa nặng hạt, trên gió, trên những dòng sông vô danh cuộn cuộn tràn bờ, lòng lộn nhún chìm thành phố, điều mà chỉ có những dòng sông mới làm nổi.

Đào Tuấn Ảnh dịch

John Updike
(Mĩ)

HIỆN DIỆN TẠI ĐÂY LÀ VỢ CHỒNG MAPLE

Họ từng là một đôi may mắn. Chính nhờ sự may mắn đó, sau khi họ quyết định chia tay, mà cộng đồng Thanh giáo họ sống trong đó đã bổ sung một tu chính li dị không xét lỗi vào bộ luật kì dị đã quá sáo mòn và cộc cạch của cộng đồng. Theo điều khoản của nó, họ phải nộp một chứng thư chung. Chứng thư này ghi: Hiện diện tại đây là Richard F. và Joan R. Maple, xác quyết, và chịu trách nhiệm nếu có khai gian: rằng hiện có một sự sụp đổ không cứu vãn được trong cuộc hôn nhân của họ. Với Richard, khi đọc mẫu chứng thư đó trong căn hộ của mình ở Boston, lời lẽ đó gợi lên hình ảnh anh và Joan tay trong tay phới phới đi vào một buổi liên hoan, trong khi người giữ cửa mặc đồng phục đóm dáng hô vang tên của họ giữa vô vàn hoa giấy rơi và bọt champagne phun bắn trong phòng. Suốt nhiều năm trong cuộc sống hôn nhân, họ đã cùng đi dự vô số các cuộc liên hoan, và bao giờ cũng một ít hào hứng, một ít hy vọng, một ít chờ đợi một điều gì may mắn sẽ xảy ra.

Kèm theo chứng thư là đủ thứ biểu mẫu tài chính và một đơn xin cấp bản sao Giấy hôn thú. Tuy họ từng sống ở New York và London, trên nhiều hòn đảo và nông trại, và có một mùa hè họ còn sống trong một căn chòi gỗ thô, nhưng họ đã lấy nhau tại một nơi chỉ cách chỗ Richard đang đứng đọc mấy thứ giấy tờ ấy vài trạm xe điện ngầm. Anh chưa từng trở lại tòa thị chính Cambridge ấy kể từ buổi sáng anh nhận Giấy hôn thú ở đó, buổi sáng họ làm lễ cưới. Bố mẹ anh đã lái xe chở anh đến đây từ cái khách sạn xa lộ ở Connecticut, nơi họ đã ngủ qua đêm sau khi khởi hành từ Tây

Virginia; họ dậy từ sáu giờ để có thể tới nơi kịp lúc và trong gần hết lộ trình, anh đã trùm áo khoác lên đầu, hi vọng sẽ ngủ lại được. Trong ký ức bây giờ, anh có vẻ như một sinh vật biển không xương nằm dưới tấm chụp, như thân con sứa, của chiếc áo khoác, trôi lên một cách trơ trọi dọc theo bờ biển khi không khí ngày càng nóng hơn. Đó là tháng Sáu, và mọi thứ đều bốc hơi. Đến gần trưa, khi họ đến Cambridge, và kéo lê thân xác cùng những hộp đựng trang phục cưới lên bốn tầng lầu, đến căn hộ của Joan trên phố Avon, thì cô dâu đang tắm. Richard không thể nhớ còn có ai nữa trong căn hộ lúc đó; kí ức của anh về bữa đó thật lốm bốm - những vết rõ nét trên một tấm giấy thấm ẩm màu xám. Ngày đó chẳng thấy bầu trời chẳng thấy mây, chỉ một đám u mờ những vật nặng không bóng râm phủ lấy những tòa nhà gạch trên phố Brattle, và những đỉnh nhọn của Harvard, và những chiếc xe đèn dăng nằm nung trên mặt đường trắng nhựa. Lúc đó anh hăm mốt, Eisenhower là Tổng thống và cô dâu thì ở sau khung cửa đóng, hô lên rằng anh không được vào, nếu anh gặp cô lúc đó sẽ là xui xẻo lắm. Ai đó đang ở trong đây với cô, cười rúc rích và té nước rào rào. Ai vậy? Chị, hay mẹ cô ấy? Richard đứng tựa vào cửa buồng tắm, và nghe tiếng ba mẹ anh đang lên cầu thang phía sau anh, họ thở mạnh nhưng vẫn trò chuyện, và mừng tượng hình ảnh Joan trong bồn tắm, những ngón chân cô màu hồng, những lọn tóc ở cổ nằm ép sát da, bộ ngực cô bông bênh đầy xà bông và trơn tuột. Rồi mẫu ký ức ấy khô sạch, và trong một mẫu khác lại thấy anh và cô ta bên nhau trên xe bị vướng vào một chỗ tắc nghẽn giao thông giữa trưa nắng chập chờn ở quảng trường Cenrtal Square. Cô mặc cái váy mùa hè bằng vải bạc màu; anh chú mục vào dòng xe cộ để giảm thiểu chuyện xui xẻo vì nhìn cô trước khi làm lễ. Những cặp khác, lúc đó anh nghĩ, hẳn đã thu xếp mọi giấy tờ đâu vào đó ít nhất là hai tiếng trước khi làm lễ cưới. Nhưng hồi đó, dĩ nhiên những chú rể khác đã chẳng ngồi xe tới nơi làm lễ cưới với áo khoác trùm lên đầu như đứa trẻ trốn mưa bão. Tay trong tay, nhỏ bé hơn Hansen và Gretel trong trí tưởng của anh, họ chạy lên những bậc thang dẫn vào lối cổng vòm màu nâu nhạt và khuất dạng.



Toà thị chính Cambridge, trong một xã hội đầy đổi thay, đã không thay đổi. tòa lâu đài chạy hình cung thời Richardson, sa thạch đỏ và hoa cương hồng, đứng lù lù như một gã khổng lồ dẹt dẹt giữa đám hàng xóm nhợt nhợt của nó. Nội thất bằng gỗ đánh vecni, màu nhạt, và sáng nhờ nhờ. Richard có vẻ nhớ ra mình đã nhận giấy tờ ở một ô cửa sổ lưới có biển đồng ghi chữ ở tầng dưới, nhưng một mũi tên trên tấm bìa cứng lại chỉ anh lên tầng trên. Đầu gối anh run và bao tử nhộn nhạo trước sự lớn lao của cái việc anh đang làm. Anh rẽ ở một góc hành lang. Một phụ nữ ra dáng bà ngoại ngữ bề thế trong một cõi rộng thênh và uể oải trước những bàn phủ vải xanh và những cuốn sổ lớn trên các kệ thép.

"Tôi muốn xin một bản sao hôn thú có được không ạ?"

"Năm?"

"Bà bảo sao ạ?"

"Anh làm hôn thú năm nào?"

"1954." Đọc rõ từng số thì cái năm ấy nghe xa vời như một vì sao, vậy mà anh lại có mặt ở đây, chẳng thấy già đi một phút nào, và vẫn đổ mồ hôi trong cái nóng mùa hè như thế. Tuy nhiên, bà kia, sau khi ghi lại họ tên và ngày tháng, đã phải bỏ anh ở đó đi sang một gian phòng khác chứa giấy tờ, thực tình thì sự vụ anh muốn giải quyết đây quả là xa xôi.

Bà ta trở lại với dáng khập khiễng mà lúc nãy anh không nhận thấy. Cuốn sổ bà vác theo, khi mở ra, thì rộng tới cả thước, như pho sách của một tay phù thủy. Bà cẩn thận lật những trang giấy menh mông, như thể khoảng trống của quãng đời đã mất và thời gian đã qua biểu hiện trên những trang giấy có thể vụt một cái chồm lên nuốt chửng cả hai người. Bà này hẳn đã từng có mái tóc hung đỏ rực rỡ, nhưng giờ nó đã hoá vàng cạch, cứng thành những lọn uốn cố định, vô hồn như tờ giấy khô queo. Bà ta mỉm cười, một nụ cười nhẹ thành nếp. "à, đây rồi", bà ta nói.

Và Richard có thể đọc thấy, theo phía ngược lại, trên một đường mực đỏ dài, tên của anh và của Joan thời con gái. Nghề nghiệp của cô được ghi là "giáo viên" (cô từng là giáo viên tập sự môn mỹ thuật, anh đã quên chiếc áo choàng xanh lốm đốm sơn của cô, cái mùi đất sét ở những ngón tay của cô, cái kiểu cô đạp xe đi làm ngay cả trong những ngày lạnh nhất), rồi khoản của anh, kém cỏi hơn, ghi "sinh viên". Rồi địa chỉ của họ trong đó làm anh ngạc nhiên, chúng không giống nhau - gian tiền sảnh trên phố Avon, lối vào tòa nhà Lowell, những cánh cửa bị lãng quên mở ra đoạn hành lang của những địa chỉ dùng chung trải dài suốt từ đó đến nay. Chữ ký của họ - anh không chịu được chuyện ngấm nghĩa các chữ ký của họ, cho dù nhìn ngược từ trên xuống. Liếc qua là thấy, chữ ký của Joan trông vững chãi, và xanh đậm hơn. "Anh muốn một hay nhiều bản?"

"Một chắc là đủ".

Mẫn cán như thể chưa từng làm việc này hàng ngàn lần trước đây, người phụ nữ tóc đỏ ngày xưa, vuốt thẳng tờ giấy và liên tục chấm mực cho cây viết cổ lỗ, ngồi chép lại những chi tiết vào một mẫu chứng nhận.

Còn đọng lại gì về ngày đám cưới ấy? Chỉ có vài hình ảnh, Richard nhớ lại. Một người em họ của Joan đã sắp xếp những nhân vật chính dự lễ cưới trên hè phố trước nhà thờ, mọi người tụ tập quanh đồng hồ tính giờ đậu xe. Cây đồng hồ, một đại diện mảnh mai ánh bạc của chính quyền thành phố, chiếm vị trí danh dự giữa nhóm người, với cái đầu nhỏ hẹp và cái lưới đỏ tía. Giống cây đồng hồ, chàng rể cũng gầy gò. Anh chớp mắt ngay khi máy ảnh bấm, nên khuôn mặt anh gợi tới mặt nạ xác chết. Tư thế của cô dâu, vừa căng thẳng vừa duyên dáng, trông có gì giống như một vũ viên, bàn chân quay ra ngoài trên mặt gạch lát nóng; cô có vẻ như sắp kéo tấm váy cưới lên và làm một động tác múa xoay vòng. Cha mẹ hai bên, chưa biến hẳn thành ông bà nội ngoại, trông mờ nhạt trong cảnh này, chìm khuất trong vùng sáng chói, rộng lượng và ngô nghê như những viên đá của tòa nhà trong đó Richard đang trả ba đôla lệ phí cho tờ bản sao, tờ phản chứng nhận của anh.

Còn một hình ảnh nữa thì được một người bạn sinh viên ghi nhận lại, anh này đã chở họ đến khu nhà hưởng tuần trăng mật tại một thị trấn ven biển, cách Cambridge một giờ chạy xe về phía Nam. Một bộ đồ chơi bóng vờ được bỏ lại trước cửa, và Richard, vào một trong những trò biểu diễn mà anh đã tập làm để che giấu tâm trạng bất an, đã nhặt lấy ba trái banh và bắt đầu trò tung hứng. Anh bạn sinh viên, có lẽ cũng bồn chồn, đã bấm máy ngay lúc đó; và trái banh đỏ cứ ở vị trí lơ lửng mãi như thế, mờ nhoà, trong màu hổ phách của ánh ngày đang tàn, trong khi ánh vàng và xanh trên hai tay Richard và trên khuôn mặt anh chăm chú nhìn lên trong một vẻ hoan lạc.

"Tôi còn có một chuyện nữa," anh nói khi bà thư ký đóng cuốn sổ to dừng lại và chuẩn bị vác đi.

"Cái gì vậy?", bà ấy hỏi.

"Tôi cần công chứng một chứng thư."

"Việc đó không thuộc phận sự của phòng này. Xuống tầng một, rẽ trái khi ra khỏi thang máy, hay rẽ phải nếu đi cầu thang. Đi cầu thang thì nhẹ hơn, nếu như anh muốn hỏi ý tôi về chuyện đó."

Anh theo những chỉ dẫn của bà và tìm ra một bà da đen còn trẻ ngồi sau một cái bàn bằng sắt đặt đầy những chiếc khung vàng choé gắn các hình ảnh về sự trung thành, đoàn kết và ổn định; về các con cái và cha mẹ; về một cậu trai da nâu trông nghiêm trang trong bộ quân phục cũng màu nâu; về một gia đình đang cười toe toét bên bờ một cái hồ. Còn có cả ảnh chụp một căn nhà - một căn nhà nông trại nho nhỏ bình thường ở đâu đó, với một bãi cỏ xanh. Bà ta đọc chứng thư của Richard mà không bình luận gì. Anh cố nén nổi nôn nóng muốn nói xin lỗi với bà ta. Bà ta yêu cầu cho xem bằng lái và so khuôn mặt anh với tám ảnh trong đó. Bà đưa cho anh một cây viết và đóng một cái dấu không thể huỷ ngang bên cạnh chữ ký của anh. Trái banh đỏ vẫn cứ lơ lửng trong không khí, đâu đó trong chiếc hộp đựng những tấm phim đèn chiếu mà anh sẽ chẳng bao giờ xem lại, và cái im lặng sáng sủa của ngôi nhà hưởng tuần trăng mật nơi họ được bỏ lại một mình thì vẫn di

chuyển, một đầu đạn chứa im lặng, thoát ra hướng về các vì sao, nhưng điều khiến Richard ưu phiền hơn, nhấn cả mặt mày khi anh bước từ khung cửa vòm màu nâu ra ánh chói chang của mùa hè, là một chi tiết chưa tròn của hôn lễ cưới. Trong nỗi bối rối, mụ mẫm hoang mang về cái con người mặc toàn trắng run rẩy bên cạnh anh trước bàn thờ, ở mép bờ ý thức của anh như một đường cầu vòng trong cõi sương mù, anh đã quên kết thúc những lời thề hứa bằng một nụ hôn. Joan đã liếc nhìn qua anh, mỉm cười, chờ đợi; anh đã mỉm cười đáp lại, không nhớ ra. Giây phút ấy trôi qua, và họ vội vàng đi ra giữa hai hàng ghế như bây giờ anh đang vội vàng bước, bối rối ngượng ngùng, xuống những bậc thềm của tòa thị chính, tới mặt đường và xuống đường xe điện ngầm.



Khi chiếc xe điện ngầm thông dong lao vào bóng tối thì anh đọc về các sức mạnh của tự nhiên. Một trích đoạn nghiên cứu đã được gửi đến anh qua bưu điện, cùng chuyển với tờ chứng thư. Trước thời sống ly thân, hẳn anh đã quảng nó đi chẳng thèm nhìn lại, nhưng bây giờ, khi từ từ nhiễm thói lập dị của một ông già Boston, anh đã đọc mọi thứ vớ vẩn người ta gửi tới, thậm chí còn dừng lại trong ngõ hẻm để nhặt lên một mẫu nhật báo và đọc qua xem có chân lý gì không. Như thế, anh đọc, từ năm 1935 người ta đã biết rằng thế giới tự nhiên được điều khiển bởi bốn lực, xếp theo thứ tự cường độ tăng dần là lực hút, lực yếu, lực điện từ, và lực mạnh. Vừa đọc, anh vừa thấy mình nghiêng về các lực yếu; anh đồng hoá với chúng. Sức hút trái đất, tuy chẳng quan trọng ở tầm vi mô, khởi sự tác động các vật thể ở độ lớn hàng trăm cây số, như các vì tinh tú; nó giữ yên vị cho mặt trăng, trái đất, hệ mặt trời, các vì sao, các chùm sao trong các dải ngân hà và chính bản thân các dải ngân hà nữa. Với Richard, điều đó giống như một đội thể thao kiên cường bị áp đảo ngay lúc bắt đầu cuộc thi đấu và hiện đang xông lên giành chiến thắng trong giây phút cuối cùng; lòng anh thầm hoan hô chúng. Chiếc xe điện ngầm dừng lại ở ga Kendall, và anh nhớ lại chuyện vài ngày sau đám cưới, anh và

Joan, như một đôi vợ chồng, đã đón chuyến xe lửa lên phía Bắc qua ngã New Hampshire thế nào, để nhận công việc trong mùa hè mà họ đã ký kết. Tuyến xe lửa, lâu nay đã ngừng hoạt động, đã chạy quanh co lên phía Bắc, dọc theo những con sông mãi miết trôi và bị bắn thiu đi vì những trại cưa, tiến vào những núi đồi lúc nào cũng xanh um, nơi mấy chiếc thùng treo trên dây cáp để chở người trượt tuyết lên đầu dốc vẫn đứng đó chờ rỉ sét. Những ghế ngồi trên xe lửa bọc vải đỏ tía và con tàu cứ nhẹ nhàng lắc lư liên tục. Đôi cánh tay nàng, trắng xanh trên nền vải tía, ứng một màu hồng râm nắng. Không rõ làm thế nào để hưởng một tuần trăng mật, nhưng lại biết rõ rằng mình phải tạo ra những kỷ niệm tồn lưu mãi cho đến ngày cái chết chia lìa họ, hai người đã trần truồng chơi bóng vồ trong một khoảng sân nhỏ giữa rừng cây cứ như một con mắt cỏ xanh nhìn miết lên trời cao. Ván đấu nào nàng cũng thắng. Lực yếu, Richard đọc, không ảnh hưởng đáng kể đến cấu trúc của nhân nguyên tử cho đến khi quá trình phân huỷ diễn ra; giống như một vết rạn trên một cái chuông bằng gang, nó không ảnh hưởng tới tiếng ngân vang của chuông cho tới lúc sau cùng nó khiến chuông vỡ ra từng mảnh.

Chiếc xe điện ngoi vào ánh sáng, để vượt cầu Charles. Những chiếc thuyền buồm nghiêng nghiêng trong nắng phía dưới. Bên kia sông, những tòa nhà chọc trời màu khói nhạt của Boston đứng như những vòi phun bất động. Con tàu lửa lượn theo vịnh của một cái hồ và dừng lại ở ga Weirs, một vùng đá sỏi mùa hè như những cục kem rải rác trên mặt đường nhựa, như mùi kẹo táo từ bờ tuổi thơ phả về. Sau khi chờ đợi hết mấy tiếng, họ theo chuyến tàu chở thư ra hòn đảo nơi họ sẽ làm việc. Hòn đảo nằm ở mạn bên kia của hồ Winnepesaukee, phải vượt qua nhiều đảo nhỏ khác mới tới được, và cũng cần rất nhiều chuyến thư tín. Trước mỗi lần cập bờ, con tàu lại hú còi - một tiếng ồn khủng khiếp. Hai vợ chồng Maple ngồi ở mũi tàu, để phơi nắng và ngắm cảnh; một khi ở đó, ngay bên dưới cây còi tàu, họ cảm thấy phải ở lại. Những hòn đảo, mặt nước, những núi đồi sâu trong bờ tạo thành những viễn cảnh chuyển động nhẹ nhàng quanh họ và rồi - mỗi lần, ngạc nhiên thay - tiếng còi tàu vang lên lại làm tim họ chùn xuống và bóp nát phong cảnh

thành một mớ âm thanh; những tiếng còi ấy đánh vào cuộc hôn nhân non trẻ của họ. Anh vừa đổ lỗi cho nàng vừa mong nàng tha thứ cho những gì mà cả hai người đều không kiểm soát được. Sau mỗi hồi còi, động cơ sẽ tắt và con tàu sẽ lững lự trôi vào một chiếc cầu tàu mảnh dẻ, và từ những con đường đất mềm lổm đổm của đảo này hay đảo nọ luôn xanh um, những đứa bé rám nắng đi cầm trại và những ông thầy quản trại mặc quần tằm đi giày, sẽ đổ ra để nhận thư, tiếng la hét của họ vang vang một cách kỳ lạ trong đôi tai đã điếc đặc của vợ chồng anh. Khi đến được đảo của họ, vợ chồng anh đã kiệt sức.

Cơ học lượng tử và thuyết tương đối, cùng với nhau, đều cực kỳ giới hạn và do đó chúng đem đến cho chúng ta một công cụ lý luận rất to lớn. Richard nhét tập giấy vào túi và rời xe lửa ở ga Charles. Anh băng qua cầu vượt đi về phía bệnh viện để gặp bác sĩ trị viêm khớp cho anh. Xương cốt anh đêm nào cũng nhức. Anh có những bạn bè đang hấp hối, có người đã chết; có vẻ thật khó tin rằng chẳng bao lâu nữa anh sẽ tiếp bước họ. Lần đầu tiên anh đến bệnh viện là để tán tỉnh Joan. Anh đã leo lên chính đoạn dốc này để tới những khung cửa kiếng, rồi vào trong cái mê cung khổng lồ của những kẻ bệnh hoạn, lấp bắp hỏi thăm chỗ của cô gái, với sợi dây cao su buộc mớ tóc đuôi ngựa, vẫn thường ngồi ở hàng ghế đầu lớp Anh văn 162b: Truyền thống sử thi Anh, từ Spenser tới Tennyson. Anh đã chiêm ngưỡng cái gáy nghiêng nghiêng của nàng ba giờ mỗi tuần suốt mùa đông. Anh thu hết can đảm để nói chuyện với nàng trong đợt thi, ngồi cùng một cái bàn thư viện, họ cùng nghiền ngẫm những bản sao tối tăm của các minh họa của Blake cho cuốn *Paradise Lost*. Họ đồng ý gặp lại sau kỳ thi và đi uống bia với nhau. Nàng đã không tới. Trong cái giảng đường đầy những cái đầu miệt mài suy tư thì không có cái đầu của nàng. Và đặt hai cuốn *Faerie Queene* và *The Idylls of the King* tựa vào nhau, anh đã gọi đến phòng ký túc của nàng và được biết rằng Joan đã được đưa vào bệnh viện. Một lực tự nhiên đã khiến anh bất chấp những hành lang dài dằng dặc, những lần rẽ sai và đám đông các bà cô bà dì và các kẻ khác đang theo dõi nàng ở cuối giường; anh tìm thấy nàng trắng toát; giữa các lớp vải trắng, mái

tóc xoã quanh vai và một ống nhựa dẻo truyền chất gì trong suốt vào dưới cánh tay nàng. Trong những lần sau đến thăm, anh đã được quyền cầm tay nàng, tuy nó còn lằng nhằng những băng keo và thanh kẹp. Chẩn đoán nói rằng nàng bị giảm tiểu cầu. Chứng bệnh cụ thể là nàng cứ bị chảy máu và máu không đông lại được. Nàng xấu hổ kể cho anh nghe chuyện các bác sĩ và các nội trú viên đã hỏi nàng làm tình lần gần đây nhất là lúc nào, và nàng cảm thấy bối rối làm sao khi phải thú thật, trước vẻ không tin lịch thiệp của họ, rằng nàng chưa hề làm tình lần nào.

Bác sĩ gỡ dụng cụ đo huyết áp ra khỏi tay Richard và mỉm cười.

"Gần đây anh có bị căng thẳng gì không?"

"Tôi vừa mới li dị".

"Viêm khớp, anh biết đó, nằm trong hệ thống những chứng bệnh có yếu tố tâm thần cơ thể".

"Tôi chỉ biết rằng tôi thức dậy lúc bốn giờ sáng và thật thối chí khi nghĩ rằng mình sẽ không bao giờ thoát chứng này được, cơn đau sẽ nằm bên trong bả vai tôi cho đến hết đời chắc."

"Anh sẽ phải chịu mãi. Còn nó thì không ở đó mãi đâu."

"Cho đến khi nào?"

"Khi nào bộ anh thôi phát tín hiệu đau."

Bàn tay nàng, trong cái giá đỡ nhỏ bé của dụng cụ chữa trị, độ ẩm của nó không cự tuyệt cũng không gấn bó khi anh cầm trong tay ở cạnh giường của nàng, nó nằm cao, gần như ngang tầm mắt anh. Trên đảo, hai chiếc giường dành cho họ trong căn nhà gỗ lại cao thấp khác nhau, và dù Joan đã cố biến chúng thành một cái giường đôi, thì vẫn còn một cái mí nơi hai tấm nệm giáp nhau mà hoặc anh hoặc nàng phải lăn qua, bên cạnh điều bất tiện của tấm trải giường xộc xệch. Nhưng căn nhà gỗ lại nằm ngay trong rừng và mùi ẩm hăng nồng của thông và dương xỉ ủa vào qua khung cửa lưới cùng tiếng chim hót buổi sáng và thú vật lạo xạo buổi tối. Người ta đồn có nai trên đảo; chúng vượt qua mặt hồ đóng băng vào mùa đông và kẹt lại trên đảo lúc băng tan vào mùa xuân. Mặc

dù chẳng có ai, bọn cấm trại cũng như các thầy quản trị từng trông thấy nai, nhưng lời đồn vẫn nhất định là có nai ở đó.

Tại sao chưa từng có ai trông thấy một hạt quark?¹ Trong khi đi bộ theo phố Charles về căn hộ của mình, Richard mơ hồ nhớ ra một câu đại loại như vậy, và thò tay vào túi lấy tập giấy viết về các lực tự nhiên, nhưng hoá ra lại móc nhầm một hoá đơn mới cho thuốc giảm đau, một bản sao Giấy hôn thú và tờ chứng thư với chữ ký. Bây giờ tới... tập giấy bị lẫn vào đó. Anh không tìm ra câu đó, và đành đọc. Lý thuyết cho rằng các lực mạnh trở nên mạnh hơn khi các hạt quark tách khỏi nhau là ít nhiều vô đoán; nhưng phần bổ sung của nó là ý tưởng cho rằng lực sẽ trở nên yếu đi khi các hạt quark bị đẩy lại gần nhau, thì lại rất có cơ sở. Phải, anh nghĩ, điều đó đã xảy ra. Trong cuộc sống có bốn lực: tình yêu, thói quen, thời gian và nỗi buồn chán. Tình yêu và thói quen, trong ngắn hạn, thì cực kỳ mạnh mẽ, nhưng thời gian, chẳng có sức đột phá nào, lại tích tụ một cách vững chãi, và cùng với đồng minh là nỗi buồn chán, sẽ bình địa mọi thứ. Anh đang chết dần đây; điều đó làm anh đau khổ. Tim anh chùng xuống trong kinh hoàng trước việc anh vừa làm. Làm sao anh nói cho Joan nghe việc anh vừa làm với tờ hôn thú của họ? Chính những hạt quark trong đường điện thoại cũng sẽ nổi loạn tung lên.

Trong rừng, có một khoảng trống xanh, một con mắt cỏ, một bãi cỏ điểm những hoa trắng li ti, và ở đây một hoàng hôn nọ nai đã tới, con cái đi lên trước một chút, con đực to và lông sẫm hơn, cái mõng nó còn khuất trong tối khi con bạn nó thăm dò tia nắng cuối ngày, bóng dáng chúng được viền bằng thứ ánh sáng đang mạ vàng lên bãi cỏ. Một đoàn những tay cười mô tô mặt không hình dáng gầm rú chạy qua, một gã say ở cửa tiệm và cho thuê máy giặt vẫy tay với Richard, một cô gái mặc chiếc váy yếm nhìn anh lạnh tanh, ánh sáng chuyển từ đỏ sang xanh lá cây, và anh không thể nhớ mình muốn nước cam hay bánh mì, và lại càng bức hơn vì anh không thể nhớ họ đã thấy được nai ở đó lần nào chưa, hay phải

¹ Quark: một trong sáu loại hạt, theo giả thuyết, đã cấu thành những hạt cơ bản của nguyên tử.

chăng anh tưởng tượng ra ký ức đó, dựng nó lên do ước muốn rằng nó phải xảy ra như vậy.

"Em không nhớ," Joan nói qua điện thoại. "Em không nghĩ mình đã thấy, mình chỉ nói về chuyện đó thôi."

"Bộ ra khỏi căn nhà một lát, không có một khoảnh rừng trống nào sao, nếu em đi theo con đường mòn đó?"

"Chúng ta chưa từng đi theo lối đó, nó nhiều sâu bọ quá."

"Một con nai đực với một con nai cái, ngay lúc trời sẩm tối. Em không nhớ gì hết sao?"

"Không. Thực tình là không, Richard à¹. Anh muốn em phải hỏi hện về chuyện đó đến cỡ nào đây?"

"Đâu có gì đâu, nếu không có chuyện đó thì thôi. Nói sang chuyện hoài niệm thì..."

"Sao?"

"Anh đã tới tòa thị chính Cambridge hỏi chiều để xin một bản sao hôn thú của tụi mình."

"Ôi anh. Nó ra làm sao?"

"Cũng vậy thôi. Chỗ đó vẫn y như hồi xưa. Mình nhận hôn thú ở trên lầu hay dưới nhà?"

"Dưới nhà, phía bên trái thang máy khi từ ngoài bước vào."

"Bây giờ đó là chỗ công chứng giấy tờ. Nay mai chắc em sẽ nhận được một bản sao; một thứ giấy tờ dễ sợ."

"Em đã nhận được nó hôm qua. Nó có gì dễ sợ đâu? Em thấy nó vui đấy chứ, cái kiểu câu chữ viết trong đó. Ta đến tại đây, ta bỏ đi kia."

"Ồ, em thiệt là cứng cỏi."

"Em nghĩ mình phải thế. Không đúng sao?"

"Phải."

¹ Người vợ sắp li dị này không gọi Richard bằng Dick - tên gọi thân mật.

Đây không phải lần đầu tiên trong hai năm qua anh cảm được độ mỏng manh của cái vỏ trứng mà anh đang co ro nằm bên trong và chỉ cần Joan cất cao giọng nói là đập vỡ được nó. Nhưng nàng không muốn phá vỡ, hoặc là do nàng không biết nó mỏng tới cỡ nào, hoặc bởi vì nàng đang đập vào mé bên kia, cũng giống như, ở phía trong cánh cửa phòng tắm, nàng bị lôi tới cuộc hôn nhân với cùng một tốc độ như anh, và với cùng lực thúc đẩy tiệm giảm. "Điều mà em không hiểu", nàng nói, "là người ta muốn hai đứa mình cùng ký vào một văn bản, hay mỗi đứa ký một cái, hay cái gì khác? Và cái nào đây? Ông luật sư cứ gửi cho em mỗi thứ ba bản, một số thì nằm trong bao thư xanh. Có phải đó là những bản quan trọng hay không quan trọng mà em có thể lưu lại?"

Thực ra, các vị luật sư, vốn tài ba đến thế trong cái thế giới đối địch quen thuộc của họ gồm các trò cáo buộc, kiện tụng và kháng cáo, có vẻ cũng bị rối vì điều khoản cho phép li dị mà không xét lỗi mỗi bên. Ngay buổi sáng xử vụ li dị của họ, Richard chào ông luật sư trên những bậc thềm pháp đình với ý nghĩ rằng trong tư cách nguyên đơn anh sẽ bị người ta yêu cầu nói rõ điều gì trong cuộc hôn nhân đã khiến anh thấy rằng nó là một sự sụp đổ không cứu vãn được. "Nhưng toàn bộ tinh thần của điều luật li dị không xét lỗi", Joan chen vào, "là anh không cần phải nói bất cứ điều gì cả". Nàng đã sánh vai Richard leo lên các bậc thềm pháp đình; thực ra, họ đã đi chung xe tới đây, vì một trong những đứa con của họ đã sử dụng chiếc Volvo của nàng rồi.

Vụ phân xử được lên lịch đầu buổi sáng. Đến đón nàng lúc bảy giờ mười lăm. anh thấy nàng đang đứng chân trần trên bãi cỏ vòng xoay đường xe chạy vào nhà, cổ chân ngập trong sương. Nàng cầm đôi giày cao gót trong tay. Hình ảnh đó khiến anh bật cười. Mở cửa xe, anh nói: "VẬY là có nai trên đảo!"

Nàng đang mãi lo nghĩ không hiểu kịp lời nói xa xôi của anh. Nàng hỏi. "Anh nghĩ em không đi vợ dài thì quan tòa có phiền không?"

"Cứ giấu chân em sau băng ghế của ông ta", anh nói. Anh cảm thấy hơi quay cuồng lảo đảo. Anh ngủ không được ngon, tuy

rằng cái vai của anh không đau nữa trong một lúc nào đó. Nàng vào xe, mang theo đôi giày và cả mùi cỏ ướt. Nàng vẫn là người ưa dậy sớm, còn anh luôn dậy trễ. "Cám ơn anh về việc này", nàng nói, về vụ anh tới đón, và thêm, "Chắc thế."

"Anh thích vậy mà", Richard nói. Khi chạy xe tới pháp đình, nói chuyện về xe cộ và con cái, anh tự hỏi Joan bây giờ nhẹ nhàng đến mức nào; nàng ngồi phía đuôi mắt anh trông nhẹ như một chiếc lông, giọng của nàng mơn trớn tai anh, lối nhấn nhá và ngữ điệu quen thuộc rất có nhạc tính và nghe loáng thoáng, như kiểu của một bản giao hưởng làm ta mơ mộng. Anh không còn trách cứ nàng nữa: đó là lý do của sự nhẹ nhõm. Suốt những năm ấy, anh đã trách nàng về đủ thứ chuyện: chuyện kẹt xe ở quảng trường Central Square, tiếng động âm vang trên chuyến tàu chở thư, độ chênh giữa hai cái giường họ ngủ. Không còn nữa: anh đã thôi không bắt nàng phải giữ vai trò toàn năng nữa. Anh đã trả tự do cho nàng, thoát khỏi khuyết điểm. Nàng đối với anh cũng như Gretel đối với Hansen, một sinh vật đồng điệu đang đi cùng anh dọc theo con đường trong khi bọn chim mổ những vụn bánh mì sau lưng họ.

Luật sư của Richard nhìn Joan với vẻ buồn bã quá lớn. "Tôi hiểu hết, thưa bà Maple", ông ta nói. "Nhưng có lẽ tôi phải nói chuyện riêng với khách hàng của tôi".

Luật sư mà hai người đã chọn khác nhau một cách kỳ cục. Luật sư của Richard là dân gốc Ireland bự con và trông luộm thuộm. Bộ đồ mùa hè màu nâu nhạt của ông ta thì lụng thụng còn cái bụng thì làm căng cứng chiếc áo sơmi, đúng kiểu một ông bố dễ chịu và tẻ nhạt. Còn luật sư của Joan thì nhỏ con, chải chuốt và đánh đồng mọi sự; ông ta mặc đồ ca rô và phát âm qua khoé miệng như những tay gạ bắt độ cá ngựa. Mắt lấp lánh và hoạt bát ngay cả vào cái giờ còn ngái ngủ này, ông ta xuất hiện từ sau một cây cột của tòa pháp đình và kéo Joan ra xa. Cái đầu của nàng, hơi cao hơn ông ta, nghiêng qua để lắng nghe ông ta nói. Nàng lúm đồng tiền, ngoan ngoãn. Richard tự hỏi trong nỗi hoang mang: Phải chăng đây là loại đàn ông mà, qua bao nhiêu năm ấy, đã là kiểu mẫu thâm mớ ước của nàng? "Luật sư của anh, thử hồng hộc, hỏi:

"Nếu quan tòa yêu cầu đưa ra một lý do cụ thể cho vụ chia tay này - mà tôi không chắc là ông ta sẽ hỏi - chúng ta đang trong một tình thế chưa từng có trước đây thì anh sẽ nói gì?"

"Tôi không biết nữa," Richard ngắm nghía đường hoa văn trên mặt gạch bông, như một con sóng nhỏ vỡ ra, giữa hai đầu mũi giày của anh. "Chúng tôi có những khác biệt về chính trị. Cô ấy thường bắt tôi dự những cuộc tuần hành đòi hòa bình."

"Có xô xát tay chân không?"

"Không nhiều. Không đủ nhiều, có lẽ vậy. Bộ ông nghĩ quan tòa sẽ hỏi những chuyện thế này sao? Đây là vụ li dị không xét lỗi hay cái gì khác đây?"

"ở bang này, li dị không xét lỗi là chưa có tiền lệ. Về điểm này, Dick ạ, chính ta là người tạo ra nó. Tôi không biết ông ta sẽ làm gì. Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng thôi."

"Được rồi, ngoài chuyện chính trị, chúng tôi còn không hòa hợp lắm về mặt tình dục."

Không khí giữa hai người đặc cứng lại; với bố anh cũng vậy, tình dục luôn là vấn đề rối rắm. Hơi thở ông luật sư nghe rõ một cách trầm trọng. "Vậy là anh sẵn sàng nói là có sự không hòa hợp về tình cảm và cá nhân?"

Điều này có vẻ không đúng lắm, nhưng Richard vẫn gật đầu. "Nếu tôi phải nói."

"Được rồi." ông luật sư đặt bàn tay to bè lên cánh tay anh và siết lại. Tượng tá chặt căng của ông ta, hơi thở nặng nề, cái vẻ cấp bách bồn chồn và vui vẻ gượng gạo, bộ đồ kiểu xưa và mớ hồ sơ kẹp trong nách cứ như những bảng phân công, tất cả tập trung thành một điểm: ông ta là huấn luyện viên, và Richard sắp sửa ghi bàn thắng ấn định tỉ số, làm một cú nhảy cầu cực khó, hay đánh trái banh dĩa cầu trúng tâm của lượt đánh với đủ ba góc sân đã vượt qua. Lên đường thôi.

Họ đi vào phòng xử từng đôi một. Căn phòng giản dị và trống trơn; phần viền khung cửa có chạm trổ được sơn màu xanh rừng. Các cửa sổ mở ra một con sông nhỏ đã đen thui đi vì chất thải công

nghiệp. Chân dung các quan tòa quá cổ từ trên cao nhìn chòng chọc xuống. Hai luật sư trao đổi với nhau, để mặc Richard và Joan đứng xơ rơ hai bên. Anh bày bộ mặt "Làm gì bây giờ?" ra với nàng. Nàng cũng bày ra bộ mặt "Không biết" với anh. Rồi nghe có ai kêu "Trật tự, trật tự," và quan tòa bước rất nhanh vào, miệng mỉm cười, lớp áo chùng của ông phát phơ. Ông thuộc loại người nhỏ con sắc gọn với khuôn mặt hồng hào lịch lãm; khuôn mặt ông tuyên bố rằng ông hoàn toàn khoẻ mạnh, và sẽ chẳng bao giờ chết. Ông đứng và gật đầu với họ. Ông ngồi xuống. Các luật sư tiến tới thăm thì bàn bạc với ông. Richard chậm chạp nhích về phía Joan, vật thể sống duy nhất trong phòng không cự tuyệt anh. "Đó là một bức tranh khô hài kiểu Daumier", nàng thì thào, ám chỉ màn kịch đang diễn ra trước mặt họ. Hai luật sư lui về chỗ. Quan tòa ra hiệu. Ông ta sạch bong đến độ nụ cười mỉm của ông cũng kêu lên chín chít. Ông chìa ra với Richard một tờ giấy; đó là bản chứng thư. "Chữ ký của anh đây phải không?", ông hỏi.

"Phải", Richard đáp.

"Và anh tin rằng, như trong đây có ghi, cuộc hôn nhân của anh gặp một sự sụp đổ không cứu vãn được phải không?"

"Tôi tin như thế."

Quan tòa quay sang Joan. Giọng ông mềm lại một chút. "Chữ ký của cô đây phải không?"

"Phải." Giọng của nàng là một tia xẹt có tác dụng phục hồi sức khoẻ, đầy những cầu vồng nhỏ xíu, trong khoé mắt Richard.

"Và cô tin rằng cuộc hôn nhân của cô gặp một sự sụp đổ không cứu vãn được phải không?"

Im lặng một lát. Nàng không tin điều đó, Richard hiểu như thế. Nàng nói "Tôi tin như thế".

Quan tòa mỉm cười và chúc cả hai người được may mắn. Hai luật sư giãn người nhẹ nhõm, sau đó là hàng tràng những trao đổi vui vẻ trong nghề luật: tiên liệu về những vụ li dị không xét lỗi trong tương lai, nhắc lại những ngày xưa của Alabama với tác phong nhậm lẹ. Họ quên hẳn vợ chồng Maple. Thừa thãi ngay

trong buổi xử vụ li dị của chính họ, Joan và Richard cùng bước lui ra khỏi phòng xử và đứng bên cạnh nhau, hoang mang chưa biết kế tiếp sẽ làm gì, cho đến khi sau cùng Richard nhớ ra việc cần làm; anh hôn nàng.

Phạm Viêm Phương dịch

NGÔI NHÀ SA THẠCH

Kí ức đầu tiên của Joey về ngôi nhà mịt mùng tựa đám mây, tựa bức ảnh cũ nhạt phai bởi sương, mốc. Suốt Chiến tranh thế giới lần thứ hai, gia đình hắn không có xe, phải đi xe thuê vào những dịp hiếm hoi khi cả nhà rời thành phố, rời ngôi nhà xây bằng gạch, nơi cha hắn làm việc, ra vùng ngoại ô; cậu bé mười hai tuổi là hắn lúc ấy rất xấu hổ bởi không thể nhìn qua cửa kính, chiêm ngưỡng cảnh quan mà luôn phải cố gồng mình kìm cơn say xe. Cậu chống lại những cú xóc, cú lạng; pha trong mùi nồng hắc của chiếc đệm cao su, mùi xăng sống, và cả bàn tay của cha cậu, nổi đầy gân, nhọt nhọt, yếu ớt, đang nắm cần số. Miền quê, đã qua nhiều dặm, cứ lùi dần về phía sau. Những cánh đồng đơn điệu, lồi lõm, trĩu nặng lúa mì, mờ mờ lượn lên lượn xuống. Con đường cao tốc rải nhựa vòng vèo lượn lên đồi, vượt qua nhà thờ đá lớn nhón rồi trườn ra vùng đất bằng phẳng nơi họ từ từ rẽ trái xuống đoạn đường hẹp gập ghềnh, chiếc xe tròng trành mạnh. Chẳng có lấy một ngôi nhà nào trong tầm mắt. Không một dấu vết văn minh ngoại trừ dãy cột điện thoại kéo mỗi một sợi dây đơn chiếc. Xe lại rẽ, lần này thì sang phải, xuống con đường nhỏ và bẩn hơn, rồi dừng lại và trong luồng không khí trong trẻo ập vào khi Joey mở cửa xe, màu xanh của thảm cỏ hơi ngả sang màu vàng nhạt, rực rỡ đón chào cơn choáng váng, buồn nôn của cậu. Trong kí ức mơ hồ, hắn nhớ mọi người vào nhà; có nhiều người trong nhà, những người nông dân vận quần áo lao động, đi giày bẩn, rứt rứt lùi lại khỏi lối họ đi, tựa những con vật. Có một mái hiên phía trước nhà,

hắn nhớ rất rõ. Với lan can, được những phiến gỗ chạm trổ thật đẹp chống đỡ và một khoảng đất ẩn kín bên dưới, mọc đầy cỏ và cuội nhỏ. Khoảng đất ấy là nơi gà có thể bơi và chó có thể nằm thõ hõn hển trong những ngày nóng bức, khoảng không gian ấy dễ chịu và quyến rũ đối với cậu bé ở vào độ tuổi đang trưởng thành của hắn.

Vào khoảng thời gian gia đình mua ngôi nhà với tám mươi hecta đất xung quanh và chuyển đến, hắn mười ba tuổi, hàng hiên phía trước được dọn đi, để lại khoảng trống giữa mặt tiền ngôi nhà và lối đi tráng xi măng; vạt đất được trồng hoa tulip, hoa layon và một giàn nho. Khi đã trưởng thành, Joey không thể nhớ việc ấy xảy ra như thế nào và từ bao giờ, việc họ kéo đổ mái hiên cũ mục nát ấy. Nhiều mảnh của nó vẫn còn ở trong chuồng gia súc - những mảnh lan can và những cột chống bằng gỗ thông được chạm hoa văn trang trí. Một dạo hắn về mang một mẫu lên New York để giữ làm kỉ vật về một kiểu nghệ thuật dân gian. Mẫu vật khắc hình hai vòng tròn lồng nhau đồng tâm và một lỗ nhỏ, giữa hai vòng tròn, hai khuôn hình được chạm sâu vào gỗ, một nom tựa mũi tên và một nom tựa con cá. Những vảy nhỏ nhiều màu khác nhau bong ra khỏi lớp sơn lót, đầu tiên từ thuở xưa. Mẫu vật, không hoàn toàn là nghệ thuật, nằm nghiêng trên mặt lò sưởi bằng phiến đá màu đen một thời gian rồi tìm đường ra nằm phía sau phòng để đồ cùng với những chiếc vợt tennis hỏng, những cuốn sách của trường cao đẳng và mấy cây đèn bàn mà có lẽ một ngày nào đó sẽ được thắp sáng trở lại. Giống mẹ, hắn do dự khi quảng đi bất cứ vật dụng nào.

Nếu chính hắn, cha và ông nội đã đập hàng hiên thì hắn đã nhớ rất rõ công việc ấy như việc hắn đập đổ bức phen gỗ trát vữa ngăn hai phòng nhỏ ở tầng dưới, để tạo nên một phòng khách rộng lớn hay việc dỡ bỏ cái lò sưởi trong bếp bằng đá lớn và ống khói của nó xuyên qua căn phòng áp mái. Hắn nhớ mình đã lắng những viên đá lớn qua cửa sổ căn phòng ấy, hắn và ông hắn đẩy, cố không để kẹp phải tay, trong lúc cha hắn, mặt trắng bệch ra vì gắng sức, đang giữ sợi dây ròng rọc vắt tạm qua rui nhà. Một khi ra đến bậu cửa, những tảng đá nặng rơi xuống, chạm chạp một cách kì lạ khi

được nhìn từ bên trên rồi dồn đóng lại tựa quả núi, công việc mùa hè của Joey là dọn đóng đá ấy đi. Mùa hè đầu tiên ấy ở nông trại, hần đã học được bài học giá trị lúc bước sang tuổi mười bốn: thậm chí nếu mỗi lần bạn chỉ cố xoay được một hòn đá duy nhất lên xe cút kít, rồi toát mồ hôi, lặc lè đẩy nó xuống vùng đầm lầy bên cạnh nhà thì dần dần toàn bộ ngọn núi cũng sẽ bị dọn đi. Cùng phương châm ấy, nếu một người khổng lồ mà cứ để phí hoài thời gian thì chẳng mấy chốc toàn bộ cuộc sống của hần cũng sẽ đi tong.

Hơn bốn mươi năm sau mùa hè 1946 ấy, kể từ khi mẹ qua đời và cuối cùng ngôi nhà không có người sinh sống đã từ bỏ khối tài sản được lưu giữ lâu đời của nó, thì bất chợt hần thấy bức ảnh của mẹ lúc lên mười, chụp phía trước cửa. Ai đó dùng bút chì viết dòng chữ bay bướm - không phải chữ mẹ hần, chữ mẹ gọn gàng, chân phương, hơi ngả ra sau - lên đằng sau tấm ảnh: Chụp tháng tám 1914, phóng lớn tháng Tám 1917. Ai đó hần đã rất thích bức ảnh chụp nhanh này nên đã phóng lớn và dính lên tấm bảng gỗ xám dày: ai?

Mẹ hần, vận chiếc váy trễ eo, đi đôi tất đen, giày đen, đế cao và lớn, mái tóc tết bím hất sang một bên vai, đang ôm cổ một chú chó, cỡ trung bình, lai giống còli. Cả đứa bé lẫn con chó đều nhìn thẳng vào ống kính, hơi mỉm cười, đôi mắt mở to đầy tự tin. Cả hai đứng trên con đường bê tông vẫn còn đó nhưng chưa bị nứt; sau lưng là hàng lan can của hiên nhà, được trang trí bằng những hoa văn đơn giản, và một khóm hồng nhỏ đang trổ hoa. Con chó đã chết từ lâu, còn người đàn bà mới qua đời thì trông rất hạnh phúc. Hần Joey không thể nhận ra mẹ mình nếu không nhờ mái tóc dày của bà - một cô bé chưa có ngực, vui vẻ đi đôi giày của một bà lão. Phía mép chuồng gia súc bên trái bà, mờ mờ do ảnh phóng lớn, là hàng rào, những cây cột không để lại vết tích gì, chỉ một vạt đất trơ trọi. Toàn bộ khu nhà đã bị dỡ bỏ - có lẽ đây là lều chứa thuốc lá. Cỏ được xén quanh lối đi, hàng rào trông gọn gàng. Thuở ấy, nơi đây tựa một thiên đường riêng và vì thế nên bà cố quay về, mua lại ngôi nhà xây bằng đá sa thạch mà cha mẹ bà, sau khi cảm thấy kiếm đủ tiền từ lợi nhuận thuốc lá để nghỉ ngơi, đã bán đi trong lúc bà hãy còn thơ ấu, lúc vừa tốt nghiệp phổ thông cơ sở.

Thuở ấy, mới mười hai tuổi, bà bị lôi tuột ra khỏi trường địa phương để gửi đi học xa, bà ghét chuyến đi ấy, ghét mọi chuyện, kể cả chuyến đi xe hàng tiếng đồng hồ đến Kutztown. Những cú xóc, mùi dầu xe và cả người đàn ông say rượu ngồi bên cạnh đã làm bà phát ốm.



Bà yêu ngôi nhà cũ, yêu dáng vẻ của nó. Bởi hầu như suốt cả đời, trừ hai mươi năm đi xa lúc còn là thiếu nữ, để đến nhập trường trung học, rồi cao đẳng, kết hôn với người bạn trai bà quen nơi đó, rồi đi khắp nơi với chồng cho đến lúc cuộc khủng hoảng đã tước đi nghề du lịch của ông và sinh cho ông một cậu con trai ngay vào thời điểm nước sôi lửa bỏng nhất của cuộc khủng hoảng, lúc cả gia đình sống với cha mẹ bà trong ngôi nhà tại thành phố gạch - ngoại trừ hai mươi năm này, hạnh phúc luôn sống trong bà. Qua thời gian háo hức tìm kiếm, bà đã khám phá ra là ngôi nhà sa thạch được xây vào năm 1812. Thuở ấy, hàng đoàn thợ nề, thợ cắt đá đi khắp miền quê, xây dựng những ngôi nhà ở các trang trại tại Pennsylvania này theo kiến trúc cực kì đơn giản. Nền nhà hình vuông, cắt góc theo la bàn. Hướng Nam mở tới đa để đón nắng; cửa sổ hướng Đông trở về phía mặt trời mọc; còn cửa sổ phía Tây hướng ra mặt trời lặn. Những phiến đá được đẽo sắc cạnh để tôn độ nét của góc tường. Giàn giáo vững chắc được dựng lên từ những cây xà xuyên qua bức tường dày gần một mét, những lỗ đặt giàn giáo sẽ được bít lại bằng những viên đá vuông, rộng một tấc khi bức tường được xây xong và giàn giáo được tháo ra, từ trên xuống. Vừa xây, được trộn bằng vôi từ lò nung và cát dưới đáy suối, trát kĩ vào kẽ đá. Mặc dù việc nâng những phiến đá lên đặt vào vị trí của chúng là phi thường, nhưng kì công trong việc bẩy đá lại diễn ra ở bãi khai thác. Phần đá sa thạch lộ thiên thì kết dính chặt, vô dụng bởi nắng mưa, nhưng dưới đất, phần đá tốt hãy còn ngủ yên, được cẩn thận cắt phiến bằng những mũi khoan, mũi nê-m và xà beng rồi được đám ngựa kéo đi trên những cỗ xe có bánh hoặc xe trượt. Thỉnh thoảng, một chiếc xe vỡ tan bởi độ nặng của phiến đá.

Nhưng những chuyến tiếp theo vẫn tiến lên tựa đợt thủy triều của dòng sông băng trong thời băng tan cuối cùng ở điểm xa gần mút phía Nam, đã để lại những lớp đất đá trầm tích rải rác trong khu vực - nhiều hecta đất bị vùi trong đá; những khối đá lớn chồng chất lên nhau khiến cây cối không thể đâm chồi, mặc dù xung quanh những đụn đá ấy là rừng bao phủ; những hồ nước cần khô đã hấp dẫn và cuốn hút biết bao tâm hồn ở thế kỉ mười chín từ mọi nơi háo hức đến chiêm ngưỡng sự sắp đặt của Chúa trên vùng đất.



Bởi do nhạy cảm và hen suyễn nên Joey đã rời khỏi ngôi nhà thành phố chung bức tường gạch nơi hấn có thể cảm nhận được sự ấm áp - nơi hấn có thể nghe qua bức tường phòng ngủ tiếng những người hàng xóm sột soạt khi hấn thức giấc, tiếng bình sữa được đặt trước cửa và tiếng những chiếc xe lộc xộc khi lạng qua góc dãy nhà - đến những bức tường đá dày cam lạng được tô một lớp vữa, bồi thêm lớp giấy dán tường cũ; nền lò sưởi và cả lò sưởi thô ráp như kiểu lò sưởi thường được thấy ở những ngôi nhà miền quê; ngôi nhà như thể là nơi cư ngụ của sự lạnh lẽo và ẩm ướt của tự nhiên. Cái nóng mùa hè xua hàng đàn nhện, cuốn chiếu, kiến, mồi ra khỏi những khe nứt. Mùa đông đầu tiên trong ngôi nhà ấy, trước lúc cái lò sưởi dầu được lắp ở tầng trệt, cái bếp dầu trong phòng khách là nơi cung cấp nhiệt duy nhất. Joey nhớ rất rõ cái bếp ấy; nó được sơn màu nâu sôcôla, có mấy cái chân hơi cong, đặt trên mảnh vải trắng amiăng bắt chước hình thớ gỗ. Hấn cuộn mình trong chăn ngồi hàng tiếng đồng hồ trên chiếc sofa bọc da bóng, lồm đồm sát bên cái bếp. Do chứng cảm lạnh kinh niên của mình nên hấn đã nghỉ học nhiều ngày; hấn không thích điều đó bởi ở trường ấm hơn, có vòi nước và toilet dội. Đám con gái thì mặc váy dài xếp nếp, áo len xù, tất lật cạp, chúng thuộc thời hiện đại, thời văn minh. Hấn bám lấy nền văn minh bằng cách đọc: ngồi co ro trong bầu không khí ngập mùi khói dầu của cái bếp màu nâu, hấn đọc đủ thứ - P.G.Wodehouse, Ellery Queen, John Dickson Carr, Thorne Smith - những thứ ấy gợi nên không khí của các

thành phố và giúp hắn thoát ra khỏi ngôi nhà đá bé nhỏ lạnh lẽo, ẩm ướt này.

Mẹ hắn với vẻ hài lòng, thư thái khi nhớ về mùa đông đầu tiên ấy, lúc hàng loạt những gian truân đã được vượt qua. "Lúc ấy thật sự gian khổ, mẹ nghĩ, đối với tất cả mọi người: con thì bị bệnh rất nặng, ba con thì phải vật lộn với chiếc xe Chevrolet cà tàng chúng ta có được ấy để đi làm; còn với ông bà thì đấy là một sự thất bại thảm hại. Việc quay trở lại nông trại sau khi ông bà đã bỏ đi, ông bà cứ ngồi mãi trong xó nhà như những đứa bé nhưng mẹ thì thật sự hạnh phúc khi trở về đây. Mấy người khuân vác đã làm vỡ một tấm kính lớn ở cửa trước và vì lí do nào đó mà suốt mùa đông đầu tiên ấy chúng ta không cố thay mà chỉ dùng một tấm ván bịt ra ngoài chỗ vỡ. Thật không thể ngờ nổi, làm sao mà cả nhà có thể sống sót". Rồi bà cười vang khi tiếp tục nhớ: "Chúng ta cố nhóm lửa lò sưởi phòng khách nhưng số củi gia đình Schellenbarger để lại trong tầng trệt là gỗ cây du đã mục, còn cái lò sưởi ấy thì không hề được thông ống khói, ngay cả tổ của lũ én cũng không được dỡ bỏ đi. Khói tràn ra khắp phòng, mẹ chẳng thể nào hiểu được nguyên nhân. Nếu soi đèn pin lên ống khói thì ta chỉ thấy nó méo vẹo đi.

Dẫu sao thì Joey dường như nhớ rõ lúc hắn lên cầu thang, đặt chân xuống sàn gỗ cứng, chộp nhanh bộ đồ đi học rồi mặc nguyên đồ ngủ chạy vội xuống cầu thang hẹp - các bậc thang đã bị mòn vẹt nơi bước chân của nhiều thế hệ đặt lên, đầu đỉnh nhô ra, sáng bóng, nguy hiểm - đến thay đồ phía trước lò sưởi, nơi những cây gỗ đang cháy nứt tanh tách. Không khí tầng trệt lạnh giá liếm vào da hắn tựa những ngọn lửa lạnh, tựa những cuộc đối thoại vô tận của cha mẹ hắn, cứ kéo dài cho đến lúc dễ biến thành cái vã rồi bình tĩnh trở lại trong lúc hắn tập trung, nếu hắn ở nhà, vào cuốn sách. Ông hắn có giọng nói đầy nghệ thuật, kiên nhẫn và lưu loát; bà hắn ít nói và chỉ âm ừ khi trả lời. Mẹ hắn, không giống như đa số những người lớn khác, không thể rời được ông bà mà cứ bám riết lấy với những câu chuyện và những lời than phiền cũ rích, tựa người nào đó cứ cộng mãi vài phép tính quên hết ngày này sang ngày khác, hi vọng tìm ra một đáp số khác. Trong lúc đó,

Joey đang ôm, cuộn người ngồi bên bếp, nghe những lời đối thoại nặng nề dội vào tai như thể mùi dầu nóng nặc xộc vào mũi; nhưng suốt năm năm ấy (chỉ năm năm!) sống trong ngôi nhà sa thạch với bốn người lớn, tâm trí hắn luôn hướng về nơi khác - trường học và tương lai. Hắn cố phớt lờ những chuyện diễn ra xung quanh. Ngôi nhà, thậm chí sau khi được sửa sang, xây lò sưởi, lắp điện thoại, dán giấy mới, những căn phòng đẹp hơn, thì vẫn làm hắn khó chịu.



Hắn chưa bao giờ thấy khó chịu hơn cái mùa hè trước, lúc gia đình chuyển đến và mua chiếc Chevrolet cà tàng ấy. Chiến tranh vẫn tiếp diễn, vùng Thái Bình Dương cũng có chiến sự. Nhiều lần mẹ đã bắt hắn đi cùng, đón xe buýt đến nông trại thuộc quyền sở hữu của gia đình. Bên phía dọc theo con đường bà quan sát thấy nhiều cây thông trồng quanh rìa nông trại rộng lớn bị gió quật gãy; bà và Joey mang theo cây giống trong hộp, cốc xẻng, kéo xén và thùng tưới nước - tất cả mớ dụng cụ tầm thường ấy được mang bởi một người đàn bà đứng tuổi, mặt đỏ gay và một thằng bé ốm nhách, tai vĩnh ra, vận bộ đồ lao động bằng vải trúc bầu thô ngắn cũn cỡn. Mẹ hắn mặc chiếc sơ mi kẻ giống áo đàn ông, đội cái mũ rơm rộng vành, đeo yếm và quần bảo hộ lao động màu xanh nhạt; trông bà như thể là người sắm vai nông dân trong một cảnh phim hài ở Hollywood. Trong xe buýt không còn chỗ để cốc xẻng; bác tài xế phải đút chúng vào ngăn hành lí, rồi phải đỗ xe lại dọc đường để đưa trả những dụng cụ ấy. Thật dễ chịu khi chiếc xe lại chuyển bánh về phía Nam, hướng Washington, rồi biến mất sau khúc cua trên đường cao tốc.

Joey và mẹ mang dụng cụ bước xuống con đường hẹp, bụi bặm. Chưa lúc nào hắn lại xấu hổ như lúc ấy nên hắn thề là sẽ chẳng bao giờ lặp lại một chuyến đi như thế. Hắn không thể trách mẹ, hắn vẫn rất cần bà, vậy nên hắn lau bầu về cái nông trại ấy - cánh đồng thì lồi lõm, mù mù sương, hơi nước ẩm phẩn hoa làm hắn chảy nước mắt và hắt xì hơi; ngôi nhà bằng đá sa thạch nhỏ

của nông trại nom tựa một khối đường vuông màu nâu đang tan trong bầu không khí nóng bức, tan trên sườn đồi bên dưới vườn táo già cỗi dở sống dở chết. Công việc kéo dài qua trưa, đến chiều họ đã dọn được khoảnh đất nhỏ bên rìa nông trại, nơi vụ lúa mì cuối cùng của gia đình Schellenbarger đang đâm những chồi xanh yếu ớt lên từ cuống rạ, cắt hết những bụi kén, đám dây leo hoang độc và những khóm kim ngân, rồi đào hố, đặt những cây thông non cao chừng một tác rưỡi xuống, tưới nước ướt hố đất cát màu hung đỏ. Rồi cứ cách vài bước, hai mẹ con trồng tiếp một cây khác; Joey, từ hố tiếp theo, đã không thể nhìn thấy cây vừa mới trồng bởi nó đã lẫn trong đám cây cỏ rậm rì. Công việc thật vất vả. Nhưng khi những làn gió nhẹ buổi chiều thổi đến, hắn nghe được âm thanh tinh khiết của vùng đất yên tĩnh mà không thể nào tồn tại nổi trên những con phố thân thương của hắn trong khu nhà gạch chung vách. Cứ độ một tiếng đồng hồ thì có một chuyến xe chạy qua, mọi người tò mò nhìn người đàn bà và cậu bé ăn vận nửa nông thôn nửa thành thị trên cánh đồng. Hắn cảm thấy mình như một người hùng trong việc đi bộ, mang cái xô tưới rộng đi dọc theo bờ cánh đồng ngô chừng ba trăm mét đến ngôi nhà trống có cái bơm nước bằng sắt gỉ ở sân sau, rồi xách cái xô quay lại, bây giờ nó nặng như xách một tảng đá.

Hắn cảm thấy mình can đảm. Không gian của lòng dũng cảm tồn tại nơi này; ý nghĩa tồn tại của hắn đã được chuyển sang hệ đo mới. Hắn quyết định gây bằng được ấn tượng với mẹ - để chiếm lấy tình cảm bởi ở đây, nơi nông trại này lần đầu tiên hắn cảm nhận được rằng rõ ràng mẹ yêu cái gì đó ngang với yêu hắn.

Cuối cùng, đám cỏ dại ngả những cái bóng dài lên nhau, những cây thông tí hon đã được trồng hết trên vạt đất cần bên đường, đã đến lúc quay lại con đường hẹp, bụi bặm để đợi chuyến xe buýt từ Washington chạy vòng qua khúc cua. Phải một tiếng nữa mới có xe, họ chong mắt nhìn đợi chuyến xe trên đường cao tốc sẫm đen rồi ruột gan hắn quặn lại bởi ý nghĩ hai mẹ con bị nhỡ xe và bị bỏ lại. Nhưng điều ấy chẳng thể nào làm hắn nhụt chí mấy may, bởi lẽ hắn đã dần tiến tới tâm trạng hợp tác đầy thách thức, với tâm trạng đó hắn xấu hổ đến đàn mặt ra và phải đóng một lúc

hai vai: một người kiên cường chịu đựng gian khổ và một người thủ vai hài, cùng đóng vai chính với bà mẹ đội mũ rơm rộng vành và các phụ tá cao lêu nghêu mặt nhọn là mấy cái xén cỏ và cuốc xẻng. Nhiều năm sau, mẹ cùng hấn cứ phì cười khi nhớ lại chuyện ấy; kí ức về những chuyến đi cực kì nóng bức để trồng một hàng cây mà hầu hết không thể mọc do bị chèn bởi những bụi cây ké và đám dây leo bìm bìm hay bị đốn gục trong khoảng thời gian một, hai năm sau bởi những lưỡi dao xén cỏ vô ý.

Nhưng vẫn còn vài cây, độ sáu, bảy cây gì đó, vươn cao lên bên lề đường - những tán cây bù xù nom cao hơn cánh buồm tàu, đung đưa theo chiều gió. Vào khoảng thời gian ấy, con đường bụi bặm, đã được rải đá dăm, suốt ngày âm âm xe cộ, nhưng tuyến xe buýt đến Washington đã bị bỏ từ lâu, bởi không mang lại lợi nhuận.



Năm năm sau cái tháng Chín, khi cả nhà chuyển đến ấy, Joey vào trường cao đẳng. Hấn hầu như không quay lại nhà. Hấn lập gia đình vào năm học cuối rồi chuyển đến New York sau khi tốt nghiệp. Một trong số những niềm tự hào của mẹ hấn, sánh ngang với việc xem nông trại như một thiên đường, là việc mong mỗi hấn trở thành nhà thơ; hấn dốc hết khả năng để đáp ứng nhiệm vụ thiêng liêng ấy bằng cách đăng kí làm việc cho một hãng quảng cáo và miệt mài quên mình tìm kiếm những cụm từ hoa mỹ, giật gân - có thể hơi thô thiển, miễn là kích thích mọi người chịu dốc hầu bao - mang lại cho họ sự thích thú, được gọi lên bởi sự bí ẩn trong những dòng chữ, hình ảnh bịa đặt, để tiêu xài. Công việc này giống thơ ở chỗ người thực hiện chỉ cần một chút gì may mắn và hấn đã có nó mà không phải phàn nàn gì cả. Hấn chẳng bao giờ vác xẻng đáp chuyến xe buýt ấy lần nào nữa.

Nhiều sự vật đã tồn tại hàng bao thập kỷ nay dần dần đổi thay, cùng với chúng là các con số trong tài khoản ngân hàng của hấn và những ngôi nhà hấn từng trú ngụ. Cuộc hôn nhân đầu tiên

của hắn kéo dài qua ba căn hộ, cuộc thứ hai tăng đến bốn, còn cuộc ngắn ngủi thứ ba thì chỉ có một và bây giờ hắn tự hỏi liệu đời hắn có còn tìm thấy được người đàn bà nào nữa không. Hắn luôn nghĩ về điều đó, về cánh đàn ông, đặc biệt là những người gọi hắn nhớ lại người cha hiền lành, không hề mở miệng ta thán lấy một lời. Nhưng vào thời gian đó, những năm tám mươi của đại nạn AIDS, tóc hắn đã chuyển từ màu muối tiêu sang trắng xóa và hắn dự định sống quãng đời còn lại với những cuốn sách, chồng đĩa CD, sổ tài khoản và bộ sưu tập nghệ thuật hiện đại ít ỏi, pha lẫn ý đồ kinh doanh nhạt nhẽo với sự thu mình lạnh lùng. Phía bên kia mấy bức tường trắng trong căn hộ của mình, hắn có thể nghe những tiếng lầm rầm và tiếng động nhẹ của những người hàng xóm. Hắn thích những âm thanh ấy. Vào những năm năm mươi, hắn đã chuyển đến sống trong ngôi nhà chung vách.

Cách ba tiếng đi xe, người mẹ goá bụa của hắn sống một mình trong ngôi nhà sa thạch. Joey là người đầu tiên ra đi. Vài năm sau, ông hắn chết bất thành hình như bị sét đánh, rồi sau một năm liệt giường, bà hắn cũng qua đời. Ngôi nhà thừa một phòng trên gác nên khi Joey cùng cô vợ đầu và mấy đứa con nhỏ về thăm nhà vào những năm sáu mươi, thì không phải ngủ đất hay ghé sofa bị vấy bẩn bởi bánh quy giòn kẹp bơ đậu hắn thường ăn khi ngồi đọc sách trong những ngày xa xưa ấy. Trên gác có hai phòng ngủ, cửa đã có thể đóng mở và phía đầu cầu thang có hành lang nơi hắn từng ngủ ở đấy suốt năm năm, nằm nghe bốn người lớn ngáy và trở mình trong lúc hình ảnh của những cô gái, những lời cầu nguyện và mở đầu của những bài thơ cứ xuất hiện lộn xộn trong đầu. Ông hắn, cứ sáng tinh sương đã xuống cầu thang, luôn cúi xuống vuốt nhẹ mái tóc của thằng bé đang ngủ; rồi khi bà và cha mẹ Joey xuống, thì những âm thanh của bữa sáng vọng đến hắn cùng với mùi bánh mì nướng, mùi ẩm áp của cuộc sống đầm ấm len qua lớp ván sàn lạnh lẽo bằng gỗ thông mềm.

Còn có căn phòng thứ tư, một phòng nhỏ nằm ở góc tây nam, nơi mẹ hắn chào đời trong cơn khai sinh quằn quại kéo dài - Joey hình dung cảnh ấy: một cây thánh giá xù xì, mấy ngọn đèn lập lòe, ẩm nước bốc hơi, bà đỡ đến bằng xe độc mã... tất cả đã đưa mỗi

quan hệ giữa mẹ và bà thành như thể đây là một tội lỗi lớn, một sự kết dính kéo dài vô ích trong nỗ lực đòi hỏi sự đền bù. Mẹ hẩn chăm sóc bà suốt khoảng thời gian dài của căn bệnh bại liệt, nhưng không phải lúc nào cũng ân cần hay dịu dàng, rồi cuối cùng khi bà qua đời, mẹ hẩn vẫn còn lí do để ca cẩm. "Mẹ đã dâng hiến hết cả đời", mẹ hẩn kết luận, "cố làm bà hài lòng nhưng chẳng bao giờ có được điều đó".

Bực mình bởi sự lặp đi lặp lại những lời lẽ tự bi kịch hoá ấy, Joey hỏi: "Thế bà có nói ra điều đó không?"

"Không, nhưng con phải hiểu bà. Bà không bao giờ ta thán bất cứ điều gì".

"Không giống như mẹ của con", hẩn nói với vẻ chế giễu pha nịnh nọt.

Mẹ nghe được giọng châm chọc của hẩn. "ừ, mẹ kế thừa cái tài tán dóc của ông", bà thú nhận. - "Thực sự, đây là điều tai hoạ. Nếu người ta cứ huyên thuyên suốt thì sẽ không còn biết mình phải làm gì nữa".

Căn phòng thứ tư ấy đã trở thành phòng tắm, có bồn tắm nhưng không có vòi hoa sen, có chậu rửa mặt nhưng không có tủ để đồ. Kem đánh răng, kem chống nắng, kem bôi tay, dao lam, nước súc miệng, những bánh xà phòng dính bết vào nhau... tất cả dồn hết lên bề cửa trũng, nhìn ra những tấm ván lợp thẫm đen của mái nhà phía sau. Sau khi cha hẩn qua đời, vào đầu những năm bảy mươi, ngôi nhà dần dần mất đi sức mạnh tự đào thải những thứ tích tụ. Trong suốt khoảng thời gian gia đình cư ngụ, bắt đầu bằng việc dỡ bỏ mái hiên, bức tường ngăn trong nhà và ống khói, đến bây giờ nó đã chật như nêm; gác xép, tầng hầm, bề cửa sổ đầy ắp các đồ lưu niệm được mẹ hẩn giữ lại trong suốt đời bà.

Với lập luận rằng phải cho mèo hoang ăn thì lũ chim mới khỏi bị ăn thịt, bà đã cho một con mèo hoang ăn ở hiên sau; dần dần con mèo ấy đẻ nhiều mèo con đến nỗi, ngôi nhà đã có đến chừng bốn mươi con. Nhà bếp trở nên chật chội bởi những thùng thức ăn của mèo, rồi tại một chỗ trong rừng, đằng cuối của lối mòn nhỏ, nơi mọc đầy những cây phúc bồn tử, một ngọn núi những hộp

đựng thức ăn mèo rỗng nhô cao. Mấy đứa con của Joey gọi nó là Núi Thiếc. Những tờ tạp chí, đồng bư phẩm cũ, những cuốn kinh nhỏ nằm rải rác khắp mặt bàn, ghế, đang đợi bó lại đưa xuống nhà kho, rồi ở đó chờ chuyển xe giấy sắp đến của các Hương Đạo Sinh. Những bức ảnh của Joey, con và những người vợ, thiệp chúc mừng Giáng Sinh, mừng lễ thánh Valentine (ngày 14 tháng 2) của họ hàng và hàng xóm gửi tặng chất đồng khắp mọi xó xỉnh, nom như thể một loài rêu. Thậm chí cả cái bàn, nơi mẹ hắn ngồi ăn cũng chỉ có đủ không gian để đặt một cái cốc, đĩa đặt cốc và một đĩa thức ăn. Joey cảm thấy ngôi nhà như đang co hẹp lại như chính trái tim mẹ mình - phim chụp mạch vành cho thấy điều đó - đang bị vít kín bởi chứng xơ cứng động mạch, và hai lá phổi thoi thóp đập đang chứa đầy nước.

Những lần về thăm của hắn, qua nhiều năm, dường như làm phong phú thêm kho tích lũy ấy. Hắn đỗ xe cạnh kho, bước lên những bậc đá được giữ nguyên hàng mấy chục năm nay (trong khi cây đại dương cầm bị hỏng phải dùng xà beng chống) đã bị cát bụi phủ đầy và cả đám cỏ dại yếu ớt. Trên hiên sau, hàng đàn mèo mẹ, mèo con meo meo đòi ăn. Lúc đi qua cửa sau, hắn cố không hít phải mùi ôi của thức ăn mèo và hộp catton thối. Tại những khoảng ngăn riêng trên sàn, mẹ hắn cất những chiếc hộp rỗng, những túi nilon siêu thị gói hàng cho bà, một đồng những tờ catalogue đặt mua hàng qua đường bưu điện và cả mớ dây dợ bùng nhùng trong cái xô tráng kẽm. Joey nhận thấy việc tích giữ này mang tính mê tín mà chính bản thân hắn cũng có phần dao động với niềm tin rằng mọi vật đều có giá trị của nó. Lũ chim trên cây, đoá hướng dương bên hàng rào vườn cây ăn quả, những tấm thiệp chúc mừng của đám cháu chắt, bà con xa nhân các ngày lễ từ nhiều năm trước... tất cả có một giá trị mà ở vào một thời điểm nào đó, nó tương đương với một khoản tài sản lớn. Đây là cách quảng cáo cho cuộc sống thực sự sung túc của người sở hữu chúng.

Trên ngưỡng cửa, hắn có thể nhận được nhiều nụ hôn, rồi mang vali lên gác, vượt qua con chó; con cuối cùng trong bầy chó đông đúc ấy là một con chó cái lai, gầy guộc chạy lăng xăng vì háo hức khi thấy có người đến nhà. Phòng khách trở thành buồng ngủ

của cha mẹ hắn. Khi chồng qua đời, mẹ hắn chuyển đến căn phòng cũ của ông bà hắn, sát căn phòng nơi bà được sinh ra. Joey nhận thấy việc di chuyển ấy như có lí do từ tín ngưỡng kì lạ mà chẳng liên quan tí gì tới nghi lễ Thiên Chúa Giáo. Hắn nhớ cái cách bằng một kiểu nghi lễ kì lạ của tín ngưỡng kì lạ đó, ngay hôm sau ngày chết của bà, cha mẹ hắn mang chiếc chiếu bản, thấm đầy nước tiểu của bà ra đốt bên cạnh đồng đá hắn vứt dón lại, khói bốc đen ngòm bầu trời suốt cả buổi sáng.

Còn đây, trong phòng khách, buổi tối, không có bà vợ nào vỗ về, chăm sóc, hắn lại vật vã với từng hơi thở. Chiếc giường gỗ ghè đến nỗi làm lưng hắn đau. Cái gối nặng trĩu và cứng ngắc. Nền lò sưởi bằng đá sa thạch chưa từng được sử dụng chắc đang toả mùi ẩm ướt khắp phòng như ngoài trời. Chim chóc, dơi và chuột hắn đang trở mình trong những bức tường rỗng, và những tiếng động của mẹ, hắn là bà đang buông màn bên kia bức tường mỏng, rạn nứt. Mẹ thức hay ngủ? Và cả hắn nữa? Hắn chỉ có thể thoải mái thực sự trong ánh bình minh, khi con chó đánh thức mẹ dậy, bằng cách đưa vuốt cào cào lên những tấm ván xù xì, rồi cả hai từ từ bước mạnh chân xuống cầu thang, tiếng mở hộp bắt đầu lách cách theo nhịp đều đều trên những nắp hộp thức ăn của mèo vụng từ tầng dưới lên.

Vì lí do gì đó mà phòng khách không có rèm, trong đêm tĩnh lặng, mặt trăng chiếu lên những bậu cửa rộng như thể thúc giục hắn, giục hắn quay về với khoảng đời mà toàn bộ cuộc sống trưởng thành của hắn mãi hòng xóa bỏ. Bệnh hen suyễn, hậu quả của những dằn vặt, căng thẳng nội tâm, thường không quá nặng - vào hai đêm đầu hắn có thể ngủ từ năm đến sáu tiếng - nếu hắn có thể bỏ quay về New York ấm cúng, đầy đủ tiện nghi. Nhưng vào những dịp nghỉ cuối tuần dài, hắn phải vật vã để qua đêm thứ ba bởi bụi bản và phấn hoa ngập đầy phổi, bởi cái gối cứng ẩm mốc, bởi ánh trăng ngoan cố và cả lời buộc tội trong màu trắng bạc câm lặng của nó.

Hắn hình dung mẹ và hắn, đang nằm mỗi người mỗi giường là những người còn sống sót sau bữa đại tiệc đã từng được tổ chức trong ngôi nhà. Cảnh tượng như thế, trên một ngọn đèo tuyết,

đoàn người phải giết và ăn thịt lẫn nhau và bây giờ một trong hai người còn sống phải tiêu diệt kẻ còn lại. Mẹ hắn đã vào độ tuổi tám mươi cũng bị bệnh về đường hô hấp, phải ngủ gối lên hai cái gối chồng nhau. Đêm nọ bà khẽ gọi đánh thức hắn dậy, "Joey, mẹ không được khỏe. Hãy mặc chiếc áo khoác cũ của ba rồi xuống tầng dưới với mẹ".

Hắn thức giấc, cái đầu trống rỗng như ánh trăng. "Chúng ta có gọi đến bệnh viện không?"

"Đừng. Mẹ chỉ cần ngồi dậy thôi. Con biết cái áo khoác ấy ở đâu rồi, nó treo dưới chân cầu thang".

Chiếc áo được treo ở đó trong nhiều năm nay, đây là một trong số những chiếc áo cũ mà cha hắn chắc đã tìm mua được ở các cửa hiệu hay kho chứa đồ cũ. Joey thường xuyên thấy cha mặc nó, trong năm cuối cùng của đời cha, khi chân ông ngả sang màu trắng bột, bị viêm tĩnh mạch, mũi ông chuyển sang màu xanh nhạt, máu tuần hoàn chậm, mắt ông cứ lặn sâu, sâu hơn nữa vào hốc và tai ông trở nên điếc đặc. Nhưng đến phút cuối, cha hắn vẫn ngẩng cao đầu, thiết tha với thế giới bằng tâm hồn của một học giả. Từng làm giáo viên môn khoa học xã hội, ông vẫn tiếp tục đọc những cuốn sách dày về lịch sử đương đại và viết cho Joey, qua một trong số các lá thư hiếm hoi của ông, bằng nét bút của một ông giáo mẫu mực, ốm đau bệnh tật, rằng bệnh điếc đã giúp ông dễ dàng hơn trong việc tập trung.

Joey thầm hỏi tại sao mẹ lại quá quan tâm đến cái áo, nhưng đã vâng lời mặc vào. Trong bóng tối, chiếc áo trông là lạ, rộng so với cơ thể hắn bởi cha to hơn hắn nhiều. Mẹ đã đúng; một khi đã mặc nó ra ngoài bộ pijama, hắn lại trở thành con nít, bình tĩnh và tự tin. Họ xuống tầng dưới, bật máy sưởi rồi cùng nhau ngồi trong phòng khách mờ tối, hắn ngồi trên ghế sofa, còn mẹ thì ngồi ở ghế xem tivi của bà; hắn nhìn mẹ trầy trật thở, từng hơi thở đứt quãng, ngắn, tựa hơi thở phập phồng tuyệt vọng của con chim bị kẹt trong ống khói.

"Mẹ có khó thở lắm không?", hắn hỏi.

Bà không đủ sức trả lời mà chỉ lắc đầu. Không, rồi lại gục xuống thở hổn hển như thể đang cố ngoi lên mặt nước. "Nó như thế", bà nói đứt quãng, "đang bị bóp nghẽn".

"Mẹ có chắc là không cần đi bệnh viện không?"

Bà lắc mạnh đầu. "Chúng có thể làm được gì? Ngoại trừ việc tra tấn con người ta".

Thế là hấn ngồi yên, trong chiếc áo khoác của cha, chống lại cơn buồn ngủ, lòng thầm hỏi liệu mẹ có chết ngay trước mắt mình không. Con chó, thoát tiên đã cuống quýt bởi phải thức dậy trước lúc bình minh, thở khò khè rồi lại nằm xuống sàn. ánh trăng yếu ớt rọi qua khung cửa vào phòng, in hình những cành phong lữ thảo, violet và những cụm hoa xương rồng được để mọc tự do, đến nổi cành của chúng giăng đầy cửa sổ. Vai mẹ hấn đỡ căng hơn, bà bảo hấn về phòng, bà muốn ngồi ở đây thêm lát nữa. Khi đã già, mẹ hấn hầu như luôn gắn với chiếc ghế riêng của bà. Trong lần về thăm trước, bà đã làm hấn ngạc nhiên bởi bà từ chối về phòng khi chương trình hài kịch tivi buổi tối làm bà thất vọng đã hết; bà cứ mặc nguyên quần áo ngồi như thế suốt đêm. Việc ấy làm hấn bực mình, phát cáu với cách hấn hỏi bà: "Với mẹ chúng gần gũi hơn là con sao?"

Bà không phủ nhận. "à", bà đáp: "chúng luôn ở đó"

Giờ đây, khi cơn nguy kịch của bà đã qua, hấn ngoan ngoãn, không miễn cưỡng nghe theo lời mẹ. Hấn lên gác và cảm nhận rằng một tiếng đồng hồ vừa qua ấy là khoảng thời gian gần gũi tuyệt vời nhất mà hấn đã trải qua với mẹ trong ngôi nhà. Đối với Joey, lúc đang mặc chiếc áo khoác quá cỡ ram ráp của cha, lặng im quan sát mẹ cố thở và con chó hết chạy lui rồi lim dim ngủ và khóm hoa xương rồng đang ngả những cái bóng loằng ngoằng lên bệ cửa sổ, vươn qua chiếc đèn được trang trí bằng chùm tua chỉ, qua chiếc piano; thì chúng như thể một trong số những cảnh tượng ta đã chứng kiến thuở thơ ấu, dưới cái bàn hay qua rìa cái giỏ, chẳng hiểu gì cả ngoại trừ những xung lực lớn đang dịch chuyển quanh ta, đã tồn tại một động lực mạnh chưa được nhận thức

nhưng nhờ nó mà ta - những đứa trẻ - trong khoảnh khắc đã được chở che.



Khi cơn khó thở tiếp theo của bà xảy ra, hấn không ở đó, bà gọi hàng xóm rồi người ta gọi xe cứu thương thành phố đến vào lúc năm giờ sáng. Trong số những lời bà nói về chuyện "tra tấn", bà dường như tỏ vẻ biết ơn sự chăm sóc của bệnh viện. "Họ bảo mẹ xanh quá, máu mẹ không tải đủ oxy". Dần dần bà miêu tả những bác sĩ trực cấp cứu đã thọc mạnh dụng cụ gì đó dọc theo cổ họng vào phổi mình.

Đồ tắm của bà màu ngọc lam với đường viền lai màu hạt dẻ; bây giờ bà đặt quần áo qua catalogue và thích những màu sắc sỡ. Với mái tóc bạc trắng xoa trên gối, máy ống dẫn ôxy dính vào mép tựa bộ ria, cái vòng nhận dạng buồng chùng xuống cổ tay, trông bà thích hợp với việc đi dự lễ hội, tỉnh táo và đầy nữ tính. Suốt ngày, nhiều người đàn ông trẻ tuổi, mặc đồ đã được khử trùng đến chăm sóc bà, cắt móng tay và hỏi về việc tiêu hoá của bà. Ruột của bà, đây là điều khiến Joey xấu hổ nhưng lại là đề tài ưa thích nhất đối với bà. Nhìn chung, nội tạng bà không còn tốt bởi sự suy yếu của cơ thể. Phương pháp mà cha hấn dùng để đối phó lại với những việc mà theo Joey đây là những cơn bốc đồng vô tận của mẹ, bao gồm cả việc chuyển gia đình về sống ở nông trại, bằng cách nói: "Bà ấy đúng là đàn bà. Mẹ con là một người đàn bà đích thực. Ta có thể làm gì được cơ chứ?" Ông nhún vai rồi thỉnh thoảng nói thêm: "Lẽ ra ba nên đưa mẹ lên sân khấu hài".

Lập luận ấy như thể một trong những trò đùa đau khổ và kiêu ngạo; nhưng giờ đây về nữ tính của bà, mà cha Joey và cả Joey cũng bị thói đồng đánh của những cô vợ chế ngự, lại khiến hấn bối rối. Trong chiếc váy dài đã sờn hơi nhếch nhác, trong dáng vẻ yếu ớt và thái độ biết ơn khi nhận sự giúp đỡ, trong thần thái toát lên từ cơ thể đã suy sụp, nữ tính đã hiện diện trong trí bà. Bà kể cho hấn nghe chuyện của những năm đầu trong cuộc sống gia

đình tại Pittsburgh, "Cái gã bác sĩ Langhorne ở đại lộ thứ sáu ấy, khi mẹ đến khám bởi những cơn đau trong ngực mà mẹ không hiểu nguyên nhân, đã bảo mẹ cởi hết quần áo. Chà, mẹ tin hẳn và rồi hẳn cứ đứng chăm chăm nhìn mẹ mãi hồi lâu rồi nói: "Cô không béo phì". Đây là tất cả những gì hẳn nói.

Trước khi sinh Joey, bà tin chắc rằng mình không thể làm nổi một điều bình thường như thế, việc có thai và sinh con, như cách giải thích của bà; bác sĩ Mull đã già, phải quát để bà trấn an nỗi sợ, ông điều trị cho bà theo cách một phụ nữ bình thường chứ không phải là sản phẩm quái quỷ như cách mẹ của bà than vãn; ông là người nổi danh với tư cách là một thầy thuốc về tâm lý tình dục tài ba và đã khiến bà từ bỏ ý nghĩ cố chấp của mình. "Ông ấy bảo mẹ không được nói năng vớ vẩn nữa mà phải tin vào tự nhiên, mẹ đã nghe lời ông ấy và kết quả là được một cậu con trai xinh xắn!" Joey bỗng nhiên hiểu ra rằng, bản thân hẳn, như hẳn đã hình dung là được mẹ hài lòng bởi những phẩm chất và được mẹ yêu hơn chính bản thân bà, bây giờ là một bằng chứng sống cho thời xuân sắc của bà.

Rồi bà kể lại, trong những ngày gian khó của thời kì Đại Khủng Hoảng lúc hẳn hầy còn bé xíu, bà đã để hẳn ở nhà cho ông bà trông nom và lái chiếc xe cà tàng đi làm tại quầy bán mìn ở bách hoá tổng hợp của thành phố. Mẹ bị gãy một cái răng, phải trồng lại và phần gần phía trên của cái răng giả ấy không thật khớp, nó gây khó chịu, rồi ngày nọ mẹ không lắp răng lúc đi làm nên, đã bị tay quản lí - ngài Wertheimer - trừng trị nghiêm khắc. Hình ảnh cái răng gãy của mẹ, cái lỗ đen ngòm nho nhỏ phô ra trong nụ cười của người đàn bà trẻ dường như cũng đầy quyến rũ như ý nghĩ của hẳn về thân hình mảnh mai hấp dẫn của người bán hàng là mẹ thuở ấy. "Ôi những ngày tươi sáng của tôi", bà thốt lên, "mẹ có thể bán bất cứ thứ gì. Nhưng rồi vào thứ hai, người ta lại mang hàng đến đòi đổi lại. Như thế mẹ đã mê hoặc họ. Ông Wertheimer bảo thật rầy rà, chỉ tại khéo quá".

Nhưng không phải tất cả mọi ngày trong đời bà đều tươi đẹp, bà bảo Joey. Bà đã trải qua nhiều giai đoạn khốn khó, người ta đã đập căn hộ của bà trong vòng ba mươi sáu, bốn mươi tám tiếng,

điều ấy đã khiến hắn nhớ lại hình dáng cơ thể mẹ, người của mẹ cong trùn lên đời hắn tựa bầu trời, hắn đã có thể rời bệnh viện, về thành phố tìm nơi thư giãn cả thể xác lẫn tinh thần, Alton với khu ngoại ô đông đúc, thành phố hắn yêu như mẹ hắn đã yêu cái trang trại ấy, bởi vì nó đã hẳn trong hắn những kí ức đầu tiên, thuở tâm hồn hắn hãy còn trắng tinh như tờ giấy. Hắn ăn tại những buồng ăn vách bằng nhôm, mỗi buồng vẫn còn chiếc máy hát cá nhân tự động; mua hàng tại các quầy dân dụng, các bộ phận hay trọn bộ một thiết bị nào đó để thay thế cho các vật dụng đã hư hỏng trong ngôi nhà sa thạch; một chiếc máy hút bụi thay chiếc Hoover cũ của mẹ, có một bóng điện nhỏ phía trước nom hệt như chiếc tàu điện đồ chơi của hắn khi chạy vòng quanh cây thông Noel. Hắn cắt tóc tại hiệu; nơi có radio đang mở và tiếng một đứa bé đang gào đáu đó trong phòng, có cái cột xoay tròn ốc nhô ra phía trước; mà hắn nghĩ là đã biến mất bởi những cửa hiệu như thế đã biến khỏi New York. Nhiều năm sau, đứa trẻ nhỏ là hắn đã đập vỡ cái nắp sứ đậy trên thùng dội toilet, mảnh vỡ văng khắp nơi. Bây giờ cứ mỗi lần về thăm mẹ, hắn mang ra thành phố một hộp catton đựng các mảnh vỡ, bám đầy bụi, màng nhện giăng đầy sau nhiều năm ngự trên gian phòng áp mái; để duy trì việc bảo dưỡng ngôi nhà, đã quá tải, ám khói, thì không một kẻ ưa châm chọc nào lại quay về đào bới trong kho đồ chạm trổ cũ để kiếm vài đôla, mấy cái nắp cũ dự trữ chưa sử dụng, hoá ra là lại vừa khít. Hắn cứ cố. Alton dần mất đi tiếng tăm và nhiều cơ xường từ dạo hắn hãy còn bé và xuất hiện trên bản đồ bang Pennsylvania chỉ bằng một dòng chữ bé hơn, nhưng nó vẫn là nơi sản xuất và lưu thông hàng hoá, nơi tội lỗi vẫn có quyền được hưởng sự trung thực của tội lỗi. Hắn vẫn tin vào biểu tượng chiếc cổ áo xanh của thành phố in trên đồ nhựa, máy móc và các dịch vụ sửa chữa, một niềm tin khiêm nhường mà đã làm hồi sinh tất cả các chuyến đi trước đây của hắn trong chuỗi hình ảnh lướt qua - những dòng quảng cáo, những phác hoạ, những tòa nhà lớn.

Nhưng cuộc sống, dốc cạn đáy, còn lại gì ngoài sự suy sụp? Sau một tuần, bệnh viện đã hút sạch phổi của mẹ hắn và bây giờ các chuyên gia về tìm muốn phẫu thuật phục hồi chức năng tim

bởi đó là nguyên nhân gây phù phổi cấp. Các tấm phim chụp cho thấy động mạch vành bị hẹp lại gần như tắc hẳn. "Ôi Joey - Mẹ có thể đi bất cứ lúc nào", bà thốt lên với hấn sau khi biết các kết quả khám nghiệm. Bà đưa ngón trỏ và ngón cái cầm tấm phim chụp đưa cho hấn. "Tệ hơn họ nghĩ". Bà đang ngồi trên ghế, tóc xoã, một bên vai lộ ra bởi nút thắt của bộ đồ bệnh viện tuột lỏng. Nét mặt bà nom như thể nét mặt của một bé gái, tất cả những đường nét nhọc nhằn của một bà lão đã tan biến. Cuộc đời lúc gần gũi lúc xa cách của họ đã được chuyển sang cung bậc khác, trong những khoảnh khắc bên nhau ở bệnh viện, mẹ và con trai dường như đơn thuần là một người đàn ông và một người đàn bà, cả hai có nhiều tóc bạc hơn tóc đen, đang tham khảo ý kiến của nhau bởi chẳng còn một ai khác có thể đưa ra được lời khuyên có giá trị, còn tồn tại trên thế gian này.

Trước những vướng mắc của hấn, bà không muốn làm phẫu thuật mở tim, chỉ tại việc này sẽ gây khó khăn cho hấn, phí tổn, khám nghiệm, đi đi về về Philadelphia. Hấn cố che giấu những vướng mắc và thuyết phục mẹ phẫu thuật để sức khỏe phục hồi, dẫu bà đã ngoài tám mươi. Bà nói, miệng phác điệu bộ chế nhạo giống như cha bà khi đề cập đến các chính khách của quận: "Dĩ nhiên, người ta sẽ chữa khỏi. Bệnh nhân trả tiền vì điều đó. Đây là việc của chúng nó giống như tổ tiên chúng nó, duy chỉ món hàng rao bán là có khác đi. Chúng cứ chuyển mẹ từ nơi này đến nơi khác; nhưng mẹ vẫn chưa gặp một tín đồ Thiên Chúa giáo nào".

Trong khoảng cách cận kề với thần chết, khi những phẩm chất phụ nữ phức tạp tan đi thì cảm hứng chống Do Thái là một trong những điều nổi trội. Bà không thể thấy những bác sĩ Do Thái nổi tiếng xử sự như những đáng cứu nạn, cứu khổ mà chỉ là những kẻ cơ hội và bóc lột. Thậm chí bà còn đùa với một bác sĩ trẻ, dễ mến, chuyên khoa tim về vai giả làm người Palestine của bà: "Anh đã đẩy tôi đi khỏi làng tôi", bà nói. Joey nao núng; người vợ thứ ba của hấn, người ngán ngùi nhất, là người Do Thái, cô và mẹ hấn dường như đặc biệt quý nhau; bây giờ hấn tưởng tượng những tình cảm chưa được nói lên lời của mẹ trong những năm ấy, tựa như ai đó nhìn thấy con cá vàng hiện ra qua những trang cổ tích.

Vào những ngày ít hồn nhiên hơn của mình, bà dường như nghĩ rằng, đám bác sĩ và bầu đoàn thể tử của họ ("có một gã béo, giống hệt như Danny Thomas đến cắt móng tay cho mẹ; con nghĩ việc ấy sẽ được tính thêm vào hoá đơn là bao nhiêu?") đang âm mưu tổng khứ bà ra khỏi ngôi nhà sa thạch và tám mươi héc-ta đất vô giá của mình - rằng bà là vùng lãnh thổ mà họ muốn chiếm giữ và phát triển. Cứ một ngày ở lại bệnh viện là một ngày ngôi nhà sa thạch bé nhỏ lại thôi thúc bà hơn: "Để mẹ về nhà", bà nài nỉ Joey.

"Và rồi ngộ nhỡ có chuyện gì?"

"Rồi thì chúng ta sẽ thấy chuyện gì đến". Mắt bà mở to nhìn hấn, miệng bà, khi phát âm ra mấy chữ "chuyện gì đến", trông rất giống miệng một đứa bé đang bú bình vôi vĩnh. Nhưng, bất chấp các ý kiến bàn bạc chân tình, bất chấp các thoả ước đầy nhiệt thành thì cả hai đều biết rõ rằng bà là một minh tinh màn bạc, trong khi đó hấn chỉ là một tay nhắc vở quèn, dấu cho thời của hấn rồi cũng sẽ đến, tựa những đốm sáng chiếu lên bà. Bà là sân khấu trung tâm trong vở kịch này, mà bất kì ai cũng biết điểm nút xung đột của nó.

*
* *

Sáu tháng sau, bà mất trong bếp, ngay dưới căn phòng nơi bà được sinh ra, theo các nhân viên điều tra, hai người hàng xóm Mennonite và Lutheran đã kiên nhẫn cả ngày mới tìm thấy xác bà và phải mất thêm mười hai tiếng nữa mới liên lạc được với hấn theo số điện thoại phòng riêng. Hấn đi làm về muộn. Mãi nửa đêm hấn mới đến được ngôi nhà cũ. Chìa khoá cửa đã bị mất từ lâu, trong những ngày tươi đẹp sau khi gia đình dọn đến. Lúc mẹ hấn có việc phải đi xa hơn một ngày thì bà khoá cửa từ bên trong rồi ra ngoài bằng cửa hầm rượu. Mấy người hàng xóm biết điều đó và khoá lại như thế khi cái xác được đưa đi. Joey không mang đèn pin theo; sau khi đỗ xe cạnh nhà kho, hấn đi đến cửa hầm rượu thấp thoáng trong ánh trăng rồi lần bước đi trong hầm tối theo trí nhớ. Cái cột chống ở đây, còn kia là đồng thùng sơn. Cha hấn và hấn đã

tráng xi măng nền hầm này trong một ngày làm việc cuống cuống khi ba mét khối xi măng trộn sẵn được xe tải chở đến. Đạo đấy hẳn chừng mười lăm, còn cha hẳn thì ở vào khoảng cuối bốn mươi. Nền tầng hầm của những ngôi nhà cổ ấy rất bền, lớp đất sét đỏ của miền này chỉ hơi cứng lại và khi những bức tường móng thấm ướt vào mùa xuân, nền đất chuyển sang bùn. Cha hẳn bàn bạc với cánh thợ xây, rồi đặt mấy tấm ván để làm khung nền lò sưởi và đào cái rãnh thoát nước trên lớp bùn, chằng mấy sợi dây đo độ bằng, nhưng những việc chuẩn bị ấy sẽ hoá thành công cốc nếu vấp phải sự đông kết của vữa xây diễn ra quá chậm vào lúc sáng sớm của ngày thứ bảy. Dùng cào, xẻng, bê và bay họ rải đều vữa ra ở những góc xa, dưới chân cầu thang, dày đến miệng ống thoát nước. Mặt cha hẳn trắng bệch vì phải dốc hết sức như thể lúc ông vật lộn với những tảng đá của ống khói lò sưởi trong nhiều năm trước, cuộc thử thách cứ tiếp tục diễn ra dưới ánh sáng của mấy bóng đèn tròn, chạy đua cật lực với thời gian và vật liệu; khi lớp vữa cứng dần, đang đẩy nước trời lên bề mặt thì nó phát lên những âm thanh đặc biệt từ dưới mặt đất và cả mùi đá đặc trưng nữa. Sàn nhà khi được lướt xong, đẹp tuyệt vời, sau cái ngày lao động vất vả ấy, nó mịn màng, phớt xám và bằng phẳng đến nỗi hầu như không còn một vũng nước nhỏ nào đọng lại sau khi giới nước qua. Thỉnh thoảng, trong dòng hồi tưởng nhạt nhoà, như thể còn có một người thứ ba ở dưới tầng hầm ấy với hai cha con, một người thợ xây chuyên nghiệp bởi lẽ khó có thể nghĩ rằng, cha và hẳn, một thầy giáo và một nhà thơ tương lai, lại có thể tráng được cái nền nhà hoàn hảo đến thế. Nhưng nếu có một người như vậy, thì đấy chỉ là sản phẩm từ trí tưởng tượng của Joey, bởi sự ganh đua với cha, trong ngày gian khổ ấy, chiến thắng bệnh tật, làm công việc của một người đàn ông. Hẳn sắp trở thành một người đàn ông, còn cha hẳn thì đang già từ tuổi trai tráng, đây là công việc đầy tham vọng cuối cùng mà hẳn đã thực hiện trong ngôi nhà.

Trong bóng tối đen ngòm của tầng trệt, đôi giày thành thị của Joey lần đi trên sàn nhà bằng phẳng, đặt lên những bậc thang; hẳn đẩy cánh cửa thông sang nhà bếp loang lổ ánh trắng. Một thân hình lông lá ấm áp rên ư ử chồm mạnh lên người hẳn và

hắn nghĩ mẹ hãy còn chưa chết. Nhưng đây là con chó, nó ngậm chặt tay hắn và cứ ư ử mãi như thể đang kể cho hắn nghe câu chuyện dài, chuyện về những giờ phút nó ở nhà một mình với chủ, với cái xác lạnh ngắt, không cử động, với cơn đói của loài chó và sự bối rối.



Mọi thứ được thu xếp. Một trong số những người vợ cũ của Joey, Peggy, đã lập gia đình lại ở ngoại ô Connecticut, đồng ý nhận nuôi con chó. Bầy mèo thì cứ vài ngày một lần, một người đàn ông từ Hội Nhân đạo quận đến bầy bắt đi xông hơi ngạt, cứ gào thét tuyệt vọng trong lồng. Joey xếp đóng những cuốn tạp chí, catalogue, thiệp mừng Giáng Sinh rồi bó lại bằng sợi dây lấy từ trong xô, mang ra nhà kho, đơi chất lên xe tải của người láng giềng Mennonite để đưa ra bãi rác. Mấy cậu bé Hương đạo đã lâu không còn đến nhặt giấy và chai nữa; chúng không còn giá trị bởi ta có thể thấy hàng đồng quảng khắp nơi. Khi gia đình tập hợp đông đủ, Joey làm mọi người kinh ngạc bởi khả năng nhớ kỉ diệu của mình; hắn phân chia đồ đạc và đồ gia bảo cho các con, các bà vợ, người bán đấu giá địa phương và cả người bán đồ cổ.

Còn bản thân, hắn chỉ giữ lại những món đồ nhỏ, xưa cũ, gợi nhớ lại thời thơ ấu của mình trong ngôi nhà gạch trước lúc chuyển về nông trại - một con hổ bằng đồng đặt trên chiếc piano, từ lúc hắn đang theo học những bài vỡ lòng về piano; một cái bàn chải đánh xi cong, hắn nhớ ông nội thường dùng đánh bóng đôi giày cao cổ trước khi đi dự lễ ở nhà thờ Tin Lành. Hắn giữ mấy cuốn vở cao đẳng của cha, được cất trên gác xếp, với nét bút tròn trịa của một giáo sinh cần mẫn. Hắn giữ bộ Shakespeare, bìa màu hạt dẻ đã sần, bị đám mọt sách gặm thủng nham nhở vài trang.

Mẹ hắn lúc còn trẻ là người buôn bán đồ lót, tất và đồ trang sức phụ nữ, bỗng trở nên gần gũi với hắn trong vài chục năm lúc bà đã già. Những món đồ bạc, ngọc lam, ngọc bích và những món hàng hiệu Art Deco không đắt tiền của những thập kỉ hai mươi, ba

mười, với một số lượng đáng kinh ngạc, là bằng chứng cho một nhu cầu rất phù phiếm, xa hoa của thói chuộng đồ trang sức. Rất nhiều mũ đi nắng của mẹ hắn thật khó để quăng đi, nhưng chẳng một ai trong số các phụ nữ có mặt muốn lấy chúng. Hai đứa con gái Joey đang phân loại quần áo. Hắn không đủ can đảm để chạm vào hay vứt bỏ những chiếc váy dài treo trong phòng để đồ, hàng tá quần áo treo sát nhau theo trật tự thời gian của các kiểu một cũ, cả chiếc áo khoác mùa xuân viền lông cáo, cổ của chiếc áo, kì lạ thay hắn nhớ rất rõ, những sợi lông màu hung đỏ đầu đen ram ráp của nó cứ sát vào mặt hắn khi được mẹ cồng trên lưng.

Trong nhà chứa dụng cụ, nơi cha hắn để lại một khối tài sản thảm hại gồm những ốc vít, đinh gỉ được xếp gọn gàng trong mấy cái bình và những dụng cụ tấm dầu, một nửa trong số ấy đã gãy, xếp đống trên mặt ván có chân mục nát, cũng còn những dụng cụ cổ xưa mòn vẹt như thể là đồ do người tiền sử tạo ra: một viên đá màu hồng dạng hình chữ nhật rất cổ được mài nhọn ở hai đầu, hơi oằn lên tựa bánh xà phòng bởi mục đích sử dụng; một cái cuốc hình vuông theo kiểu cổ, lưỡi thép đã bị mòn lõm vào và bị mẻ bởi đã nhiều lần cuốc phải đá. Số dụng cụ mòn vẹt ấy hắn đã không thể nào được sử dụng chỉ trong vòng bốn mươi năm lúc cả nhà chuyển đến, mà phải được nhiều thế hệ lao động chuyên tay, những dụng cụ ấy đã di chuyển qua khắp vùng này, còn sót lại sau bao lần đổi chủ và dừng lại trong bàn tay thiếu kiên nhẫn của hắn. Trông chúng rất linh thiêng - tựa lối chữ cổ mà chưa từng có một ai khác giải mã nổi. Hắn là người cuối cùng của dòng họ từng cuốc một luống su hào, từng mài sắc lưỡi xén trong lúc đứng ngấp chân giữa đám cỏ ẩm ướt, lả lướt cao đến đầu gối của vườn cây ăn quả.

Bà con và hàng xóm nói những lời chia buồn dịu dàng, nghiêm trang như thể hắn sắp quy xuống vì gánh nặng của nỗi buồn. Hắn biết quan hệ giữa hắn và mẹ là thứ quan hệ kì lạ, có lẽ là khác thường, bởi thực tế, giữa hai người luôn tồn tại một nỗi sợ là chưa thật gần gũi nhau. Tại sao lại buồn? Mẹ đã già, ốm đau, gầy gò. Nửa năm cuối đời, bà đã quá yếu không đi nổi đến hòm thư, không bung nổi một thùng thức ăn mèo hoặc kéo một bụi cây kék; đã đến lúc, chết là ân huệ cuối cùng ta ban cho thế giới, là

khoản thuê cuối cùng ta trả. Suốt đám tang, duy nhất chỉ một lần hấn khóc, hoàn toàn bất ngờ, lúc đang ngồi trước gia đình đông đúc, lom nhom của hấn, khóc một cách thoải mái, trong khoảnh khắc, tiếng khóc bật ra không một tí cố tình hay gượng ép nào cả. Cách hấn độ một tầm tay với, chiếc quan tài gỗ đỏ màu anh đào yếu ớt ánh lên trong ánh đèn, hấn đã chọn từ cửa hàng ở tầng trệt của người bán hòm cách đây ba ngày. Chiếc quan tài gỗ được ghép mộng sít sao, bóng loáng, chẳng mấy nữa sẽ được đem vùi xuống đất - vùi luôn cả sự trang nhã của nó một cách lãng phí. Mẹ hấn nằm đó nhưng trong tâm trí hấn lại hiện lên một bóng hình khác, thoát thai từ những hình ảnh thời xuân sắc của mẹ, một phụ nữ trẻ, dong dỏng mặc bộ đồ xanh màu nước biển, cổ áo viền trắng, đi làm việc tại bách hoá tổng hợp của thành phố, cố đón cho kịp chuyến xe buýt điện. Một đạo bà hào hứng nhớ lại: "ồ, người ta phải chen nhau mạnh làm sao. Nếu bị trễ chuyến đó thì phải chờ đến hai mươi phút mới có chuyến khác. Lúc ấy thì chỉ còn biết kêu trời," bà cười vang.

Nước mắt hấn cứ trào ra như đập nước vỡ bờ, không thể kìm nén bởi xót xa, thương cảm trước cảnh người phụ nữ trẻ chậm chân ấy đang chạy băng qua những dãy nhà ở Pennsylvania, dưới tán cây, cố đuổi kịp chiếc xe điện, thế giới của những năm ba mươi xác xơ, lạnh lùng quanh bà, những chiếc cổng có mái che, rặng cây tú cầu giữa mùa hạ xanh biếc, nhưng con người xinh xắn ăn vận tử tế ấy lại không còn nhiều thời gian, chưa biết tương lai của mình, cái chết và nông trại hầy còn vắng xa trong tâm trí. Rõ ràng đây là người mẹ hấn hằng yêu quý, người phụ nữ trẻ sống với hấn và nhiều người khác trong ngôi nhà gạch chung vách, một người phụ nữ của thế giới, phải tự lẫn lộn ngay từ thời còn son trẻ. Suốt chiến tranh, bà làm việc trong nhà máy sản xuất dù, quán một dải băng quanh đầu như những phụ nữ khác, lúc ấy, bà đã mập tròn như họ, tụ tập và tán gẫu trong giờ ăn trưa, khi hấn có việc gì đó, đi xe đạp vào cổng hậu đến gặp mẹ. Bà không thích họ, những người phụ nữ bốp chát ấy, hấn biết, nhưng lúc đó bà phải chan hòa với họ, cùng làm việc với họ; dòng hồi ức lại khiến hấn trào nước mắt, thuở ấy, lúc lên mười hay mười một, hấn rất tự hào về mẹ. Bà

có sống như một con người đúng nghĩa, và bà đã thực hiện được điều đó. Có điều gì đó thật kì lạ và vĩnh cửu trong hồn hấn trước hình ảnh mẹ đuổi theo chuyến xe. Hấn nhớ, trong những năm đầu tiên đến sống ở trang trại, mái nhà bị hỏng, đang được nhóm thợ lợp lại và họ chưa hoàn tất nốt phần còn lại trong đêm mưa bão. Tiếng cây đổ rầm rắc, ánh chớp, cha mẹ, ông bà Joey thức giấc và hấn dẫu hãy còn bé cũng choàng tỉnh dậy, đến bây giờ vẫn cứ ước ao được thức giấc và giúp đỡ; mọi người xách xô chạy xuống chạy lên cầu thang tầng áp mái để cứu lớp giấy dán tường và trần nhà bên dưới. Có tám vại dầu trong nhà kho có thể che được khoảng hở; hấn thấy mình ra khỏi nhà, dưới trời mưa xối xả và hấn giữ lại hình ảnh người mẹ chạy băng qua thảm cỏ trong ánh chớp loé sáng, soi tỏ bắp chân trắng ngần. Mẹ chưa đến bốn mươi, hãy còn rất khoẻ; có lẽ cha cũng lưu giữ hình ảnh chợt thoáng qua ấy; tất cả toát lên vẻ tươi tắn, một sức khoẻ hoàn hảo.

Cứ theo dòng hồi tưởng, sau cái chết của mẹ, trong số quà tặng được gìn giữ suốt cả đời bà, Joey thích cuốn album giữ những bức ảnh thuở con gái lúc bà còn học cao đẳng. Nhiều bức chụp bà cùng với đội hockey, với câu lạc bộ đi bộ đường dài. Dùng chiếc kính lúp, hấn ngắm vẻ mặt nghiêm nghị đầy quyết tâm, tóc được cột thành hai búi ở hai bên đầu và một dải băng quấn quanh. Mặt bà dường như hơi nhỉnh hơn mặt của các bạn gái, khoảng hình bầu dục chỗ lông mày là rộng nhất, vẻ cương nghị hiện rõ trên nét mặt. Khi hấn ngồi thỏm thức bên cạnh chiếc quan tài màu đỏ, mấy người vợ cũ và những đứa con lớn lo lắng liếc trộm nhìn hấn, một người phụ nữ trẻ chạy đuổi theo chiếc xe buýt điện, hụt hơi, hổn hển thở trong tiếng cười chế giễu, hình ảnh ấy sống động, ăn sâu tựa bức hình quảng cáo cũ đã hằn sâu trong kí ức. Hình bóng người mẹ chạy xuống đường, rời xa hấn, kéo thành vệt dài tựa cái đuôi của một hành tinh nhập nhoà, hình ảnh mẹ trong những năm hấn còn thơ dại - cùng vẽ bằng bút chì với hấn trên sàn phòng khách, may những bộ đồ Halloween cho hấn theo kiểu của các quái vật Disney, để hấn nhắc cái mẹ gọi là "váy" của bụi cây mọc trên thảm cỏ khi bà lia cái liềm cũ qua gốc chúng - nhưng từ cái nhìn của bà, dường như hấn cảm nhận được trong đầu bà ý tưởng

về bản thân và về đứa con bé nhỏ, một sinh vật non nớt chưa đủ sức tự vệ, nói năng líu ríu, về những cảm xúc do dự trong tâm trí và bản năng khi bà - thấy mới mẻ trong cuộc đời làm mẹ bởi đứa con đang trưởng thành - phát hiện ra giới hạn ngăn cách giữa họ. Trên căn phòng áp mái, hấn tìm thấy cuốn vở giấy màu xanh nhạt dán các mẫu giấy tờ, được bảo quản cẩn thận, lưu giữ những dòng chữ đầu tiên của hấn, ngày tháng hấn bắt đầu bò, giấy khai sinh ở bệnh viện có in hai bàn chân bé xiu giẫm lên mực của hấn. Những cái bồn tắm. Dầu gan cá thu. Số điện thoại của bác sĩ, chữ kí trong những cuốn tạp chí trẻ em, mấy chiếc áo len bà đan. Cố làm những việc chân chính, những việc bình thường, chạy đến nông trại, đến cái chết của bà. Hình ảnh mẹ đang chạy trong tâm trí hấn rất rõ, nhanh và nhỏ bé tựa một con thú bị đặt vào thước ngắm đầu mũi súng. Đây là người mẹ Joey yêu quý, người mẹ trước lúc họ chuyển đi, trước lúc bà bỏ rơi hấn để theo cái nông trại và ngôi nhà sa thạch trên vùng đất.

Miệt mài, hăm hở đầy thù hận, hết dịp nghỉ cuối tuần này sang cuối tuần khác, hấn dọn sạch ngôi nhà - không nối điện thoại, để mặc tay bán đấu giá dọn sạch căn phòng áp mái, tổng khứ cái tủ lạnh, và lò sưởi với giá vài đôla mỗi cái, trên chiếc xe tải bị sa lầy trên thảm cỏ mùa đông nhão nhoét. Với chiếc máy hút bụi mới, Joey tấn công những căn phòng trống, hút sạch đám bụi lưu cữu nhiều năm giữa những khe hở của ván sàn, quét sạch những lớp mạng nhện chùng chát trên tường, trần nhà. Công việc này mới thoả lòng làm sao, hết phòng này sang phòng khác, hấn không phải dọn lại. Joey phát hiện ra rằng đã từ lâu đâu chỉ có mỗi mình mẹ hấn ở nhà trong lúc lũ mèo cứ meo meo và loanh quanh ngoài hiên thì cả một bộ tộc nhà chuột, từ năm này qua năm khác, hết tổ tiên đến cháu chắt được nuôi dưỡng bằng hạt hướng dương, vỏ tích thành đồng to tướng tràn đầy ra cả cái thùng đặt phía sau tủ đựng li tách bằng gỗ thông ô bản cạnh góc tường và kệ sát ngăn đựng khăn lau bát đĩa trên bệ rửa chén của nhà bếp. Hấn đặt bầy bầy chuột, dùng cả thuốc d-Con, rồi kì cuối tuần tiếp theo hấn nắm đuôi những cái xác bị kẹp chết cứng quăng xuống đăm lầy nơi

những tảng đá của ông khói, tro chiếu của bà hắt đã hòa lẫn vào trong vòng chuyển lưu vĩnh hằng của đất.

Ngôi nhà cổ có những chiếc tủ kì lạ được xây chìm vào bức tường đá dày, chúng chứa đầy áp những thẻ thư mục thư viện của cha hắt, ghi đầy những chú thích khó hiểu, và một tập những tờ phiếu hình bầu dục ở trường trung học cũ, những cái hộp nhỏ đựng bút chì cùn ngòi và mấy cục tẩy đã cứng ngắt lại, bộ bài từ những ngày xa xưa khi hắt cùng chơi với cha mẹ trên bàn ăn. Thoạt tiên, hắt khó có thể cầm hết những con bài, mười sáu con xoè trên bàn tay bé nhỏ rồi sụt sịt khóc khi được chia phải những con bài xấu và bị thua. Một khi đã đến nông trại thì cả gia đình cứ chúm mũi vào bộ bài. Có mấy con thú nhát người của trò Play-Doh do mấy đứa con Joey tự thiết kế, mớ lọ hoa xinh xắn không được dùng đến, những cái chén của hiệu Bloomingdale gửi đến như một món quà tặng hú hoạ, chồng album theo kiểu cũ bọc lụa, đính những chiếc gương mờ mờ ngoài bìa, đựng những bức chân dung của tổ tiên đã cứng lại mà hắt không thể nào phân biệt nổi. Suốt nhiều năm, mẹ bảo hắt để bà nói tên của từng bức ảnh và giải thích mối quan hệ với hắt nhưng hắt không quan tâm và giờ thì bà không còn để yêu cầu nữa, còn tổ tiên hắt thì cứ tự do phiêu bạt, vô danh, tựa những thiên thần.

Có nhiều chuyện bà muốn kể cho hắt nhưng hắt không muốn nghe. "Mẹ không thích ba ở điểm nào?" Một dạo hắt hỏi mẹ khi bà đang nói về cha hắt bằng giọng mệt mỏi, bệnh hoạn.

Ngồi trên ghế xem tivi của mình, sức khoẻ và trọng lượng của bà thật là lãng phí bởi chỉ có miệng và đầu óc hoạt động, bà kể cho hắt nghe về quãng đời trẻ trung đầy lãng mạn của mình. Bà từng đi học ở ngôi trường làng độc có một phòng - khi bà qua đời, hắt tìm thấy bức ảnh chụp đám học sinh với ông giáo béo đầy, râu ria xồm xoàm, khuôn mặt trẻ thơ rạng rỡ của mẹ hướng thẳng về ống kính với một bím tóc tết nặng trĩu. Trong số học sinh, có một cậu tóc đen, mắt đen, người bà mến và người đó cũng quý bà. Nhưng cha mẹ bà không tán thành "nguồn gốc xuất thân" của cậu ta và kể cả vài người bạn mắt đen sau đó mà bà đưa về giới thiệu. Mãi đến khi người cha mắt xanh lơ, tóc bạch kim của Joey đến

thăm nhà thì họ mới đồng ý. "Ông bà thích ba con và ba con cũng quý ông bà. Mẹ rút ra điều này từ ba con, không một người đàn ông nào lại có thể vui vẻ sống ngần ấy năm của cả đời mình với gia đình nhà vợ. Ông ấy thực sự ngưỡng mộ bà của con, một mẫu người phụ nữ bé nhỏ. Bé nhỏ nhưng đầy uy quyền - ông ấy ngưỡng mộ họ. Ông nghĩ họ có thể kiếm ra tiền cho ông. Đây là sự thật, bà là người hái ra tiền. Bà thức dậy lúc trời hãy còn tối, đánh xe ngựa đi chợ Alton. Khoản lợi tức thuốc lá mà ông bà sống dựa vào lúc tuổi già là kế hoạch của bà. Nhưng khi đã ngưỡng mộ bà thì không có lí gì để lấy mẹ. Mẹ to. Đây là sai lầm mà cả ba lẫn mẹ đều biết. Ba mẹ biết điều đó ngay ngày đầu tiên của tuần trăng mật". Joey thường nghe mẹ bình luận về những người đàn bà nhỏ con, về ưu thế thượng phong họ có để chiếm đoạt đàn ông từ tay những người to lớn như mẹ, những người phụ nữ to lớn lúc được sinh ra đã làm đau đớn bà mẹ bé nhỏ của mình. Tiếp theo luận điểm ấy là đôi điều - về tình dục, hẳn biết - rằng hẳn không muốn, khi là một chú bé hay đã trưởng thành, nghe thấy. Một người đàn bà đích thực. Thậm chí khi hãy còn bé tí, hẳn đã ý thức được độ nặng cơn giận của mẹ; hẳn nhanh chóng hình thành - từ lúc mới biết bò, hay bập bẹ những từ đầu tiên - sự hiểu biết khôn ngoan là tránh xa khi mẹ nổi cơn thịnh nộ và ao ước có thể khuyên nhủ mẹ nguôi giận. Nhưng bây giờ, khi hai mẹ con dường như gần đi hết hành trình bên nhau, thì thể bà hãy đang còn đó, những day dứt trong lòng bà vẫn nguyên kia, thì trách nhiệm của hẳn trở nên nặng nề hơn, thậm chí có phần thách thức dẫu cho không phải bận tâm nhiều về chuyện chăm sóc vật chất. Đôi mắt xanh lơ của bà vẫn trong veo dẫu chưa bao giờ phải làm phẫu thuật lột mi mắt, mở to bởi câu hỏi của hẳn như thể bà đang nhìn thấy một con ma đằng sau vai hẳn. "ồ, Joey", bà nói, "chớ có hỏi. Đây là điều không thể nói".

Hẳn phải mỉm cười trước khái niệm cũ rích đó. "Không thể nói ư? Ba?"

Sắc đỏ lan nhanh trên gò má tàn phai của bà. Bà lại sắp nổi cơn giận. Bà nhìn trừng trừng, không nhìn thẳng vào hẳn mà vào khoảng không bao quanh hẳn. Nhờ xem tivi, bà biết bây giờ

chương trình tâm tình cho phép người ta nói đến vấn đề ấy. "à, có lẽ con đã khôn lớn. Có lẽ mẹ nên nói toạc điều ấy ra".

"Ồ, mẹ đừng, đừng. Xin mẹ đừng nói", hấn đáp rồi nhổm dậy khỏi ghế, chạy vào bếp, mặc dù cha hấn thương hay ngoại tình. Ba tội nghiệp, hấn nghĩ. Hãy để người chết được an nghỉ. Giờ thì mẹ cũng đã chết và còn rất nhiều điều có thể nói, dẫu chỉ một lần thì Joey cũng sẽ chẳng bao giờ hiểu. Mặc dù dần quen với ngôi nhà sa thạch vắng bóng mẹ thì hấn vẫn cảm thấy cứ lạ lẫm khi quay trở về căn hộ của mình ở Manhattan, bởi vì bà không bao giờ còn gọi điện vào sáng thứ bảy theo thói quen để kể công việc trong tuần của mình bằng giọng đùa đùa, châm chọc. Người chết thật quá yếu, thậm chí họ không thể gọi được điện thoại. Điện thoại câm lặng, mạnh hơn bất kì thứ gì khác, trong việc mang lại sự bình yên cho người đã khuất, và kết cục của họ, hoá ra là, một cuộc rút lui đầy thù hận.



Người môi giới bất động sản, bạn học cũ ở trường trung học, vận bộ đồ xám đứng dưới tầng hầm đầy mạng nhện, bên cạnh cái lò sưởi dầu ọp ẹp giữa đồng thùng sơn và ống dẫn khí nóng han gỉ, nói với Joey: "Mười bảy năm sống nơi đây một mình. Phải gan lì lắm lắm".

Đúng, mẹ đã rất can đảm, giờ thì hấn mới thấu hiểu, ngần ấy năm sống độc thân, một mình với đám vật bà nuôi nấng và những hình ảnh trên tivi. Qua điện thoại, thậm chí khi kể về một đêm mất ngủ vì khó thở và lo sợ, bà cũng cố nói giảm đi để hấn đỡ lo, và giấu bản thân mình, một cách vui vẻ là vẫn cứ sống khoẻ vào độ tuổi tám mươi lăm. "Thật kì lạ", bà tự thú với con trai, "nhưng thật ra mẹ không có dự định chết. Mặc dù nhiều người hấn muốn mẹ chết".

"Thật không? Ai vậy?"

"Những kẻ mua bán bất động sản. Máy đưa lảng giềng. Chúng nghĩ đã đến lúc bà khộm già này chết đi để chúng dòm ngó đất đai".

"Có thật chúng nghĩ vậy không?" Hấn mừng vì mẹ không vờ hấn vào đám người mong bà chết.

"Thật đấy", bà giễu cợt. "Nhưng mẹ có trách nhiệm ở lại đây. Mảnh đất này vẫn cần mẹ".

"Mọi người đều cần mẹ", Joey nói, thở dài và ngừng cuộc thoại. Số phận của nông trại là một vấn đề nữa không thể nói. Bà muốn mảnh đất được gìn giữ, không thay đổi, như hình ảnh của nó được lưu giữ trong kí ức bà.

Hấn đã hoài công theo dõi mẹ để tìm xem có dấu hiệu nào của sự ngừng nghỉ vào lúc hoàng hôn. Bà cố nuốt cho bằng hết các viên thuốc, kể cả vitamin và nỗi lo sợ của bà về việc các giác quan ngừng hoạt động dường như thật rõ. Lần cuối cùng hấn về thăm vào một ngày mùa thu mát mẻ, bà ra khỏi nhà xem hấn trồng cây, hai tá củ hoa tulip bà đặt qua catalogue, dọc theo hình vòng cung của con đường trắng ximăng. Đầu tiên hấn đặt đầu nhọn củ hoa chúi xuống rồi sau lại nhận ra rằng chúng phải được hướng thẳng lên, về phía mặt trời. Mẹ đứng đó, chân run run, khoác chiếc áo choàng loè loẹt, nhìn xuống đám củ màu kem mập mạp nằm trong lớp đất đỏ được xới tơi và trầm trồ theo kiểu của mình: "Ôi, trông chúng dễ thương quá", bà nói. Quay sang Joey bà nói thêm theo kiểu động viên của người mẹ: "Con trồng đẹp quá".

Trong số tất cả các đồ đạc bà để lại, hấn hầu như giật mình khi xem đến các khoản chi tiêu của bà - những phiếu thuế, những cuốn ngân phiếu đã được sử dụng, được ghi chép kĩ càng dấu cho bàn tay đưa những nét chữ gọn gàng hơi ngửa ra sau đã bắt đầu không đều nét và run rẩy (Có phải dòng chữ lớn viết bằng bút chì đằng sau bức ảnh phóng to ấy là nét chữ của bà, lúc mười ba tuổi?) Bà đã giữ, trên tờ giấy xanh khổ rộng, những ô tính toán việc chi tiêu hàng tháng, cứ đầu mỗi tháng lại được gạch ngang bằng tay. Những con số cuối cùng được viết vào ngày hôm trước buổi sáng bà qua đời. Bản tài chính với những con số gọn ghẽ của bà là sự kiện

hoàn toàn bất ngờ, tựa xúc cảm say mê âm nhạc trong hồn của một ông chủ ngân hàng. Giữa những dãy sổ được lưu giữ, có nhiều khoản được đưa vào trước lúc họ chuyển nhà, với những cột chi tiêu kẻ sát nhau - thuế, chất đốt, vật dụng, bảo dưỡng. Nhiều khoản nhỏ chi li đối với họ bây giờ thì trong thời chiến lúc vật giá rất thấp đây là cả món tiền lớn. Bằng tính toán của bà, việc chi tiêu ở ngôi nhà sa thạch bé nhỏ giảm xuống và kế hoạch cho những nông dân lân cận thuê tám mươi hecta đất đã tiết kiệm cho họ năm trăm đôla - bằng một phần ba lương chồng bà. Thực ra đối với Joey, chưa bao giờ hắn nghĩ việc gia đình chuyển về nông trại là có lí do về mặt kinh tế. Khi xem đến phần ghi khoản chi phí cho hắn theo học cao đẳng, được ghi riêng ngoài các khoản khác, hắn không đủ nhẫn nại để tiếp tục đọc.



Dần dần, qua những tháng của một mùa đông khắc nghiệt mà, theo dự báo thời tiết, cái lạnh bất ngờ và rồi độ ẩm cũng đến bất ngờ, hắn dọn dẹp sạch ngôi nhà đến mức có thể, xóa bỏ các dấu tích, thậm chí cả cái gọt bút chì được bắt vít vào bệ cửa sổ của hắn cũng như của bốn người đã từng sống. Tại đây, trên sàn gỗ bây giờ đã lột hết thảm, ông hắn đã ngã xuống bởi cú nhảy mạnh do cơn co giật từ trên giường, nơi một năm sau người vợ goá của ông đã trút hơi thở cuối cùng. Còn đây, trong phòng ngủ bên cạnh, vào lúc nửa đêm cha hắn đã ngồi dậy bởi những cơn đau vật vã trong lồng ngực đến nỗi rốt cuộc ông phải bảo vợ gọi xe cứu thương. Ông đã chết trên xe ấy. Nơi đây, trong cùng khoảng không gian này, Joey nằm trần trọc cố nghĩ cách để thừa với mẹ vụ li dị sắp tới. ở đây, phía bên kia bức tường, hắn có thể nằm nghỉ sau cuộc hò hẹn, đầu hắn hãy còn ong ong bởi khói thuốc và mùi nước hoa của cô bạn gái. Và đây, trên lớp vải sơn lót sàn mòn vẹt, mẹ hắn đã chết, ngay chân tường nơi bà đã thuê mấy tay thợ mộc đóng ốp bằng ván gỗ dẻ, số ván còn sót lại trong nhà kho từ thuở bệnh làm trĩ cây cối chưa xảy ra, che những viên đá xù xì nhô ra khi ống khói đồ sộ của nhà bếp được dỡ bỏ, những căn phòng xinh xắn, trống rỗng. Lớp

ván sàn bằng gỗ thông không trải thảm dẫm trong ánh nắng. Joey nhìn qua dãy cửa sổ không rèm, thấy những gì mẹ hắn đã từng ngắm, vườn cây ăn quả già nua nghiêng dốc nằm về phía Bắc, nhà kho, con đường và cánh đồng ở hướng Đông, những cụm tử đinh hương, lối mòn rẽ chân chim và thảm cỏ nằm về hướng Nam, khu rừng với những cây vân sam xanh cao ở phía Tây. Hằng ngày mặt trời lặn sau cánh rừng ấy, tựa chiếc khiên lửa, đồng tâm đỏ màu máu.

Trong chuyến dọn dẹp cuối cùng của mình, Joey phát hiện trong phòng vệ sinh vật gì nom như con quỷ - thân hình khô cứng đen thẫm bé nhỏ, kích thước ở vào khoảng giữa chuột và dơi, chân nó nối với nhau bởi màng da. Một con sóc bay. Nó từ phòng áp mái lần xuống và bị chết đuối, bởi đau đớn và khát nước vì thuốc d-Con. Joey hồi tưởng lại khung cảnh vào lúc hoàng hôn, mùa hè ấy khi hắn chuyển những tảng đá, một cặp sóc bay liệng ra như thể đang lướt trên sợi dây, từ cửa sổ phòng xép sang cây vân sam xanh. Ngôi nhà đã được dọn sạch từ mùa hè trước, trước khi gia đình hắn chuyển tới và đôi sóc ấy đã đến ở trước họ.

Hắn mua cái khoá dây khoá cửa tầng hầm và khoá nhà bằng chìa sau khi đã thay xong khoá mới. Ngôi nhà đã sẵn sàng để bán vào mùa xuân. Nhưng trong khoảng thời gian đó, khi hắn thức giấc nằm trong căn phòng của mình cách xa ba tiếng đồng hồ, sự trống vắng của ngôi nhà thăm thì gọi hắn. Ngôi nhà cần hắn. Chỉ mình hắn hiểu nó. Giả dụ như một mối lửa, hay những kẻ ưa đập phá của miền quê, do ghen tị bởi giá cả của khu đất nông trại sẽ tìm cách... Nhà cửa đang được xây dựng khắp nơi, thậm chí những người ở Philadelphia cũng đang đổ xô về miền này. Mẹ hắn thực hiện một cú đầu tư ngoạn mục, khi đã mua lại thiên đường kia. Những kì cuối tuần cô đơn trong ngôi nhà ấy, phân loại đồ đạc, lau chùi, ở xa khu chung cư cho đến khi ánh trăng thay thế ánh mặt trời rơi xuống sàn nhà, Joey phát hiện ra mình đang nói lớn, như thể đáp lời lại sự hiện hữu thân thiện ẩn đằng sau lớp giấy dán tường cũ khô ráo, trong những bức tường đá dày. Những ngày thường trong tuần, căn phòng của hắn, lửng lơ bên trên tiếng rú gầm không ngớt của Manhattan, với một mẫu lan can chạm trổ

của hàng hiên giấu phía sau phòng để đồ, dường như đang bay đến đâu đó. Hắn cảm thấy tội lỗi, lo âu, bất định. Hắn luôn mong muốn được đến nơi xuất phát, được thấy diện mạo đã gây ra tâm trạng ấy, hoá ra là, nó ở nơi đó, đằng sau.

Lê Huy Bắc dịch

THÚ HOANG

Đối với Ferris, thành phố sexy hoặc dường như luôn là như thế. Ông đã sống ở đó nhiều năm và người vợ trước của ông vẫn đang sống ở đó. Đây là thành phố biển với những đầm lầy và những bãi tắm rộng; mùa hè là lễ hội của những làn da rám nắng, váy ngắn, những bữa ăn nấu ngoài trời và các vết đốt của côn trùng. Không chỉ có muỗi, ruồi nhiều và muỗi mất mà còn có vô khối loài kí sinh trùng hút máu kì lạ và cả giống ruồi khát máu đầu xanh sinh trong những đầm lầy, các eo biển mặn quanh co. Bầu không khí tù đọng lưu tồn qua nhiều mùa - mùa thu thay thế bằng những đêm tối đến sớm hơn, mùa đông khi trên những con đường trơn tuột uồn lượn những chiếc xe trượt va nhau trong sự di chuyển chậm rãi tựa trong mơ, mùa xuân cùng gió đông ẩm lạnh, những đợt cúm và sự cáu kỉnh khó tránh của con người.

Thành phố không dành cho tất cả mọi người, nó không có câu lạc bộ miền quê, chính sách thì lại phạm luân lý, trường học chỉ ở mức trung bình, nguồn thuế cần được mở rộng hơn. Những người đi làm bằng vé tháng, trẻ có triển vọng đến Boston hoặc những kĩ sư tay nghề cao làm công trên phố 128, chuyển đi nơi khác, đến những thành phố phù hợp hơn - thành phố có hải cảng xanh đẹp lát đá granite và được tô điểm bằng những ban công vòm của câu lạc bộ thuyền buồm, thành phố khác được cung cấp ngựa, yên cương và chuyển sẵn cáo một tuần lễ, thành phố thứ ba thì kiêu hãnh về khu nhà cổ quý giá còn lại từ ngày đầu lập liên bang, thành phố thứ tư đầy áp những bất động sản rộng lớn đang đợi

chia nhỏ ra. Tất cả những thành phố ấy thích hợp, an toàn để đầu tư hơn là cái xứ phóng đảng, tả tơi nơi Ferris sống trong chuỗi ngày tháng dồi dào sức khoẻ nhất của mình.

Vẻ đẹp tự nhiên của nó gần như là hoang dã và bạo lực dễ bùng nổ. Những vụ xì căng đan về hôn nhân đột ngột chen ngang vào bài giảng ở trường hay dàn đồng ca của những người theo Hội Giám Lý. Những vụ giết người tự sát vào sáng sớm hẵn gây chấn động lớn cho ngôi nhà xanh nhạt cho đến nay vẫn tẻ nhạt trong dãy của nó. Thời tiết cũng thất thường kì quặc, sau một đợt gió đông - bắc hoành hành dữ dội khắp bờ biển thì suốt cả tuần chẳng có lấy một tí gió nào, hay một cơn hạn kéo dài làm khô sạch mọi giếng nước và làm phơi cả đáy sỏi của bể chứa nước thành phố. Hoả hoạn thường xuyên xảy ra trong thành phố cổ được dựng hầu hết bằng gỗ này. Trong mấy năm sau khi Ferris rời đi, ngôi nhà thờ đầu tiên của Giáo đoàn da trắng bị thiêu rụi - đây là một tòa kiến trúc gỗ kiểu Gothic không thể nào thay thế, tiếp sau đó là một công trình khác, tòa Greek Revival uy nghi dựng trong xứ đạo phái Li giáo vào năm 1842. Rạp chiếu bóng, với phần trang trí Đêm ả Rập kì quặc xây dựng từ những năm 1930 cũng biến mất trong một vụ hoả hoạn khác cùng với cửa hàng sơn bên cạnh, những thùng dầu thông và sơn Williamsburg nổ tựa pháo liên thanh. Mấy đứa con đang trưởng thành của Ferris kể lại những thảm hoạ ấy cho cha cùng với thảm hoạ của chúng. Ông đã tái hôn và sống ở Boston.

Quay về từ Boston để đưa một đứa con đi ăn tối hoặc tham khảo ý kiến từ nha sĩ của mình, người cũng đang già cùng ông, ông chẳng bao giờ đánh mất cảm giác là bầu không khí thành phố khiến mình sôi động hơn, ham muốn hơn. Bước chân của ông trẻ trung hơn và làn sẫm nhám cọ vào da tạo cho ông cảm giác căng thẳng đầy khêu gợi. Dường như chẳng một ai, sau mười năm biết Ferris - kể cả những hiệu thuốc bên góc phố, đã từng tồn tại qua cuộc cạnh tranh sinh tử, đã thay đổi chủ - nhưng ông được đón chào bởi sự cân xứng thân thuộc của các tòa nhà, sự bố trí thất thường của những con phố và những món quà tặng bất ngờ trong quá khứ của ông; cửa hàng đồ cổ vẫn bày bán, vẫn những món đồ

sạm nắng trong tủ kính, người đưa thư tóc bạc vẫn làm công việc trong khu, cây du lớn duyên dáng vẫn chưa chết, lề đường bụi bặm chấp vá vẫn chưa được lát. Thành phố manh mún, lộn xộn với những vết nổi nơi bộ mặt thật của cuộc đời - bụi bặm, tình dục, nước mặn, chết chóc - vẫn tiếp tục rò rỉ qua. Đến cả đám trẻ và đàn chó thành phố như ông nhìn thấy là bản và lọc lõi hơn trẻ con và chó của những thành phố được tổ chức tốt, hơn cả cộng đồng được chăm sóc sức khoẻ kĩ.

Trong mười năm kể từ lúc ông ra đi, một đại hoạ đã viếng thăm thành phố - đại hoạ hươu. Từ thuở ông hãy còn là cư dân, các bà nội trợ dọc theo con đường bờ biển đã phàn nàn rằng trong đêm hươu đã tàn phá sạch hoa tulip của họ và những cây sơn thù du và táo dại mới trồng của họ đều bị gặm quanh vỏ cho đến chết bởi đàn hươu. Nhưng đám kẻ cướp ấy lại lén lút, ngấm ngầm và cảnh ấy được xem như là sự ban thưởng cho bọn trẻ, thích hơn là phải đi cả chặng đường dài đến sở thú, chỉ đi bộ trên bãi biển vào tháng mười, nhường đường khi bóng một chú hươu phóng vút qua, những chiếc đuôi trắng của chúng khẽ phát, nhảy khuất vào các đụn cát.

Ferris nhớ như in khoảnh khắc chông chất với mặc cảm tội lỗi và niềm vui sướng vô ngần trong những ngày đầu li hôn, khi vùng đất nơi ông sống được tuyên bố thuộc quyền sở hữu. Ông từ Boston về, cùng với con trai Jamie, khi ấy ở vào khoảng 15 - 16 tuổi, dọn dẹp sân tennis, chuẩn bị cho mùa đông bằng cách đặt những thanh gỗ nhỏ có đá đè bên trên lên các đường chèn thảm sân. Nếu không thì giá lạnh và độ mềm của đất trong mùa đông sẽ làm bật những chiếc đinh nhô lên. Tình cờ Ferris liếc nhìn lên. Tại mé rừng cây bụi đằng xa kia, một gia đình hươu vừa mới ló ra khỏi rừng. Đây là một ngày trời âm trái tiết của tháng mười một, mù sương và trong đám mù ấy, thân hình của ba con hươu - hươu đực, hươu cái và con nhỏ hơn nhưng không phải là hươu con bé xíu - ngập ngừng như thể đang lúng túng trong một bức ảnh cũ diệu huyền, những sinh vật màu nâu nhạt, tao nhã đến từ thế giới đầy đủ nhân cách trước khi có loài người.

“Nhìn kia!” Ferris khẽ bảo con trai nhưng dấu cho đây chỉ là tiếng thì thầm thì những cái bóng mờ ảo ấy cũng vụt chạy phóng

băng qua cánh đồng cỏ rậm ẩm ướt đến vạt rừng ở phía đối diện trong vùng đất ông sở hữu, nơi thủy triều lên theo lạch nhỏ. Ferris cảm thấy mình không được phép, vào cái ngày đầu đông ngập tràn tội lỗi ấy, chiêm ngưỡng được cảnh tượng mê hồn đến vậy và đã chuyển đặc ân ấy sang cho con trai như thể là sự bù đắp cho những tháng năm vắng mặt sắp tới của ông.

Bây giờ thì con trai ông, ở vào giữa độ tuổi hai mươi và được gọi là James hoặc Jim, đã quen với việc vắng mặt cha và chuyện đàn hươu đã trở thành vấn đề xã hội nổi cộm mà Ferris đọc được trên báo chí Boston. Chúng sinh sôi nảy nở trong lúc vùng đất hoang quanh đây đang hẹp dần lại, thiếu đói, chúng cướp phá các vườn rau và cuồn đi cây cảnh của những ngôi nhà ngấm sóng đất tiền dựng trên mặt đầm lầy. Cây thông Noel bị kéo đổ xuống tuyết và bị tước sạch lá bởi lũ vật điên cuồng, ngay vào lúc ban ngày; ban đêm, những đôi học sinh trung học đỗ xe trên bãi biển thấy mình bị vây bởi cả đàn hươu đứng im lặng xin ăn quanh xe. Đàn hươu với vẻ đẹp tuyệt mỹ độc đáo của mình bỗng trở nên nguy hại như lũ chuột, còn thành phố, với năng khiếu kì lạ về những vụ xì căng đan mà những thành phố khác hẳn sẽ tìm được một giải pháp nhẹ nhàng, đã đưa vấn đề tranh luận này thành sự rùm beng của công chúng. Những người yêu tự nhiên ở tít tận đằng kia Tổ Quốc đến để phản đối đề xuất tuyển chọn hươu với ngụ ý là thuê những tay súng thiện xạ trong quân đội làm giảm số lượng đàn hươu xuống. Những người phụ nữ cảm phần đe dọa là sẽ khoác da hươu trà trộn vào một ngày đã định, sẵn sàng hi sinh tính mạng mình cho lí tưởng bảo vệ môi trường khỏi sự tàn phá. Nhiều bác sĩ thú y đến đưa ra bằng chứng rằng chết vì đói thì hoàn toàn không đau đớn và sẽ loại bỏ những cá thể yếu, những người khác thì đưa ra bằng chứng trái ngược đây là nỗi đau đớn và sự chết chóc tập trung vào những con non. Nhiều cuộc mittinh, phong toả và phỏng vấn trên truyền hình diễn ra. Trong khi đó, khắp các địa hạt rộng lớn của thành phố - những nơi hợp một và đất đỏ nhất - những thùng bắp cải bị đá bật nắp, những bụi cây khô bị ăn tiết lá và xác hươu chết được loài chim ăn xác chết tìm thấy đông cứng.

Rồi, còn tôi tệ hơn cả thế, người ta tung tin đàn hươu mang trên mình loài kí sinh trùng nhỏ xíu có tên là ixodes dammini, loài này ủ mầm khuẩn xoắn gây bệnh Lyme, căn bệnh được đặt tên theo thành phố ở bang Connecticut nơi lần đầu tiên nó được phát hiện. Những vết ban tròn đỏ, khó chịu, mệt mỏi, lạnh, sốt nóng và cứng cổ là các triệu chứng của căn bệnh ấy. Biến chứng cuối cùng của nó có thể gây nên bệnh suy tim hay viêm khớp mãn tính. Chúng ta đã sống qua nhiều trận dịch. Bởi dòng giống người phủ đầy trái đất tựa lớp bột váng, vi khuẩn, vi rút và kí sinh trùng cũng vượng phát đầy sáng tạo. Thuở Ferris sống ở thành phố, người ta chưa hề nghĩ đến, giả dụ như bệnh hoa liễu. Bệnh écpét, AIDS và Chlamydia cũng chưa từng được nghe thấy; tình dục chỉ có liên quan đến hiểm họa về kinh tế và nhà thờ. Đàn ông và đàn bà thưởng thức nhau như thể đang đứng bên bộ sưu tập các món ăn không có chất gây bệnh, một mớ hổ lốn những món chiêu đãi, vài món bốc khói, vài món nguội, vài món bỏ, vài món không bỏ nhưng tất cả đều tinh khiết.

Luận điểm của những người yêu hươu bị bác bỏ và vào những ngày đã định, các tay thiện xạ tấn công vào cò cút. Nhưng những ca bệnh Lyme vẫn tiếp tục được chuyển đến bệnh viện địa phương từ tất cả các trại áp dụng theo con đường bờ biển nơi giá trị bất động sản vốn đã cao lại tăng vọt lên, nhưng bây giờ thì đã giảm xuống.

Khu bất động sản cũ của Ferris không nằm trên đường bờ biển nhưng nằm trên con đường cụt dẫn đến khu ấy. Con đường chạy qua một cây cầu cong nhỏ bắc qua con lạch lên xuống theo thủy triều, chạy qua vài ngôi nhà nửa rẽ ngoặt xuống con đường đất, len giữa đám cỏ đầm lầy đang mọc lan cả ra đường, đầy những vỏ lon bia bạc màu và móng sắt ngựa. Con đường được lát đến cầu, Ferris biết rõ mỗi khúc cua, chỗ lảng và ổ gà trên đường; con đường ấy dường như cũng sexy và gợi lại những tháng ngày hoa mộng. Thành phố từng là của một người đàn bà và chịu ảnh hưởng từ quyền năng của phái yếu. Thấy rõ bản thân mình, vào một buổi chiều trong tuần, lên giường với vợ của người đàn ông khác sẽ là giành được tư cách hội viên vững chắc - một sự uly

quyền trong sáng thế nguyên thủy, một giá trị cơ bản trong bộ tộc Amazon. Trong những cuộc giao hoan lớn ấy có bốn loại người: những người đàn bà biết mùi của vô khối đàn ông, những đàn ông biết mùi vô khối đàn bà và những đàn ông, đàn bà hãy còn trinh trắng. Đôi khi những loại người sau ấy lại cưới phải những người không còn trinh trắng nữa, rồi điều đó sẽ dẫn đến phiền muộn là li hôn. Ferris trở về thăm Jamie, đang đảm nhận việc trông nhà trong lúc người vợ cũ của Ferris đi vắng suốt cả tuần đến Nova Scotia với người gần đây nhất trong xêri nhân tình, nhân ngẫu mà suốt mười năm nay đã chịu không tìm được cú nhượng chồng nữa. Ferris với tất cả thất bại của mình cũng đã thấu hiểu là không thể nào tìm được người để thay thế.

Cậu con trai đón cha với những lời phàn nàn và trông đầy vẻ mệt mỏi. Cậu đứng khom người, đã một hai ngày chưa cạo râu nên mớ râu ria đen dấu hiệu của tổ chất đàn ông tua tũm mọc khắp mép và cằm. “Con đã cố ấn định một trật tự trên đám cây bụi này”, cậu giải thích. “Mẹ thì cứ để mọi thứ thoải mái mọc. Mẹ có một triết lý rằng bất cứ cây nào cũng có quyền sống”.

Phải, Ferris nhớ, đây là triết lý của vùng đất này; trong lúc phụ nữ ở những thành phố lân cận giàu có thì chăm sóc vườn tược của mình và gia nhập Câu lạc bộ Vườn, thì những bà nội trợ ở đây lại đi ra bãi biển để làm đậm hơn làn da rám nắng trông đã phát khiếp lên của họ. Tỉa tót bản thân là một và sao nhãng chăm sóc vườn tược là dấu hiệu của sự giải phóng. Một dạo Ferris cố tỉa lại dây cây đậu tía đồ sộ đang bò cả qua ván che ngôi nhà và vợ ông đã buộc tội ông là tên đồ tể, là kẻ giết người. Tất cả những gì ông ao ước là một tí trật tự. Cô ta thì cho là cây bồ công anh Trung Quốc và cây Burdock (loài cây ra hoa, lá có gai) rất đẹp và cho phép bụi trường xuân nuốt chửng cả hàng rào thủy tùng. Cỏ thì bị xén tận gốc để chơi bóng vồ (loại bóng chơi bằng vồ gỗ và bóng gỗ), và đã đánh mất đi hương vị khác nhau của mỗi tháng mùa hè - mùi hương của món salad tươi đầy gia vị vào tháng sáu, mùi của những bức tường trong cái giếng sâu vào tháng bảy và cỏ mùi khô tháng tám với những vạt đất đầy dấu giày quanh những gôn bóng

đá vừa dựng và những vết dầu nơi bọn trẻ hí hoáy với xe đạp của chúng.

Tháng tám là tháng yêu thích của Ferris. Bây giờ là tháng tám. “Jimmy, chớ có đụng vào cây trường xuân độc đó”, ông nhắc nhở con, người mà lúc bé đã chịu đau đớn kinh hoàng vì loài cây ấy, đôi mắt cậu sưng vù nhắm nghiền trên đôi má đỏ thẫm. “Những chiếc lá sáng bóng, luôn ra thành bộ ba. Không có răng cưa và lông như loài cây dây leo Virginia. Sáng bóng với thân phớt hồng”.

“Con suýt quên mất, ba à. Con có cái này muốn nhờ ba xem”.

“Gì vậy?” tim Ferris đập nhanh.

“Vào nhà con sẽ để ba xem”.

Ferris nhận điều ấy như một lời mời trước hết hãy đi xem qua khu vườn. Ông và cậu con trai, người đã thay thế ông giữ vai trò đàn ông trên vùng đất, đi qua tàn tích của vườn cây ăn trái một thời. Hàng rào kẽm gai, đã có thời hãy tinh nguyên chưa gỉ, được đóng đinh ép vào những cây cột bắt buloong thẳng đứng thơm phức mùi creozôt, bây giờ đã tả tơi dưới sức nặng của khóm kim ngân quần leo lên. Những mảnh buồm cũ mục nát được trải dọc theo bìa rừng để ngăn chồi non xâm lấn cánh đồng. Ferris ngược nhìn về một chỗ trên cánh đồng nơi ông đã một lần nhìn thấy hươu, nhưng giờ đây chỉ thấy khu rừng, cao hơn và tiến gần hơn. Những bức ảnh cũ của vùng này cho thấy đường lượn rõ ràng của viền đất bị chặt sạch để lấy củi đun và bị tiện cụt bởi lũ cừu và cả vùng không gian thoáng đãng băng qua những đụn cát thấp ra tới biển. Bây giờ những lùm cây rậm rì mọc trên những gò đất cao và nước mặn từ con lạch chỉ lấp lánh xuyên qua tán lá ken trong tiếng ồn ào của những chiếc thuyền máy và của tiếng hét gào phẫn khích của đám thiếu niên.

“Công việc ra trò đấy”, ông thở dài với con trai. Vào tháng Tám, không gian vọng tiếng rả rích, một thứ âm thanh ngậm rì rầm không thể xác định mà người ta gọi là tiếng dế mèn hay tiếng ve sầu, nhưng Ferris lại kết hợp âm thanh ấy với âm thanh mà

chiếc đồng hồ điện bên giường phát ra, bên cạnh cái đầu mắc chứng mất ngủ trong đêm.

“Và những cây lê ngổ ngán ấy”, con trai ông nói bằng kiểu giọng nhiếc móc như trẻ con thường nói, “cứ ra quả rồi rụng tấ xuống cỏ làm kẹt cả máy xén”. Giọng của nó hãy còn trẻ con nhưng âm sắc thì lại của người lớn, một giọng nam trung rầu rầu đi kèm theo với bộ râu đen, đôi chân mạnh khoẻ đầy đặn, cổ tay và bàn tay rắn chắc. Ferris khó có thể hiểu đời sống tình dục của thằng bé người lớn của mình. Ông đã gặp mấy cô bạn của con; chúng là những thiếu nữ trông được với thân hình đầy đặn, những lọn tóc xoắn tẩy mờ, bóng dầu, những đôi mắt sáng, cung cách điệu dàng thân ái và những đôi môi cong cong ẩn chứa vẻ tinh nghịch. Nhưng ngay khi Ferris vừa kịp biết tên và những nét sơ đẳng về nền tảng giáo dục và xuất thân của một cô thì cô ta vội biến ngay. Chẳng một ai trong số họ tồn tại, chẳng một ai hoàn toàn hấp dẫn đến mức khơi dậy trong cảm xúc của một người tầm tầm thuộc thể hệ Ferris cái ước muốn lấy vợ - thỉnh cầu sự chứng giám của nhà thờ, công khai tấm hình hài nữ ấy, để đi đến cuộc ái ân hợp thức như thể tiến vào lãnh địa đã được chinh phục, thuần hoá, gieo trồng và gặt hái. Người vợ bên chậu rửa bát trong bếp, người vợ tại bữa tiệc cocktail hay quán giải khát trung tâm, người vợ tắm gội để đi dạo hoặc lê bàn chân đau mỗi từ nơi mua sắm trở về, người vợ ngoan ngoãn trong vòng tay hoặc cãi vã ngẫu xạ trên ghế sau xe taxi: sự lãng mạn mà đối với Ferris, đã gắn kết những cảnh tượng này và đã khiến ông muốn kết hôn không chỉ một lần mà lặp lại thêm nữa đã hoàn toàn biến mất khỏi nền văn hoá Mỹ - một sự huỷ diệt, có lẽ, của kí túc xá nam nữ hay cái giá quá đắt của kiểu ăn ở mới ra đời. Chẳng hạn như cậu con trai nói giọng trầm của ông đã sống ở đây suốt nhiều tháng liền với người mẹ cô độc và những luống mầu đơn quá lứa của bà.

Lũ chó vây quanh hai người khi họ băng qua bãi cỏ nâu cao ngồng đến cửa bếp. Vào bên trong, đàn chó huyền não lẫn cả ra lớp vải sơn lót sàn hi vọng được cho ăn. Có ba con chó lai từ nhiều giống khác nhau được ưa chuộng bởi gia đình cũ của Ferris vào những thời điểm hứng khởi khác nhau bây giờ đang tập hợp ở đây

cùng với một con chó hàng xóm đã tự đến nhập đàn. Lông chúng vương khắp nơi, trên thảm, trên ghế sofa và cuộn thành những búi nhỏ dọc theo ván chân tường như búi cỏ dại lẫn theo hàng rào dây thép gai. Đồ đạc, nhiều thứ trong số đó một thời từng là tài sản quý giá, dường như bành bồng trong phút thu dọn tạm thời, không đứng ở vị trí của chúng mà như nghỉ ngơi - môđen của thập kỉ năm mươi trở nên lỗi thời và tồi tả. Tay vịn bằng gỗ tẻch của những chiếc ghế bành theo kiểu Đan Mạch đã nứt nẻ; tấm kính mặt bàn trông đã ố bẩn kinh niên. Người vợ trước của ông luôn quẳng lung tung những cái gối tràng kỉ loè loẹt và những vuông vải phủ Ấn Độ như thể để làm dịu mắt, những mảnh vải sặc sỡ ấy càng làm tăng thêm dáng vẻ xộc xệch, vô tư tức thời, một khung cảnh mà đã khiến chiếc sơmi trên ngực Ferris và cả chiếc quần dài ngoài đôi chân mơn trớn làn da bằng động thái trơn tru đầy nhục cảm.

Cậu con trai đứng bên cạnh khẽ buông tiếng thở dài. “Con đã lên kế hoạch sơn lại chỗ đồ gỗ nhưng chỉ mới thu dọn gọn gàng một nửa ở đây và bếp dường như ngốn hết cả thời gian của con”.

Ferris hỏi: “Con muốn cho ba xem cái gì nào?”

“Ồ, trời đất. Con, à, con phải tụt quần”.

“VẬY hả? Ờ, tụt đi, ba nghĩ thế. Đừng xấu hổ. Ba đã thường thay tã cho con”. Máu Ferris dồn nhanh với điều bí ẩn ấy.

Bên trong chiếc quần dài kaki của mình, cậu con mặc quần đùi theo cách Ferris thấy ở những người già. Ba của ông từng mặc những chiếc quần rộng thùng thình như thế. Ferris mặc quần Jockey, càng bó càng tốt. “ở phía sau đùi phải của con đó, ba à. Trên cao ấy, ba thấy chưa?”

“Một nốt đỏ tròn lớn. Con bị lâu chưa?”

“Khá lâu. Con nhớ, chừng hai tuần trước, con bọ nhỏ ấy đã đốt con. Một loài kí sinh trùng bé nhỏ - nhỏ hơn cả bọ chét chó. Con đã không bận tâm nhiều về nó nhưng bây giờ vết đốt ấy ngứa buốt khủng khiếp và có cảm giác nóng ở nơi con chẳng thể nào nhìn thấy dấu có soi gương”.

Ferris hỏi, mặc dù ông biết trước câu trả lời: “Con làm việc trong bụi cây à?”

“Con phải làm”, cậu bé rên rỉ. “Chúng đang lan khắp cả sân. Chỉ còn chưa đến một mét. Sau đó con cảm thấy kiệt sức”.

“Lạnh và sốt chứ?”

“Chỉ ớn lạnh một lần. Con không biết có sốt không. Nhiệt kế đã vỡ”.

“Cổ con có cứng không?”

“Chỉ vào buổi sáng, và thỉnh thoảng cũng xảy ra”.

“Jamie, chàng trai tội nghiệp của ba. Chúng ta phải đưa con đến khám bác sĩ”. Khi Ferris cúi thấp hơn để kiểm tra lại triệu chứng, ông cố ngăn ý nghĩ hạnh phúc rằng mình đến thật đúng lúc.

Lê Huy Bắc dịch

MẮT NAI GIỮA THÀNH PHỐ BẠC

Năm mươi ba tuổi, cùng với bố, lần đầu tiên tôi đến thành phố New York. Tôi đến đây để thăm bác Quin và mua một cuốn sách về Vermeer. Việc mua sách là do tôi tự nghĩ và mẹ cũng tán thành; còn thăm bác Quin là dự định của bố. Khoảng ba mươi năm trước, bác bỏ nhà đến Chicago rồi dần dần trở nên giàu có; tuần trước bác lên miền Đông để theo đuổi đường kinh doanh, còn tôi thì đã đạt điểm cao trong kì thi hết lớp Tám. Bố tuyên bố rằng tôi và anh trai của bố là những người tài ba nhất mà ông đã từng gặp trong đời - “Những người dám nghĩ dám làm”, bố gọi chúng tôi như thế là do dựa vào khả năng nhìn xa trông rộng của mình - và trở trêu thay, khi bố dùng cụm từ đó để tự hào về việc tôi mang về những tờ hóa đơn chưa được thanh toán. Thế là, bất thành linh trong bố bỗng dấy lên ước muốn không thể nào ngăn được là bây

giờ, thật đúng dịp để chúng tôi gặp nhau. Chặng đường đến New York, tại thời điểm ấy, dài bảy đôla; thời đó, chúng tôi đo mọi thứ - cả không gian lẫn thời gian - đều là bằng giá trị đồng tiền. Chiến tranh thế giới thứ Hai đã qua rồi nhưng chúng tôi vẫn đang sống trong cơn khủng hoảng. Bố và tôi lên đường với hai chiếc vé khứ hồi và tờ giấy bạc năm đôla trong túi bố. Món tiền ấy dùng để mua sách.

Lúc trên sân ga, đột nhiên mẹ buột miệng: “Tôi căm thù cả dòng họ nhà August”. Câu đó đã làm tôi ngạc nhiên bởi lẽ tất cả chúng tôi đều là August. Tôi là August, bố tôi - August, bác Quin là August và cả mẹ, tôi nghĩ, cũng đã mang họ August.

Bố trừng mắt nhìn mẹ và nói: “Có nhiều lí do khiến bà nghĩ như thế. Tôi sẽ chẳng trách cứ gì nếu bà bắn chết hết thầy bọn tôi. Ngoại trừ Quin và con trai bà. Hai người duy nhất trong dòng họ tôi đã bứt ra được và có tài”. Chẳng có chuyện gì khiến bố giận hơn khi buộc ông phải thừa nhận điều ấy.

Bác Quin không ra đón chúng tôi ở ga Pennsylvania. Nếu bố có phật lòng thì ông cũng không để lộ cho tôi biết. Bảy giờ đã quá một giờ chiều nên chúng tôi đành phải ăn trưa bằng hai thanh sôcôla. Sau một hồi cuộc bộ, mà dường như đối với tôi là rất lâu, trên vỉa hè chỉ rộng hơn vỉa hè ở thị trấn của chúng tôi chút xíu và không được sạch sẽ cho lắm, bằng cách nào đó bố và tôi đến được khách sạn, xây bên cạnh nhà ga trung tâm Grand. Hành lang khách sạn ngập mùi nước hoa. Sau khi nhân viên lễ tân điện thoại cho ngài Quincy August để báo có em trai đến thăm, chiếc thang máy đưa chúng tôi lên tầng thứ hai mươi. Ba người đàn ông đang ngồi trong phòng, vận đồ màu xám hoặc xanh nhạt, những chiếc quần bó sát vào người, còn những chiếc nịt tất thì đang ló ra dưới lai quần mỗi khi họ gác chéo chân. Cả ba không hẳn y hệt nhau. Một để ria con kiến, người khác có cặp lông mày màu vàng bù xù như lông mày của bố, còn người thứ ba thì đang cầm chiếc cốc ở trong tay - hai người khác cũng đang uống, song họ không giữ cốc quá chặt.

“Xin hân hạnh được giới thiệu, đây là em trai Marty của tôi và con trai của chú ấy”, bác Quin nói.

“Cháu tên là Jay”, bố tiếp lời khi đang bắt tay hai người và nhìn vào mắt họ. Tôi bắt chước bố nhưng người đàn ông để râu không đón nhận cái bắt tay và ánh mắt nhìn thân thiện của tôi mà chỉ nói: “Ờ, chào cháu, Jay!”

“Marty, em và cháu có cần rửa tay chân mặt mũi không? Buồng vệ sinh ở đằng sau cửa, phía bên trái ấy”.

“Cảm ơn anh, Quin. Hai bố con em vào trong một lát. Xin lỗi quý ông”.

“Không dám”.

“Không dám”.

Bố và tôi đi vào buồng ngủ. Đồ đạc trong phòng đều mới, xinh xắn, được đóng theo hình bầu dục. Chiếc vali mở nắp, đặt ở trên giường, cũng rất mới. Mùi da thuộc và mùi nước hoa tinh khiết thoang thoảng làm tôi ngây ngất. Đồ lót của bác Quin may bằng lụa có nền bằng họa tiết hình hoa huệ. Sau khi ra khỏi toilet, tôi định vào phòng khách để nghe bác Quin nói chuyện với bạn bè.

“Hượm đã”, bố nói, “chúng ta hãy đợi ở đây”.

“Bố không sợ mất lịch sự sao?”

“Không, bác Quin muốn thế”.

“Bố ơi, đừng có quá suy diễn kéo bác lại nghĩ chúng ta đã chết cả ở trong này”.

“Không, bác sẽ không nghĩ vậy đâu. Bác đang làm việc. Bác không muốn bị quấy rầy. Bố biết cách bác làm việc mà bác muốn chúng ta ở đây thì chúng ta sẽ ngồi đây”.

“Thực vậy không hả bố? Bố thực là một nhà phân tích tình huống đại tài”. Tôi nói nhưng không muốn trở lại phòng khách mà không có bố đi cùng. Tôi nhìn quanh căn phòng để kiểm xem có cuốn sách nào đó để đọc. Chẳng có gì, thậm chí đến cả một tờ báo, ngoại trừ một sách mỏng, bìa sáng bóng viết về khách sạn. Tôi tự nhủ không biết khi nào mình mới có dịp ra ngoài đi tìm mua cuốn

Vermeer. Tôi không biết những người đàn ông ở phòng bên đang bàn bạc chuyện gì. Tôi phân vân tại sao bác Quin lại quá thấp trong khi bố tôi lại quá cao. Cúi người qua cửa sổ nhìn xuống, tôi thấy những chiếc xe ca di chuyển như thể những chiếc xe đồ chơi cho trẻ con chạy bằng dây cót.

Bố bước đến đứng cạnh tôi. “Đừng cúi thấp quá”.

Tôi nhích xa bố rồi há miệng hợp một ngậm không khí lạnh loảng, sạch sẽ do cách xa mặt đường ồn ã. “Bố nhìn chiếc xe màu xanh đang cắt ngang trước chiếc màu vàng kia kìa”, tôi nói, “chúng có được phép quay vòng chữ U trên đường phố không hả bố?”

“ở New York thì ổn cả. Kẻ nào mạnh thì sống là luật lệ duy nhất tại đây”.

“Kia có phải là tòa nhà Chrysler không?”

“Đúng đó. Đẹp đấy chứ? Nơi ấy luôn gợi bố nhớ lại hình bóng của một nữ hoàng trong khu bàn cờ”.

“Bên cạnh đấy là cái gì vậy?”

“Bố không rõ. Có thể một vài tấm bia mộ. Còn tòa nhà nằm sâu phía sau, nhìn từ hướng cửa sổ này, là Woolworth. Trong nhiều năm, đấy là tòa nhà cao nhất thế giới”.

Lúc đứng cạnh nhau trò chuyện bên cửa sổ, tôi ngạc nhiên về việc bố có thể trả lời được rất nhiều những câu hỏi của tôi. Ngày còn trẻ, trước khi tôi chào đời, bố đã đi nhiều nơi để kiếm việc; lần này không phải là lần đầu tiên bố đến New York. Song do bị quyến rũ bởi thần tượng mới của mình, tôi muốn nói điều gì đấy để nhắc nhở bố nhớ lại gương mặt đầy vẻ chịu đựng và lạnh lùng ấy.

“Bố có thực sự nghĩ bác muốn chúng ta ở đây không?” Tôi hỏi.

“Bác Quin là người can đảm”, bố nói và nhìn qua đầu tôi. “Bố rất phục bác. Bất cứ điều gì mình muốn, dấu lớn hay nhỏ, bác cũng đều thực hiện cho bằng được. Danh tiếng, tiền tài. Tư duy của bác, giống như mẹ con, luôn vượt quá xa bố. Con có thể hình

dung được điều này”. Bố di chuyển hai bàn tay, lòng bàn tay úp xuống, giống như hai chiếc taxi, chiếc bên trái nhanh chóng vượt lên trên chiếc bên phải. “Con cũng có được cách tư duy ấy”.

“Hẳn rồi, hẳn rồi”. Tôi không chỉ xấu hổ trước sự ngợi khen mà còn nghi ngờ về việc bố tin rằng bác Quin lại có thể khôn ngoan như tôi.

Cuối cùng thì bác Quin cũng bước vào phòng, bác nói: “Martin, anh muốn chú cùng cháu ra ngoài nói chuyện với bọn anh”.

“Quái quỷ thực, em không muốn xen vào chuyện của người khác. Anh và các bạn đang bàn chuyện làm ăn”.

“Lucas, Roebuck và anh ư? Không. Martin, chẳng có gì quan trọng để em phải tránh đâu. Đây chỉ là một thoả thuận nhỏ. Hai gã ấy tốt lắm đấy. Rất thông thạo công việc. Anh lấy làm tiếc là không có nhiều thời gian để chú tiếp xúc với họ. Nghe anh đi, anh đâu có bảo chú ngồi ở trong này. Bây giờ chú muốn uống gì?”

“Gì cũng được. Dạo này em ít uống”.

“Rượu Scotch pha nước nhé, Martin?”

“Vâng”.

“Thế còn cháu? Một cốc nước gừng nhé, hỡi chàng trai?”

“Một cốc nước gừng”, tôi nói.

“Một dạo, cháu biết không, bố cháu có thể uống nhiều bằng cả hai người”.

Tôi nhớ rất rõ, anh bồi bàn mang thức uống vào phòng và trong lúc đang uống, tôi hỏi liệu hai bố con có thể nghỉ tại phòng này vào buổi chiều hay không? Bác Quin vờ không nghe thấy nhưng chỉ năm phút sau bác gợi ý rằng cậu bé hẳn thích đi dạo quanh thành phố - Gotham, bác nói, đường tàu điện ngầm tựa như cả kinh đô Bátđã trong lòng đất. Bố nói rằng đấy hẳn là một sự kiện lớn trong đời của chú nhóc. Bố luôn gọi tôi là “nhóc con” khi tôi bị ốm hay đánh mất một vật gì đó hoặc nổi đóa với mọi người. Tóm lại, lúc ấy bố cảm thấy xót xa cho tôi. Cả ba chúng tôi xuống

bằng thang máy và đón taxi xuống Broadway, hoặc lên Broadway, tôi cũng không chắc. “Người ta gọi con đường này là Đại Lộ Trắng”, lát sau, bác Quin nói. Nhưng rồi vội chữa lại “vào ban ngày thì nó cũng y hệt như mọi con đường khác”. Hành trình vội vã ấy dường như không phải để ngắm cảnh mà để đưa bác Quin đến Pickernut, một nhà hàng nhỏ nằm trong dãy nhà hàng có những bức rèm giống hệt nhau. Tôi nhớ chúng tôi dừng xe và đi vào, bên trong nhà hàng tối om. Một nhạc công piano đang chơi bài Có một khách sạn nhỏ.

“Anh ta không nên chơi bài ấy”, bác Quin nói rồi vẫy chào người đàn ông ngồi trước cây đàn. “Anh có khoẻ không, Freddie? Bọn trẻ thế nào rồi”.

“Ổn cả, thưa ông August. Ổn cả”, Freddie đáp, cúi đầu mỉm cười mà không để lộ một nốt nhạc nào.

“Đó là bài hát của bác Quin”, bố nói trong lúc chúng tôi đang lần từng bước đi đến những chiếc ghế cong, đen xỉn, xếp quanh cái bàn tròn.

Tôi không mở miệng nhưng bác Quin đã đoán được ý tưởng bực bội đang dâng trong đầu tôi, bèn khoả lấp: “Freddie là người đàn ông số một đấy. Ông ta có con trai sắp nhập trường Colgate vào mùa thu này”.

Tôi hỏi: “Có thực bản nhạc ấy là của bác không?”

Bác Quin cười và đặt bàn tay to, ấm của mình lên vai tôi; ngày ấy, tôi không thích bị người khác chạm vào người. “Bác để họ nghĩ như thế” bác nói, thì thầm rất kì cục. “Theo bác nhạc phẩm thì luôn giống những cô gái trẻ”.

Một người hầu áo đỏ bước nhanh về phía chúng tôi. “Ồ, chào ông August! Ông đã đi miền Tây về rồi à? Ông có khoẻ không, thưa ông August?”

“Vẫn thường thôi, Jerome, vẫn thường thôi, Jerome. Giới thiệu với anh, đây là Martin, em trai tôi”.

“Chào ông Martin. Ông đang ghé thăm New York, hay sống ở đây?”

Bố bắt tay rất nhanh với Jerome. Điều ấy đã khiến Jerome ngạc nhiên. “Tôi chỉ ở đây đến hết chiều nay, cảm ơn anh. Tôi đang sống tại một thị trấn nhỏ ở Pennsylvania, nơi mà anh chẳng bao giờ nghe nói đến”.

“Tôi hiểu, thưa ông. Chỉ là một cuộc viếng thăm”.

“Suốt sáu năm qua, đây là lần đầu tiên tôi gặp lại chú ấy”.

“Vâng, gia đình tôi cũng không gặp bác suốt gần ấy năm. Bác là người mà chúng ta đâu dễ gặp, có đúng không?”

Bác Quin ngắt lời “Còn đây là Jay, cháu tôi”.

“Em cảm nhận thành phố lớn này ra sao hở Jay?”

“Thật đẹp”. Tôi đã không lặp lại lỗi của bố khi đưa tay ra bắt.

“Thế nào, Jerome”, bác Quin nói, “chú em tôi và tôi muốn dùng rượu Scotch. Còn cậu bé thì thích một cốc nước gừng”.

“Không, hãy đợi đã”, tôi nói, “ông có những loại kem nào?”

“Thưa, kem vanilla và kem chocolate”.

Tôi lưỡng lự. Tôi không tin điều đó bởi lẽ một quầy kem rẻ tiền ở quê cũng có đến mười lăm loại.

“Tôi lấy làm tiếc là cửa hàng không có nhiều loại”, Jerome nói.

“Cho tôi kem vanilla”.

“Vâng, có ngay. Một đĩa kem vanilla”.

Khi món kem của tôi được mang đến, trông nó giống như thể một quả bóng để chơi golf, được đặt trên chiếc đĩa bạc bằng phẳng; nó quay tròn khi tôi đưa thìa vào mức. Bác Quin nhìn tôi và hỏi: “Cháu còn thích điều gì đặc biệt nữa không?”

“Nó muốn đi đến hiệu sách”, bố nói.

“Hiệu sách à? Loại sách gì vậy, Jay?”

Tôi đáp: “Cháu muốn tìm một cuốn Vermeer thật đẹp”.

“Vermeer”, bác Quin phát âm chậm rãi, kéo dài âm “r” cho ra vẻ mình đang suy nghĩ. “Trường phái Hà Lan”.

“Vâng, ông ta là người Hà Lan”.

“Theo ý bác, Jay à, người Pháp mới là dân tộc đáng được lưu ý. Nhà bác có bốn bức tranh vũ nữ balê của Degas treo trong phòng khách ở Chicago và bác có thể ngồi ngắm một trong những bức tranh ấy suốt nhiều tiếng đồng hồ. Bác cho rằng chúng thực tuyệt diệu vì đã mang lại cảm giác thăng bằng cho con người”.

“Thế à, nhưng các bức tranh của Degas không khiến bác quan tâm đến cách phối màu của chúng hay sao? Bởi vì với cái nhìn thực, theo con mắt thẩm mỹ của hội hoạ và với cách nhìn trong sáng, cháu nghĩ trước Vermeer, Degas trông thực thảm hại”.

Bác Quin không nói gì, còn bố, sau cái liếc nhanh qua bàn đầy vẻ lo lắng, đã lên tiếng. “Đây là luận điểm mà cháu cùng với mẹ nó luôn tranh luận. Em không quan tâm. Em không thể hiểu nổi bất kì điều gì về đối thoại của hai mẹ con”.

“Có phải mẹ cháu đang khuyến khích cháu trở thành hoạ sĩ không, Jay?”

Nụ cười mỉm của bác Quin rất rộng, hai má bác phồng như thể đang ngậm hai cái kẹo.

“Hửn rồi. Cháu nghĩ mẹ muốn thế”.

“Jay à, mẹ cháu là một phụ nữ tuyệt diệu”, bác Quin nói.

Lời ngợi khen ấy hàm chứa sự mỉa mai và mức độ của nó là tùy thuộc vào việc xác định giới hạn của từ “tuyệt diệu”. Tôi múc kem ăn trong lúc bố đang hỏi bác Quin về bác gái Tessie. Lúc chúng tôi đứng dậy, bác Quin đã kí vào tấm séc tên của bác và tên của một công ty nào đó. Bảy giờ đã gần năm giờ.

Bác tôi không biết nhiều về địa điểm của các quầy sách ở New York - mười lăm năm trở lại đây bác sống ở Chicago - nhưng bác nghĩ rằng nếu chúng tôi đi đến đường phố Bốn mươi hai đại lộ thứ Sáu thì chúng tôi sẽ tìm thấy. Người tài xế taxi thả chúng tôi xuống cạnh một công viên nằm ở phía sau thư viện công cộng. Quang cảnh trông như thể có nhiều người đến đây, nhiều bụi; những con chim bồ câu và cả người đang ngủ gật trên những chiếc ghế dài, những cô công nhân trong những bộ đồ mùa hạ; chưa kịp

suy nghĩ, tôi vội kéo tay bác và bố đi vào. Những tòa nhà long lanh nhô lên ở đằng kia, xuyên qua các ngọn cây. Đây là New York, tôi cảm nhận được: thành phố bạc. Cảm giác muốn chiêm ngưỡng dâng lên trong lòng tôi. “Nếu con đứng tại chỗ này”, bố nói, “thì con có thể nhìn thấy toàn bang New York”. Tôi bước đến, đứng bên dưới cánh tay của bố và dõi mắt nhìn về hướng ấy. Song một vật gì đấy nhọn và sắc rơi vào mắt phải của tôi. Tôi cúi xuống rồi chớp chớp mắt; tôi bị đau.

“Chuyện gì thế?”, giọng của bác Quin hỏi.

Bố lên tiếng: “Thằng nhóc bị vật gì rơi vào mắt. Nó thật là người gặp nhiều xúi quẩy nhất trong tất cả những người kém may mắn mà em đã từng biết”.

Vật ấy dường như biết cử động. Nó đốt. “ôi”, tôi thốt lên và giọng nói, do tức giận, đã chuyển thành tiếng hét.

“Nếu chúng ta đưa nó vào chỗ khuất”, giọng của bố, “thì em có thể xem thử”.

“Không được đâu, ngay bây giờ, Martin, hãy tư duy bằng đầu. Đừng có đùa với mắt hoặc tai. Khách sạn nằm cách đây hai dãy nhà. Cháu có thể đi bộ qua hai dãy nhà được không Jay?”

“Cháu chỉ mù chứ không què”, tôi đáp lại.

“Cháu thực là thông minh”.

Dùng một bàn tay che mắt, bước giữa hai người, tôi đi về khách sạn. Lần lượt bố hoặc bác nắm tay tôi hay để tay lên vai nhưng tôi lại bước nhanh hơn và bàn tay ấy bị rơi xuống. Do không muốn gây nhiều chú ý, khi chúng tôi đi vào cổng khách sạn, tôi bỏ tay khỏi mắt và cố bước đi đỉnh đạc, bất chấp nỗi đau đang âm ỉ. Ngoại trừ một con mắt phải nhắm lại và khuôn mặt có thể bị đỏ, tôi hình dung ra mình khá cứng chặc. Tuy nhiên, những người hộ tống đã không bỏ phí cơ hội để phản bội tôi. Họ không chỉ bám sát chân tôi, làm như thể tôi sẽ ngã nhào ra bất kì lúc nào, mà bố còn nói với người gác cổng già đang ngồi đầu hành lang rằng: “Thằng nhỏ bị vật gì rơi vào mắt”, còn bác Quin bước vào bàn lễ tân, đề nghị “cử ngay một bác sĩ đến phòng mười một tầng hai mươi”.

“Không cần phải mời bác sĩ đâu anh Quin”, bố nói khi đang đứng trong thang máy. “Em sẽ lấy ra ngay thôi mà, bây giờ cháu đã vào trong chỗ khuất. Chuyện này vẫn thường xuyên xảy ra. Mắt của cháu hơi lồi ra ngoài”.

“Chớ có xem thường đôi mắt, Martin. Chúng là tài sản vô giá nhất trong cuộc đời con người”.

“Nó sẽ ra khỏi”, tôi nói mặc dù không lấy làm chắc chắn. Tôi có cảm giác nó như một mấu sắt nhọn, đâm sâu vào.

Vào phòng, bác Quin đặt tôi nằm lên giường. Bố vừa vò chiếc khăn tay sạch, sao cho một góc của nó mềm đi, vừa bước về phía tôi, nhưng việc mở con mắt đã làm tôi đau đến nỗi tôi phải đẩy bố ra. “Đừng có hành hạ con”, tôi nói, rồi quay mặt đi. “Làm điều ấy có ích gì? Bác sĩ sẽ lên ngay thôi mà”.

Tỏ vẻ ân hận, bố rút chiếc khăn tay vào túi áo khoác.

Bác sĩ là người đàn ông có bàn tay mềm mại, ít lời, và không có vẻ là một bác sĩ tư. Ông dùng chiếc que nhỏ rà rà trên mi mắt dưới của tôi rồi ấn sâu vào, rà tiếp, lấy ra đưa tôi xem, đầu chiếc que ấy là một sợi lông mi. Ông nhỏ ba giọt thuốc màu vàng vào mắt để đề phòng nhiễm trùng. Những giọt thuốc đau rát, tôi nhắm mắt, nằm tựa người vào chiếc gối và vui mừng vì mọi chuyện đã kết thúc. Khi tôi mở mắt, bố đang trao tờ giấy bạc cho bác sĩ. Bác sĩ cảm ơn bố, nháy mắt với tôi rồi ra về. Bác Quin từ phòng tắm bước ra.

“Nào, chàng trai trẻ, bây giờ cháu thấy thế nào?”, bác hỏi.

“Tốt”.

“Nó chỉ là một sợi lông mi”, bố nói.

“Chỉ là sợi lông mi! Chà, anh biết, một sợi lông mi mỗi khi rơi vào mắt thì cũng có thể được xem như một lưỡi dao cạo râu sắc. Nhưng lúc này, chàng trai trẻ đã bình phục, chúng ta có thể tính toán chuyện ăn tối”.

“Không được đâu. Em thực sự cảm kích trước tấm thịnh tình của anh, Quin ạ, song hai bố con phải quay trở về. Em phải dự một cuộc họp vào lúc tám giờ”.

“Anh rất lấy làm tiếc khi nghe điều ấy. Cuộc họp gì vậy hở Martin?”

“Họp hội đồng nhà thờ”.

“Hoá ra là chú vẫn còn tham gia những hoạt động của nhà thờ. Tốt. Chúa sẽ ban phước lành cho chú về chuyện ấy”.

“Grace chuyển lời mời anh về nhà chúng em chơi. Nếu anh thu xếp được công việc, cả nhà sẽ giữ lại ở qua đêm. Cô ấy sẽ rất mừng khi được gặp lại anh”.

Bác Quin bước đến, choàng tay lên vai người em. “Martin, anh muốn thực hiện chuyến viếng thăm ấy hơn bất kì thứ gì trên đời. Nhưng công việc của anh ngập đầu, thứ năm anh phải lên miền Tây. Họ không để cho anh có được giây phút nào rảnh rang. Chẳng có gì mang lại hạnh phúc cho anh bằng một ngày yên tĩnh được sống bên Grace và chú tại nhà cô chú. Hãy chuyển đến cô ấy cả tấm lòng anh và nói rằng cô ấy đang có một chú nhóc tuyệt vời, người mà chú đang nuôi dưỡng”.

Bố hứa: “Em sẽ làm điều ấy”. Và sau một thoáng bịn rịn, chúng tôi ra về.

“Cậu bé đã khá hơn chứ”, ông già gác cổng hỏi khi chúng tôi bước ra.

“Cảm ơn ông, chỉ là một sợi lông mi thôi mà”, bố nói.

Lúc chúng tôi ra đến ngoài phố, tôi phân vân không biết có hiệu sách nào còn mở cửa hay không.

“Chúng ta hết tiền”.

“Không còn một xu sao?”

“Bác sĩ đã lấy năm đôla. Đây là giá để lấy một vật trong mắt người ta ra ở New York”.

“Con không cố ý làm việc ấy. Bố có nghĩ là con đã tự nhổ lông mi rồi thả vào mắt mình không? Con đã không bảo bố gọi bác sĩ”.

“Bố biết điều đó”.

“Sao chúng ta không đi đến hiệu sách để xem qua một lát?”

“Chúng ta không có thời gian, Jay”.

Nhưng khi chúng tôi đến nhà ga Pennsylvania, còn ba mươi phút nữa chuyến tàu mới khởi hành. Chúng tôi ngồi xuống ghế. Bố mỉm cười bí hiểm. “Con thấy chưa, lão thực khôn khéo có phải không? Tư duy của lão vượt quá bố đến sáu mươi năm ánh sáng”.

“Của ai vậy?”

“Của anh trai bố. Con có để ý cách lão trốn trong buồng tắm cho đến lúc bác sĩ ra về? Đây là cách giữ tiền. Người giàu xén so từng xu một như người chơi tem gìn giữ từng con tem. Bố biết lão sẽ xử sự như thế. Bố biết khi lão bảo thư kí gọi bác sĩ thì bố sẽ phải trả tiền”.

“Mà tại sao bác ấy phải trả? Bố là người phải chịu trách nhiệm thanh toán”.

“Đúng thế. Tại sao lại là lão ấy?” Bố dựa lưng vào thành ghế, mắt nhìn về phía trước, hai bàn tay đan chéo đặt vào lòng. Mảng da bên dưới cằm bố chùng xuống; hai bên thái dương dường như lõm vào. Bố đang chìm trong dòng suy tưởng. “Điều đó giải thích tại sao lão ấy đang ở địa vị của lão và bố thì ở nơi của bố”.

Cơn giận của tôi dường như đã chuyển thành ước muốn, muốn gọi bố quay trở lại với thực tại, thoát khỏi trạng thái già nua, mệt mỏi. “ừ, tại sao bố chỉ mang theo năm đôla? Lẽ ra bố phải đoán biết sẽ có chuyện gì đó xảy ra chứ?”

“Con nói đúng, Jay. Bố nên mang nhiều hơn”.

“Bố nhìn kia. Đằng kia có một hiệu sách đang còn mở cửa. Bây giờ, giá mà bố mang theo mười đôla”.

“Nó còn mở chẳng? Bố không nghĩ thế. Họ chỉ để ánh sáng lọt qua cửa sổ”.

“Nó chưa đóng thì đã sao? Chẳng mắc mớ gì đến chúng ta cả? Dẫu sao thì liệu có loại sách nghệ thuật nào để bố có thể mua với giá năm đôla? Sách minh hoạ bằng hình màu rất đắt. Bố nghĩ giá của một cuốn sách ra gần đây nhất của Vermeer là bao nhiêu? Rẻ nhất cũng đến mười lăm đôla, thậm chí kể cả sách cũ, những cuốn có tất cả số trang đều nhàu nát và vấy càphê”. Tôi tiếp tục day nghiêng léo nhéo bởi tức giận trước việc tính toán của bố, cho đến lúc rời khỏi thành phố. Ngay khi chúng tôi lên tàu, cơn cáu kỉnh của tôi đã tan biến. Đây là kiểu bất đồng đặc biệt giữa bố và tôi. Bố đã chịu đựng sự la lối của tôi với thái độ bình tĩnh, gạt đầu tán thành như kiểu của một bà mẹ xuất hiện lúc đứa trẻ - niềm tự hào của một gia đình nào đó - ra đời. Đã nhiều năm trôi qua kể từ ngày ấy, trước lúc tôi muốn đến New York một lần nữa.

Lê Huy Bắc dịch

Tobias Wolff
(Mĩ)

NHỮNG KẺ ĐI SĂN TRONG TUYẾT

Tub đợi cả tiếng đồng hồ dưới trời tuyết rơi. Hắn đi lại trên vỉa hè để giữ ấm và thò đầu ra ngoài lề đường bất cứ khi nào trông thấy ánh đèn xe đến gần. Một người lái xe dừng lại nhưng trước lúc Tub kịp vẫy, người đàn ông trông thấy khẩu súng trường đằng sau lưng Tub bèn dận ga đi tiếp. Bánh xe quay tròn trên mặt băng. Tuyết rơi dày hơn. Tub đứng dưới mái hiên của một toà nhà. Bên kia đường, những đám mây trắng xóa bay là là trên những nóc nhà, đèn đường bật sáng. Hắn đổi dây súng sang vai kia. Không gian ngập chìm trong màu trắng.

Một chiếc xe tải lao quanh qua góc phố, bấm còi inh ỏi, đuôi xe nảy lên. Tub đi lên vỉa hè và giơ tay vẫy. Chiếc xe chồm lên lề đường nhưng vẫn cứ lao tới, một nửa thân xe dưới lòng đường, một nửa trên vỉa hè. Nó không chạy chậm hơn chút nào. Tub đứng một lát, vẫn giơ tay vẫy rồi nhảy lùi lại. Khẩu súng của hắn tuột ra khỏi vai, nảy lóc cóc trên mặt băng, chiếc bánh sandwich rơi ra khỏi túi hắn. Hắn chạy đến bậc tam cấp của toà nhà. Một chiếc bánh sandwich khác và gói bánh bao đỏ nhào trên lớp tuyết mới. Hắn lên đến bậc tam cấp và nhìn lại.

Chiếc xe tải dừng lại vài mét phía bên kia đường nơi Tub đứng. Hắn nhặt mấy cái bánh sandwich và bánh bao rồi đeo súng đi lên cửa buồng lái. Gã lái xe cúi người lên vô lăng, vỗ vỗ đầu gối và nhịp chân trên ván sàn. Trông gã chẳng khác nào bức tranh biếm họa của một người đang cười, chỉ trừ đôi mắt đang nhìn người đàn ông ngồi cạnh hắn. “Mày nên xem lại bản thân một tí”, gã lái xe nói. “Trông nó giống y một quả bóng lớn đội mũ, phải không? Có phải không, Frank?”

Người đàn ông bên cạnh hắn mỉm cười và nhìn đi chỗ khác.

“Mày làm tao gần kiệt sức”, Tub nói. “Mày suýt giết chết tao đấy”.

“Lên đi, Tub”, người đàn ông ngồi cạnh gã lái xe nói. “Vui về lên. Kenny chỉ vừa mới đi loăng quăng một tí thôi mà”. Hắn mở cửa và dịch vào giữa ghế.

Tub khoá chốt an toàn của khẩu súng rồi trèo lên cạnh hắn. “Tao đã đợi hàng tiếng đồng hồ”, hắn nói. “Nếu mày định mười giờ thì sao không nói mười giờ cho rồi?”

“Tub, mày đã chẳng làm gì ngoại trừ cứ kêu ca suốt từ lúc chúng tao đến đây”, người đàn ông ngồi giữa nói. “Nếu mày muốn đá ỉa hay than vãn cả ngày thì mày có thể về nhà cũng được và đi mà cần nhằn với mấy con dê non của mày. Bằng cái “cuộc chim” của mày ấy”. Khi Tub không nói lời nào nữa hắn quay sang gã lái xe. “Được rồi, Kenny, phần thôi”.

Bên đường, lúc xe chạy, bọn choai choai lêu lổng đã ném một viên gạch xuyên qua kính chắn gió nên hơi lạnh và tuyết thốc vào cabin. Những kẻ tán gẫu không chuyện trò nữa. Chúng che người bằng hai tấm chăn Kenny đã đem theo và hạ tấm bạt trên nóc xe xuống. Tub cố gắng giữ ấm đôi bàn tay bằng cách chà xát dưới chăn nhưng Frank bắt hắn dừng lại.

Chúng rời Spokane rồi tiến sâu vào vùng nông thôn, chạy dọc theo những hàng rào màu đen. Tuyết rơi thưa dần, nhưng vẫn không thấy đường biên vùng đất nơi nó tiếp giáp với chân trời. Không có gì di chuyển trên những cánh đồng trắng xoá. Hơi lạnh làm trắng bột những gương mặt và làm râu mọc lởm chởm trên má và mép chúng. Chúng dừng lại hai lần để uống cà phê trước khi vào rừng, nơi Kenny muốn đi săn.

Tub đã thử đi vài nơi khác; trong vòng hai năm nay chúng đã lùng sục khắp vùng đất này mà chẳng thấy con thú nào. Frank chẳng quan tâm đến cái gì cả, hắn chỉ muốn thoát ra khỏi chiếc xe chết tiệt này. “Thế đấy!”, Frank nói, sập mạnh cánh cửa. Hắn đuổi

chân ra và nhắm mắt lại rồi ngả đầu ra phía sau, thở đều đều. “Điều chỉnh sóng đài kia đi”.

“Có một điều khác là”, Kenny nói. “Đây là vùng đất trống. Hầu hết đất đai quanh vùng này đều đã được sở hữu”.

“Tao lạnh quá”, Tub nói.

Frank thở dài. “Đừng cần nhần nữa, Tub. Im miệng đi”.

“Tao không cần nhần”.

“Câm họng”, Kenny nói. “Frank này, việc tiếp theo là mày sẽ mặc một chiếc áo ngủ. Bán hết sạch hoa ở sân bay”.

“Kenny”, Frank kêu. “Mày nói nhiều quá đấy”.

“Thôi được”, Kenny nói. “Tao sẽ không nói một lời nào nữa. Giống như tao sẽ không nói gì về một cô giữ trẻ nào đó”.

“Cô giữ trẻ nào?” Tub hỏi.

“Đấy là chuyện của bọn tao”, Frank nói và nhìn Kenny. “Đó là điều bí mật. Mày phải giữ mồm giữ miệng đấy”.

Kenny cười vang.

“Mày đang yêu cầu cái đó”, Frank nói.

“Yêu cầu gì vậy?”

“Rồi mày sẽ thấy!”

“Này”, Tub nói, “Chúng ta đang đi săn hay làm gì?”

Chúng băng qua cánh đồng. Tub gặp trở ngại khi vượt qua những hàng rào. Frank và Kenny hẳn đã có thể giúp hắn, chúng có thể nhấc sợi dây trên đỉnh rào lên và giẫm sợi dây bên dưới xuống, nhưng chúng không làm. Chúng đứng và nhìn hắn. Ở đó có rất nhiều rào chắn và Tub phì phì thở khi chúng đến khu rừng.

Chúng đã săn hơn hai tiếng đồng hồ mà không thấy hươu nai, không thấy bóng dáng hay dấu vết bất kì con thú nào cả. Cuối cùng chúng dừng lại ăn bên một nhánh sông. Kenny có vài lát bánh pizza và hai gói kẹo; Frank ăn một chiếc bánh sandwich, một

quả táo và một miếng sôcôla; Tub ăn trứng luộc và một cọng cần tây.

“Mày hỏi hôm nay tao muốn chết như thế nào?”, Kenny nói. “Tao sẽ bảo mày thiêu tao ở trên giàn thiêu ấy”. Hắn quay sang Tub. “Mày vẫn ăn kiêng đấy à?” hắn nháy mắt với Frank.

“Mày nghĩ gì đấy? Mày tưởng tao thích trứng luộc sao?”

“Tất cả những gì tao có thể nói với mày là, từ lần ăn kiêng đầu tiên, tao đã nghe nói rằng mày bị tăng cân”.

“Ai bảo tao tăng cân?”

“Ôi, hãy bỏ qua đi. Tao xin rút lại lời nói. Theo tao, mày chỉ lãng phí thôi. Phải không, Frank?”

Những ngón tay của Frank xoè ra như rẻ quạt, đầu ngón tay tì vào lớp vỏ gốc cây, chỗ hắn để thức ăn. Đốt tay hắn đầy lông. Hắn đeo một dải băng cưới nặng trĩu, và ở ngón út trên bàn tay phải là một chiếc nhẫn vàng mặt dẹt chạm chữ F bằng một chất liệu trông như kim cương. Hắn xoay tới xoay lui chiếc nhẫn.

“Tub à”, hắn nói, “mày không nhìn thấy hai hòn ngọc của chính mày đã mười năm nay rồi”.

Kenny cười rũ rượi. Hắn lột mũ ra đập đập vào chân.

“Tao phải xử lý thế nào đây? Đây là điểm yếu của tao”.

Chúng rời rừng, đi săn dọc theo nhánh sông. Frank và Kenny săn bờ bên này, còn Tub săn bờ bên kia, tiến ngược dòng. Tuyết rơi nhẹ nhưng chất đông lên, dày và khó đi qua. Bất cứ chỗ nào Tub cũng căng mắt nhìn mặt tuyết mềm mại, yên tĩnh, nhưng rồi lát sau hắn lại không chăm chú nhìn nữa. Hắn dừng lại tìm kiếm dấu vết và cố bám theo Frank và Kenny ở bờ bên kia. Ngay khi ý thức phải đuổi kịp hai thằng kia thì hắn nhận ra rằng không thấy chúng từ lâu rồi. Gió nhẹ thổi từ phía hắn sang chỗ bọn chúng; khi gió lặng, thỉnh thoảng hắn có thể nghe thấy Kenny cười nhưng tất cả chỉ có thể. Hắn tăng tốc, vát vát giữa trời tuyết, vát lộn để đi trong tuyết bằng hai đầu gối và khuỷu tay. Hắn nghe

thấy nhịp đập tim mình và cảm thấy mặt đỏ bừng nhưng hấn không một lần dừng lại.

Tub bắt kịp Frank và Kenny ở khúc lượn của nhánh sông. Chúng đang đứng trên một khúc gỗ vát từ bờ bên chúng tới hấn. Băng đùn lên bên dưới khúc gỗ. Đám lau sậy bị đóng băng mọc nhô ra, trơ trụi và rập rờn mỗi khi gió thổi.

“Thấy gì không?” - Frank hỏi.

Tub lắc đầu.

Ở đó không có nhiều ánh sáng nên chúng quyết định quay lên phía con đường. Frank và Kenny qua sông, trên khúc gỗ và chúng đi xuôi dòng, men theo vết chân Tub đã đi. Trước lúc chúng đi một khoảng xa, Kenny dừng lại. “Nhìn kia”, hấn nói và chỉ vào mấy vết chân thú đi từ bờ sông vào rừng. Dấu chân của Tub giẫm lên chúng. Trên một ụ tuyết, rõ như ban ngày, có nhiều dấu chân hươu. “Mày nghĩ thế nào về điều này, Tub?” Kenny đá vào những dấu vết đó. “Những quả hồ đào trên mặt băng bóng chẵn?”

“Tao cho là tao đã không nhìn thấy”.

Kenny nhìn Frank.

“Tao bị lạc”.

“Mày bị lạc. Đồ bị thối”.

Chúng lần theo dấu vết vào trong rừng. Con hươu đã đi qua bờ rào bị tuyết vùi mất một nửa. Một bảng hiệu cắm sẵn được đóng lên đầu một trong những cái cột. Frank cười to và nói rằng chỉ có đồ chó đẻ mới đọc điều đó. Kenny muốn đuổi theo con hươu nhưng Frank nói là không còn đường, người ngoại vùng không được làm lộn xộn. Hấn nghĩ có thể người nông dân, người chủ sở hữu mảnh đất sẽ để cho bọn hấn đi săn nếu chúng xin phép. Kenny không thật chắc. Dẫu sao, hấn tính toán rằng trong khoảng thời gian bọn hấn đi về chỗ xe tải và lái lên con đường rồi quành lại thì trời đã gần tối.

“Bình tĩnh đi”, Frank nói. “Mày không thể quen cái thói bộp chộp như vậy. Nếu chúng ta muốn săn con hươu đó, chúng ta sẽ săn được. Nếu chúng ta không muốn, chúng ta sẽ không săn”.

Chúng bắt đầu quay lại chiếc xe. Phần này của cánh rừng chủ yếu là thông. Tuyết đã phủ một lớp băng láng bóng lên khu rừng. Kenny và Frank vẫn đứng vững nhưng Tub ngã chúi xuống. Khi hắn đá về phía trước, gờ băng đã làm thâm tím cổ chân hắn. Kenny và Frank bỏ đi trước, khiến hắn không thể nghe thấy tiếng chúng tí nào nữa. Hắn ngồi xuống gốc cây và lau mặt. Hắn ăn hai cái bánh sandwich và nửa chiếc bánh bao, tận hưởng khoảnh khắc khoái trá của mình. Không gian tĩnh lặng như tờ. Khi Tub đi qua hàng rào cuối cùng xuống đường thì chiếc xe bắt đầu chuyển bánh. Tub phải chạy theo và cố gắng túm được vào khung cửa phía dưới rồi lẳng mình vào thùng xe. Hắn nằm yên, thở hổn hển. Kenny nhìn qua cửa hậu và cười nhả nhổ. Tub trườn vào trong mạn khuất gió của buồng lái để tránh gió lạnh. Hắn kéo sụp vành mũ che tai xuống thấp và rúc cằm vào trong cổ áo khoác. Ai đó gõ cửa sổ nhưng Tub không quay ra.

Hắn và Frank đợi ở bên ngoài trong khi Kenny vào trang trại xin phép. Ngôi nhà đã cũ, sơn tường bong ra tứ phía. Trên đỉnh ống khói, khói tuôn lên ngả về hướng Tây và loãng ra thành một đám khói xám mỏng. Trên đỉnh đồi, một dải mây xanh đang trườn lên.

“Trí nhớ mày tồi quá”, Tub nói.

“Cái gì?” Frank nói. Hắn lại khởi động máy.

“Tao vẫn thường bảo vệ mày”.

“Tốt, thế là mày đã bảo vệ cho tao. Vậy cái gì đang cản rút mày thế?”

“Mày đừng nên gợi cho tao nhớ lại chuyện ấy nữa”.

“Tub, mày là người đã trưởng thành. Mày có thể tự lo toan cho mình được. Dù sao, nếu mày cho rằng mày là người duy nhất gặp rắc rối thì tao có thể nói với mày rằng mày chẳng gặp rắc rối gì cả”.

“Frank, có cái gì làm mày bức dọc phải không?”

Frank đá vào một cành cây trời lên mặt tuyết. “Đừng bận tâm”, hấn đáp.

“Kenny nói quá nhiều”, Frank nói. “Mày chỉ nên để ý việc của mày thôi”.

Kenny ra khỏi trang trại và ra hiệu đã được đồng ý, chúng bắt đầu bước quay lại phía rừng. Khi chúng đi qua kho thóc, một con chó săn to đen với cái mõm đốm chạy ra sủa. Mỗi lần sủa nó lại bị trượt lùi về phía sau một tí, giống như một khẩu súng thần công đang nhả đạn. Kenny quỳ xuống bò bằng tay rồi găm gờ sủa lại, con chó len lén đi vào kho thóc, ngoái đầu nhìn lại rồi tè một bãi nhỏ khi bỏ đi.

“Dân kỳ cựu đấy”, Frank nói. “Một bô lão chính cống. Phải thọ được mười lăm năm rồi chứ không ít”.

“Quá già”, Kenny nói.

Đi hết kho thóc chúng đi tắt qua cánh đồng. Vùng đất này không có hàng rào và bị lớp băng đóng cứng dày lên nên chúng đi lại dễ dàng. Chúng lần theo rìa cánh đồng cho tới khi lại tìm ra dấu chân thú, cứ đi sâu vào rặng đồi. Cây cối bắt đầu mờ dần thành những cái bóng, gió quét những vụn băng châm buốt lên mặt chúng. Cuối cùng chúng lại để mất dấu.

Kenny chửi thề và ném mũ xuống. “Đây là ngày săn tồi tệ nhất mà tao từng gặp, đến một cái lông cũng chẳng có”. Hấn nhặt mũ lên và phúi sạch tuyết. “Kể từ khi tao mười lăm tuổi, đây là mùa săn đầu tiên mà tao không hạ được con hươu của mình”.

“Đó không phải là hươu”, Frank nói. “Mà là một cuộc săn. Tất cả các nhóm ấy đổ hết ra đây và mày thì chỉ bám theo chúng”.

“Mày bám theo chúng ấy”, Kenny nói. “Còn tao đến đây là để săn hươu, không thèm nghe theo cái lũ hippie nhảm nhí ấy. Còn nếu không thấy dấu vết nào ở đây thì tao cũng chẳng thể tìm thấy”.

“Đủ rồi đấy”, Frank nói.

“Còn mày - nếu mày còn mãi mơ tưởng đến con gà mái tơ của mày thì mày cũng sẽ không biết gì hươu nai cả, dấu cho mày có nhìn thấy nó”.

“Câm miệng đi”, Frank nói và quay đi.

Kenny và Tub theo hần băng qua cánh đồng. Khi chúng về đến kho thóc, Kenny đứng lại và chỉ tay. “Tao cầm thù cái cột kia”, hần nói. Hần nâng súng bắn. Tiếng nổ nghe tựa một cành cây khô nứt toác ra. Phía bên phải cái cột bị toác ra tới tận ngọn. “Này”, Kenny nói. “Đấy, nó câm miệng rồi đấy”.

“Dẹp đi”, Frank nói và đi vượt lên trước.

Kenny nhìn Tub. Hần mỉm cười. “Tao cầm thù cái cây kia”, hần nói, và lại bắn. Tub vội vàng đuổi kịp Frank. Hần mở miệng nói nhưng khi ấy chú chó chạy ra khỏi kho thóc và sữa. “Ngoan nào, cậu bé”, Frank nói.

“Tao cầm thù con chó kia”, Kenny đang ở phía sau chúng.

“Đủ rồi đấy”, Frank nói. “Mày hạ súng xuống đi”.

Kenny bắn. Viên đạn găm vào giữa hai mắt con chó. Nó gục xuống tuyết, bốn chân xoãi rộng ra, cặp mắt vàng mở trừng trừng và trồi lên. Trừ vũng máu, trông nó giống như một tấm thảm da gấu nhỏ. Máu từ mõm chó chảy xuống tuyết.

Cả ba nhìn con chó đang nằm đó.

“Nó đã làm gì mày chưa?” Tub hỏi. “Nó chỉ sữa thôi”.

Kenny quay về phía Tub - “Tao cầm thù mày”.

Tub lia súng ngang thắt lưng. Kenny bị quật mạnh về phía sau va vào hàng rào, khuỷu gối xuống. Hần đưa tay ôm bụng. “Nhìn đây”, hần nói. Tay hần đầy máu. Trong ánh chiều nhập nhoạng trông máu hần sắc xanh nhiều hơn sắc đỏ. Dường như chỗ máu ấy khuất trong bóng râm, trông như thể không phải của hần. Kenny thận trọng sờ lên bụng mình. Hần thở hắt ra vài lần, rất sâu. “Mày đã bắn tao”, hần nói.

“Tao phải”, Tub nói. Hần quỳ xuống bên Kenny. “Lạy Chúa”, hần kêu. “Frank, Frank”.

Frank đã không nhúc nhích kể từ khi Kenny giết con chó. “Frank!” Tub gào lớn.

“Tao chỉ đùa chơi thôi mà”, Kenny nói. “Đó là một trò đùa. Ồi!” hấn nói và đột nhiên gập lưng lại. “Ồi”, hấn lại kêu, và thọc sâu gót chân vào trong tuyết rồi oằn người đẩy về phía trước vài tấc. Hấn dừng lại, nằm yên, cong người trên gót chân và đầu, vặn vẹo giống như một đồ vật đang tập bài thể dục khởi động.

Frank chợt tỉnh. “Kenny”, hấn nói. Hấn cúi xuống và đặt bàn tay đeo gang của mình lên trán Kenny. “Mày đã bắn nó”, hấn nói với Tub.

“Nó buộc tao”, Tub nói.

“Không, không, không”, Kenny kêu lên.

Mắt mũi Tub dần dựa nước. Toàn bộ gương mặt hấn đắm nước. Frank nhắm mắt rồi lại nhìn xuống Kenny. “Đau ở đâu?”

“ở khắp nơi”, Kenny nói.

“Lạy Chúa”, Tub nói.

“Tao muốn hỏi viên đạn trúng chỗ nào?” Frank nói.

“Đây này”, Kenny chỉ vào vết thương trên bụng. Vết thương đang chảy máu chậm chậm.

“Mày còn may đấy”, Frank nói. “Vết thương nằm ở bên trái. Chệch ruột thừa. Nếu trúng vào ruột thừa thì thực sự mày đã tiêu đời rồi”. Hấn oằn người vật vã trên tuyết, tay ôm chặt lấy bụng như thể đang giữ ấm.

“Mày thấy ổn chứ?” Tub nói.

“Có mấy viên thuốc giảm đau ở trong xe ấy”, Kenny nói.

“Tao sẽ đi lấy”, Frank nói.

“Tốt hơn là chúng ta nên gọi xe cứu thương”, Tub nói.

“Lạy Chúa”, Frank kêu lên. “Chúng ta sẽ phải nói gì đây?”

“Chính xác những gì đã xảy ra”, Tub nói. “Nó định bắn tao nhưng tao đã bắn nó trước”.

“Không đời nào!” Kenny hét. “Không đời nào!”

Frank vỗ nhẹ lên tay Kenny! Bình tĩnh đi, anh bạn”. Hấn đứng lên. “Đi thôi”.

Tub nhặt súng của Kenny lên khi chúng đi bộ xuống phía trang trại. “Không thể coi thường lời đe dọa ấy”, hấn nói. “Kenny hấn đã có ý định.”

“Tao chỉ có thể nói với mày một điều”, Frank nói. Lần này mày đã thực sự làm điều đó. Rõ là ngu xuẩn”.

Chúng phải gõ cửa hai lần trước lúc một người đàn ông gầy gò có mái tóc rũ xuống ra mở cửa. Căn phòng phía sau ông ta đầy khói. Ông hấp háy mắt nhìn chúng. “Các anh cần gì?” - ông ta hỏi.

“Không”, Frank trả lời.

“Tôi biết anh sẽ đáp không. Đây là những gì tôi có thể nói hộ cho anh kia.

“Chúng tôi gặp tai nạn”.

Người đàn ông rời mắt khỏi Frank và nhìn Tub đang ủ rũ. “Bắn bạn, có phải không?”

Frank gật đầu.

“Tôi đã bắn”, Tub nói.

“Tôi đoán các anh muốn gọi điện thoại”.

“Nếu ông cho phép”.

Người đàn ông nhìn về phía sau lưng mình rồi bước lùi lại. Frank và Tub theo ông ta vào nhà. Có một người phụ nữ ngồi bên lò sưởi ở giữa phòng. Lò sưởi đang tỏa khói mù mịt. Bà ta ngược lên rồi lại nhìn xuống đứa trẻ đang ngủ trong lòng. Gương mặt bà trắng bệch và đượm vẻ chán nản; những lọn tóc rũ xuống trán. Tub sưởi ấm hai bàn tay trên lò sưởi trong khi Frank vào bếp gọi điện. Người đàn ông đã mở cửa ra cho họ, đang đứng bên cửa sổ, đút tay vào túi quần.

“Bạn tôi đã bắn chết con chó của ông”, Tub nói.

Người đàn ông gật đầu mà không quay lại. “Lẽ ra chính tôi cũng muốn làm điều đó. Chỉ có điều tôi không thể”. “Anh ấy quý con chó lắm”, người đàn bà nói. Đứa trẻ vịn vẹo và bà ta đu đưa nó.

“Ông nhờ hấn à?” Tub nói. “Ông nhờ hấn bán con chó của mình ư?”

“Nó đã quá già và ốm yếu. Thậm chí không nhai nổi cả thức ăn nữa. Bản thân tôi cũng sẽ phải làm điều đó nhưng tôi không có súng”.

“Dù thế nào anh cũng không thể làm”, người đàn bà nói. “Hoàn toàn không thể làm suốt cả triệu năm”.

Người đàn ông nhún vai.

Frank ra khỏi bếp. “Chính chúng ta phải mang hấn đi. Bệnh viện gần nhất cách đây năm mươi dặm và tất cả xe cứu thương của họ đều đã điều đi hết”.

Người đàn bà biết một con đường tắt nhưng hương đi rắc rối nên Tub phải vẽ lại. Người đàn ông chỉ cho chúng nơi có thể kiếm được mấy tấm ván để khiêng Kenny. Ông ta không có đèn pin nhưng ông nói sẽ bật đèn công.

Bên ngoài trời tối. Những đám mây sà thấp xuống trông nặng nề, còn gió thì thổi rít lên từng cơn. Có một tấm màn chắn buông chùng trước nhà; nó khẽ đung đưa rồi đập mạnh mỗi khi gió nổi lên. Chúng có thể nghe thấy tất cả những âm thanh đó trên đường ra kho thóc. Frank đi lấy những tấm ván trong khi Tub tìm Kenny, hấn đã không còn ở chỗ cũ. Tub thấy hấn phía xa trên con đường lái xe vào nhà, đang nằm sấp. “Mày thế nào?” - Tub hỏi.

“Đau quá”.

“Frank bảo nó chệch ruột thừa rồi mà”.

“Tao đã cắt ruột thừa rồi”.

“Ồn rồi”, Frank nói lúc tiến về phía chúng. “Bọn tao sẽ làm cho mày một cái giường thật ấm và dễ chịu trước khi mày có thể

nói chuyện với Jack Robinson”. Hấn đặt hai tấm ván xuống bên phải Kenny.

“Miễn là tao không phải gặp một trong những gã y tá thôi ấy”, Kenny nói.

“Ha ha”, Frank nói. “Nó là con ma đấy. Nào sẵn sàng. Lên... lăn qua...” và hấn lăn tròn Kenny lên trên tấm ván. Kenny thét lên rồi đập đập chân trong không khí. Khi hấn dịu xuống, Frank và Tub nhắc cáng khiêng hấn xuống đường. Tub khiêng phía sau bởi tuyết cứ quất vào mặt hấn làm hấn bước đi khó nhọc. Dù sao hấn cũng đã mệt và người đàn ông trong nhà lại quên bật đèn cổng. Lúc vừa đi qua ngôi nhà, hấn bị trượt và phải vung tay ra để giữ thăng bằng. Cái cáng rơi xuống, Kenny đổ nhào, lăn tròn xuống lòng đường, luôn mồm la hét. Hấn lăn đi rồi dừng lại khi chạm vào bánh phải phía trước của xe tải.

“Đồ bị thịt”, Frank nói. “Mày không giỏi lừa đâu”.

Tub túm lấy cổ áo Frank và ấn lưng hấn vào hàng rào. Frank cố giẫy ra khỏi tay Tub nhưng Tub đã lắc hấn điên cuồng và chop nhanh cái đầu đang vùng vẫy của hấn, cuối cùng Frank cũng đứng im.

“Mày biết quái gì về bị thịt”, Tub nói. “Mày biết quái gì về bắt lực” Khi nói hấn vẫn lắc Frank. “Mày biết cái mẹ gì về tao”.

“Thôi nào”, Frank nói:

“Không được nhắc lại lần nữa”, Tub nói.

“Được rồi”.

“Không nói với tao như thế thêm bất cứ lần nào nữa. Không được nhìn như thế. Không được cười như thế”.

“Được rồi, Tub. Tao hứa”.

Tub thả Frank ra và tì trán vào hàng rào. Tay hấn buông thõng xuống.

“Tao xin lỗi, Tub”. Frank chạm tay lên vai hấn. “Tao đi xuống chỗ xe tải đây”.

Tub đứng bên hàng rào một lúc rồi lấy khẩu súng ở cổng. Frank vắn Kenny lên cang rồi chúng đặt hấn vào thùng xe. Frank đắp chăn cho hấn. “Đủ ấm chưa?” hấn hỏi.

Kenny gật đầu.

“Được rồi. Bây giờ làm thế nào mà quay đầu xe trên con đường này đây?”

“Cứ đánh tay lái về phía bên trái rồi dận ga”. Kenny bật dậy khi Frank bắt đầu tiến về phía cabin. “Frank!”.

“Cái gì”.

“Nếu chiếc xe ì ra thì đừng có ép nó”.

Chiếc xe từ từ chuyển bánh. “Có điều là”, Frank nói, “mày nên gửi chiếc xe cho dân Nhật. Một nền văn hóa rất cổ kính và rất ưa suy tôn, và có thể họ vẫn còn sản xuất ra một chiếc xe chết tiệt như thế này”. Hấn liếc nhìn Tub. “Này, tao xin lỗi. Tao không biết là mày lại bực mình như thế, thề có Chúa tao không biết thật. Mày hãy nói gì đi”.

“Tao nói rồi”.

“Khi nào? Chỉ ra một lần xem”.

“Vài tiếng trước”.

“Tao cho là tao đã không chú ý”.

“Frank, chắc thế”, Tub nói. “Mày đã không chú ý lắm”.

“Tub”, Frank nói. “Chuyện đã xảy ra rồi. Lẽ ra tao phải thông cảm hơn. Tao thấy rõ mọi việc mà. Mày cũng đã cố rất nhiều. Tao chỉ muốn mày hiểu rằng đó không phải là lỗi của mày. Nó đã định làm thế”.

“Mày nghĩ thế sao?”

“Chắc chắn thế. Hoặc nó hoặc mày phải bắn. Tao cũng sẽ làm như thế nếu ở địa vị của mày, không còn cách nào khác”.

Gió đang thổi vào mặt chúng. Tuyết là cả một bức tường trắng xoá đang di chuyển phía trước đèn xe chúng; nó xuyên qua

lỗ thùng ở kính chắn gió, xoáy vào cabin rồi bám vào chúng. Tub đập hai tay vào nhau để sưởi ấm, nhưng chẳng ăn thua.

“Tao sẽ phải dừng lại”, Frank nói. “Những ngón tay tao mất cảm giác rồi”.

Xa xa phía trước, chúng thấy vài ánh đèn hắt ra mặt đường. Đó là quán rượu. Bên ngoài, trên bãi đỗ xe có nhiều xe Zeep và xe tải. Vài chiếc có những con hươu được buộc vắt ngang qua mui xe. Frank dừng xe và chúng quay lại chỗ Kenny. “Thế nào, anh bạn”, Frank nói.

“Tao lạnh”.

“À! đừng có tưởng giống Lone Ranger. Phía trước này tồi hơn, tao thề đấy. Mà nên thay cái kính chắn gió đi”.

“Kìa”, Tub nói, “nó đã đập chẵn ra”. Mấy cái chắn dòn thành một đồng gần cửa.

“Này, Kenny”, Frank nói, “nếu mày không cố chịu đựng và giữ ấm thì rên rỉ về chuyện lạnh chẳng có ích gì. Mày cũng phải tự lo cho mình đi”. Hắn trùm chăn cho Kenny rồi dèm góc lại.

“Chúng bị thổi bay đi”.

“Vậy thì giữ để nó đừng bay”.

“Tại sao chúng ta dừng lại vậy, Frank?”

“Bởi vì nếu tao và Tub không được sưởi ấm lên thì chúng tao sẽ bị đông cứng lại và rồi mày sẽ đi đến được đâu”. Hắn nắm nhẹ cánh tay Kenny. “Canh chú ngựa này nhé”.

Quán bar đầy người mặc áo khoác đủ màu, chủ yếu là màu da cam. Cô phục vụ mang cà phê đến. “Đúng như những chỉ dẫn của bác sĩ”, Frank nói, giữ cái cốc đang bốc khói vào trong lòng bàn tay. Da hắn trắng bệch. “Tub, tao nghĩ rồi. Điều mày nói về chuyện tao không chú ý là đúng đấy”.

“Không sao”.

“Không. Thật sự tao cứ nghĩ mãi về điều đó. Tao cho rằng tao quá ít quan tâm đến vấn đề cũ. Đầu tao có quá nhiều chuyện không chỉ riêng chuyện ấy đâu, thật đáng trách”.

“Quên nó đi, Frank. Lúc ấy tao mất bình tĩnh. Tao nghĩ tất cả chúng ta đều ở trong trạng thái khó chịu”.

Frank lắc đầu. “Không hẳn chỉ thế đâu”.

“Mày có muốn nói về chuyện ấy không?”

“Chỉ riêng hai chúng ta thôi, hả Tub?”

“Là cái chắc, Frank. Chỉ giữa hai chúng ta thôi”.

“Tub à, tao nghĩ tao sẽ bỏ Naney”.

“Ôi, Frank. Ôi, Frank” Tub ngả lưng ra ghế và lắc đầu.

Frank đưa tay đặt lên cánh tay Tub. “Tub, mày đã bao giờ yêu thật sự chưa?”

“Ờ...”

“Ý tao là ... thật sự... yêu”. Hắn bóp chặt cổ tay Tub. “yêu bằng toàn bộ tấm lòng”.

“Tao không biết. Khi mày đặt giả thiết như vậy. Tao không biết”.

“Mày không biết là phải. Không có gì để chứng minh cho mày thấy cả. Nhưng mày sẽ biết nếu mày yêu”. Frank thả cánh tay Tub ra.

“Chuyện tao đang nói với mày không đơn thuần chỉ là chuyện trai gái lãng nhãng đâu”.

“Frank, cô ấy là ai vậy?”

Frank ngập ngừng. Hắn nhìn vào chiếc cốc trống rỗng của mình. “Roxanne Brewer”.

“Con của Cliff Brewer ư? Cô giữ trẻ ư?”

“Mày không thể phân loại con người như vậy, Tub. Điều đó là nguyên nhân làm cho hệ thống sai bét. Và đây là lý do làm cho quốc gia này sắp biến thành địa ngục”.

“Nhưng con bé chưa thể hơn”. Tub lắc đầu.

“Mười lăm. Nàng sẽ mười sáu tuổi vào tháng Năm tới”. Frank cười. “Mùng bốn tháng Năm vào ba giờ mười bảy phút chiều. Mẹ kiếp, Tub, một trăm năm trước ở vào tuổi ấy nàng đã là một thiếu nữ trưởng thành. Juliet chỉ có mười ba tuổi”.

“Juliet nào? Juliet Miller á? Lạy Chúa, Frank, thậm chí nó còn chưa có vú. Thậm chí nó còn chưa mặc được quần áo tắm có nịt ngực. Nó vẫn còn đang chơi đùa ếch ngóc đấy”.

“Không phải Juliet Miller đâu. Mà là Juliet thật. Tub, mày không thấy rằng nàng đang phân chia con người thành từng loại à. Chàng là ủy viên ban quản trị, nàng là thư ký, chàng là tài xế xe tải, nàng mười lăm tuổi. Tub, người được gọi là cô giữ trẻ này, người được gọi là cô gái mười lăm tuổi này so với chúng ta nàng vẫn còn nhỉnh hơn một ngón út. Tao có thể nói với mày rằng tiểu thư bé nhỏ này là người đặc biệt”.

Tub gật đầu. “Tao biết bọn trẻ quý nó”.

“Đối với tao, nàng đã mở ra vô vàn thế giới mà tao chưa bao giờ từng biết”.

“Thế Nancy nghĩ gì về tất cả chuyện này”.

“Mụ ta không biết”.

“Mày vẫn chưa nói với cô ấy à?”

“Chưa. Chuyện này không đơn giản. Bao năm nay mụ ấy đã tốt với tao. Rồi còn phải cân nhắc cả chuyện con cái nữa”. Những giọt nước mắt trong từ từ lăn trên mặt Frank, hắn đưa mu bàn tay chùi nhanh. “Tao chắc mày nghĩ tao cực kỳ khốn nạn”.

“Không đâu, Frank. Tao không nghĩ thế”.

“Ồ, mày... nên...”

“Frank, khi mày có một người bạn, điều đó có nghĩa là luôn có một người ở bên cạnh mày, chẳng có vấn đề gì cả. Dù sao, đó là cách tao cảm nhận về chuyện này”.

“Tub, mày nghĩ vậy à?”

“Đương nhiên”.

Frank mỉm cười. “Tao không biết tâm hồn mình nhẹ nhõm đến mức nào khi nghe mày nói thế”.

Kenny cố trườn ra khỏi xe nhưng không thể. Người hấn vắt qua cửa, đầu treo lủng lẳng trên thanh chắn. Chúng kéo hấn trở lại thùng xe, và lại đắp chắn cho hấn. Người hấn vã mồ hôi nhưng răng thì va vào nhau lập cập. “Frank, đau quá”.

“Vết thương sẽ không quá đau nếu mày chịu nằm yên. Nào, bây giờ chúng ta đến bệnh viện. Đi đến đó chứ? Nói đi - Tao đang đến bệnh viện”.

“Tao đang đến bệnh viện”.

“Lần nữa”.

“Tao đang đến bệnh viện”.

“Nào, hãy tiếp tục tự nói như thế và đến khi mày nhận ra thì bọn ta đã đến đó rồi”.

Sau khi đi chừng vài dặm, Tub quay sang Frank. “Tao mắc phải một sai lầm ngớ ngẩn thật”, hấn nói.

“Điều gì vậy?”

“Tao đã để quên cái sơ đồ chỉ đường trên mặt bàn ở đó rồi”.

“Yên tâm đi. Tao nhớ đường khá tốt”.

Tuyết rơi nhẹ hơn, còn những đám mây bắt đầu cuộn bay khỏi những cánh đồng nhưng trời không ấm lên chút nào, sau đó một lúc cả Frank và Tub bị tê cứng và run cầm cập. Frank hầu như không đánh tay lái quanh xe qua đoạn đường vòng được, chúng quyết định dừng lại ở quán ăn sắp tới bên đường.

Có một cái máy sấy tự động trong phòng tắm, chúng thay phiên nhau đứng trước máy, mở nút áo khoác, áo sơ mi, để những luồng hơi nóng phả lên mặt và ngực chúng.

“Mày biết đấy”, Tub nói. “Cái chuyện mày nói với tao lúc nãy ở đó thì tao đã đánh giá đúng. Tin tao đi”.

Frank co duỗi những ngón tay trước mũi. “Tub à, điều đó tao rút ra qua chuyện ấy là, chẳng có ai là một hòn đảo cả. Hắn phải tin tưởng một ai đó”.

“Frank...”

Frank chờ đợi.

“Khi tao nói gì đó về cái sự bất lực của tao, điều ấy không đúng. Sự thật là tao chỉ ấn nó vào”.

“Tub...”

“Frank, cả ngày lẫn đêm. Dưới cơn mưa rào. Trên đường cao tốc”. Hắn quay người và để cho không khí ủa lên lưng mình. “Thậm chí tao cũng từng làm tình trong lúc làm việc bên cạnh máy sản xuất giấy ăn”.

“Chim chóc mày không hề hấn gì cả chứ”. Frank tháo ủng và cởi tất ra. Thoạt tiên hắn nâng bàn chân phải rồi bàn chân trái sát vào mũi.

“Không. Không hề gì”.

“Thế Alice có biết không?” Cỗ máy tự dừng, Frank bắt đầu mang ủng vào.

“Không một ai biết. Frank ạ, đó là điều tồi tệ nhất của chuyện này. Không riêng lúc béo đầu mà cả lúc gầy tao cũng chưa bao giờ phóng một cú ra trò cả, tao chỉ vờ làm như thế thôi. Phải sống cuộc đời hai mặt như một gã gián điệp hay một người cố làm ra vẻ hào hoa. Điều ấy nghe có vẻ kỳ quặc nhưng tao cảm thấy tiếc cho những kẻ bù nhìn đó. Tao thực sự tiếc. Tao biết chúng phải chịu đựng điều gì. Luôn luôn phải nghĩ về những điều người ta nói và hành động. Luôn cảm thấy như có một người theo dõi mình, cố tóm lấy mình vì một nhẽ gì đó. Chẳng bao giờ có thể tự tin cả. Giống như khi tao làm điệu làm bộ với mỗi một quả cam cho bữa sáng và rồi lại quàng khăn suốt dọc đường đi làm. Oreos, Mars Bars, Twinkies. Sugar Babies Knickers.” Tub liếc qua Frank và nhìn nhanh đi chỗ khác. “Hơi chán, phải không?”

“Tub. Tub”. Frank lắc đầu. “Vào thôi”. Hắn nắm tay Tub dẫn vào cái quán nửa nhà hàng nửa quán bar. “Bạn tôi đang đói”, hắn nói với cô phục vụ. “Cho tôi bốn cái bánh kếp, nhiều bơ và sirô”.

“Frank...”

“Ngồi xuống đi”.

Khi những đĩa thức ăn được mang ra, Frank xén ra một miếng bơ phết lên bánh kếp. Rồi hắn uống cạn chai sirô, đưa qua đưa lại cái chai trên những chiếc đĩa. Hắn chống tay nghiêng người về phía trước và đặt cằm lên bàn tay. “Ăn tiếp đi, Tub”.

Tub ăn vài miếng rồi bắt đầu lau miệng. Frank giật lấy khăn ăn của hắn. “Khoan lau đã”, hắn nói. Tub giữ lại. Nước sirô bám vào cằm hắn; chảy nhỏ giọt xuống như chòm râu dê. “Chén thật đầy vào, Tub”, Frank nói và đẩy một cái nĩa khác qua mặt bàn. “Ăn tiếp đi”. Tub cầm chiếc nĩa bằng tay trái, cúi thấp đầu xuống và bắt đầu ăn ngấu nghiến. “Làm sạch đĩa của mày đi”. Frank nói khi mấy cái bánh kếp đã được ăn hết, rồi Tub nhấc từng cái đĩa và liếm sạch cả bốn chiếc. Hắn ngồi ngả lưng ra, cổ thở đều.

“Tuyệt”, Frank nói. “Mày no chưa?”

“Tao no rồi”, Tub nói. “Tao chưa bao giờ no như thế này”.

Mấy cái chắn của Kenny lại bị đùn lên dón vào cửa thùng xe.

“Không khéo chúng bị cuốn mất”, Tub nói.

“Chúng chẳng có ích gì cho nó cả”, Frank nói. “Có lẽ chúng ta nên tận dụng những cái chắn ấy”.

Kenny lăm bắm. Tub cúi xuống. “Gì vậy? Nói đi”.

“Tao đang đến bệnh viện”, Kenny nói.

“Cừ lắm”, Frank nói.

Những chiếc chắn giữ ấm. Gió vẫn tấp vào mặt chúng và tay của Frank nhưng chúng cảm thấy đỡ hơn nhiều. Lớp tuyết mới trên đường và trên cây cối lấp lánh dưới ánh đèn pha. Những ô vuông ánh sáng từ cửa sổ trang trại hắt xuống lớp tuyết xanh nhạt trên cánh đồng.

“Frank”, lát sau Tub nói. “Mày có biết gã nông dân đó không? Hắn bảo Kenny giết con chó đấy”.

“Mày cứ đùa!” Frank lái đi cẩn thận. “Cái thằng Kenny ấy. Đúng là đồ khùng”. Hắn cười, Tub cũng cười. Tub mỉm cười quay nhìn ra cửa sổ phía sau. Kenny nằm ôm bụng, nhìn những vì sao và nhấp máy môi. Ngay trên đầu hắn ta chòm sao Gấu lớn và ở phía sau nhìn qua kẽ chân Kenny theo hướng bệnh viện, là sao Bắc đẩu, sao Bắc cực, sao Hoa tiêu. Khi chiếc xe tải len lỏi xuyên qua những ngọn đồi thoai thoải, những ngôi sao lượn đi lượn lại giữa đôi ủng của Kenny. Luôn luôn trong tầm nhìn của hắn. “Tao sắp đến bệnh viện”, Kenny nói. Nhưng hắn lầm. Chúng đã rẽ theo hướng khác từ lâu.

Đào Thu Hằng dịch